



QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTT TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Tác giả: PGS.TS. Giang Thị Xuyên

QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài:

Ngày nay, việc ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin đã trở thành yếu tố sống còn, cần thiết cho sự thành công của nhiều đơn vị, tổ chức. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đã thực hiện công tác xử lý thông tin, trong đó có thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin với sự trợ giúp của các phần mềm ứng dụng và hệ thống máy tính hiện đại. Chính vì vậy, các công ty kiểm toán độc lập cũng cần lựa chọn, xây dựng và thực hiện quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm đảm bảo chất lượng và giảm chi phí cho cuộc kiểm toán. Mặt khác, để nâng cao chất lượng và hiệu quả của cuộc kiểm toán, Kiểm toán viên cũng cần ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động kiểm toán nói chung, kiểm toán Báo cáo tài chính nói riêng.

Trên thực tế, một số công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam đã xây dựng và thực hiện quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin trên cơ sở áp dụng kinh nghiệm của các công ty kiểm toán quốc tế, kinh nghiệm của kiểm toán viên và theo đặc điểm, quy mô của mỗi công ty.

Về cơ bản, quy trình và phương pháp kiểm toán đó đã đạt những mục tiêu của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, quy trình và phương pháp kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của các công ty kiểm toán hiện vẫn chưa được xây dựng dựa trên một quy định chung, thống nhất về những điểm căn bản. Điều này không chỉ dẫn đến việc khó kiểm tra, kiểm soát chất lượng của cuộc kiểm toán mà còn có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Mặt khác, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính còn có sự khác biệt lớn giữa các công ty kiểm toán. Các công ty kiểm toán lớn thường ứng dụng và sử dụng công

nghe thông tin rộng rãi hơn, trái lại, mức độ ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán của một số công ty vừa và nhỏ còn rất hạn chế do thiếu nguồn vốn hoặc kỹ thuật...Do vậy, để hỗ trợ cho các công ty kiểm toán vừa và nhỏ, cần thiết phải xây dựng và ban hành quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Những điều trình bày trên cho thấy việc nghiên cứu, hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay là cần thiết trên cả 2 góc độ lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài:

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam, cụ thể:

- Hệ thống hóa và bổ sung lý luận về quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập;
- Phân tích, đánh giá thực trạng quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm toán Báo cáo tài chính tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài:

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay.
- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, cả về lý luận và thực trạng, đồng thời cũng nghiên cứu bài học kinh nghiệm về quy trình

và phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của các công ty kiểm toán trên thế giới.

4. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài:

Đề tài đã hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của các công ty kiểm toán độc lập; Trình bày khái quát và phân tích, đánh giá thực trạng về quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay để rút ra những bài học kinh nghiệm trong thực tế và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán Báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam, nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán độc lập tại Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài sử dụng kết hợp giữa nghiên cứu, tổng kết và phân tích lý luận với khảo sát thực tiễn công tác kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

6. Nội dung kết cấu của đề tài

Ngoài Lời mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề tài gồm 3 chương:

+ Chương 1: Những lý luận cơ bản về quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các công ty kiểm toán độc lập

+ Chương 2: Thực trạng về quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay

+ Chương 3: Hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam

Chương 1

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1.1 Khái quát chung về kiểm toán BCTC

1.1.1.1 Khái niệm và mục tiêu, nguyên tắc kiểm toán BCTC

** Khái niệm kiểm toán báo cáo tài chính*

Kiểm toán nói chung là hoạt động của kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng về thông tin của một đơn vị, nhằm xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin đã được kiểm toán so với các chuẩn mực tương ứng đã được thiết lập. Xét theo đối tượng trực tiếp của kiểm toán, kiểm toán được phân chia thành 3 loại: Kiểm toán hoạt động, Kiểm toán tuân thủ và Kiểm toán báo cáo tài chính.

Kiểm toán báo cáo tài chính là hoạt động của các kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng về cơ sở dữ liệu tin tròn báo cáo tài chính của một đơn vị đó lập ra, nhằm xác nhận và báo cáo về mức độ trung thực hợp lý của báo cáo tài chính đó được kiểm toán.

Chủ thể của hoạt động kiểm toán là kiểm toán viên. Báo cáo tài chính có thể được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập, kiểm toán nội bộ hay kiểm toán nhà nước. Tuy nhiên, một yêu cầu chung khi kiểm toán báo cáo tài chính là kiểm toán viên phải độc lập và có năng lực. Độc lập là nguyên tắc cơ bản đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, nó làm cho quá trình kiểm toán, các đánh giá trong kiểm toán cũng như ý kiến cuối cùng trên báo cáo kiểm toán là khách quan. Còn năng lực là cơ sở đảm bảo cho kiểm toán viên có thể tổ chức, triển khai và hoàn thành cuộc kiểm toán có hiệu quả. Trong quá trình kiểm toán đòi hỏi kiểm toán viên phải xét đoán và tự chịu trách nhiệm rất nhiều. Kiểm toán viên, với tư cách là chủ thể trực tiếp thực hiện công việc kiểm toán, do vậy phải có đủ năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ do công việc kiểm toán đặt ra.

Đối tượng của kiểm toán báo cáo tài chính là các báo cáo tài chính, thường bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này chứa đựng những thông tin tài chính và thông tin phi tài chính, thông tin định lượng và thông tin không định lượng, phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình và kết quả lưu chuyển tiền tệ và các thông tin cần thiết khác để người sử dụng báo cáo tài chính có thể phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình và kết quả kinh doanh của đơn vị.

Nội dung của hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính là kiểm toán viên tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng về báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán. Bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính gồm cả những bằng chứng liên quan đến các nghiệp vụ, các số dư tài khoản và cả những bằng chứng khác như những bằng chứng về hệ thống kiểm soát nội bộ, về tình hình kinh doanh, về lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, về các nghĩa vụ và tình hình tuân thủ pháp luật của đơn vị. Chúng có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và bằng nhiều kỹ thuật khác nhau. Dựa trên các bằng chứng kiểm toán này, kiểm toán viên hình thành nên ý kiến của mình về mức độ trung thực hợp lý của báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính được thiết lập dựa trên cơ sở của các là các quy định về kế toán, gồm cả quy định pháp lý về kế toán như Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán, và quy định về kế toán tại đơn vị như các quy định về hệ thống tài khoản, hình thức sổ kế toán, các chính sách kế toán v.v. Ngoài ra, cơ sở của các báo cáo tài chính còn bao gồm cả các quy định pháp lý khác có liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động kinh doanh của đơn vị như những quy định về sản xuất kinh doanh, trao đổi, mua bán sản phẩm, quản lý lao động, vật tư, nghĩa vụ đối với ngân sách v.v. Các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan nói trên là chuẩn mực (tiêu chuẩn) để kiểm toán viên đánh giá các thông tin tài chính, đánh giá BCTC đã được kiểm toán.

Kết quả của kiểm toán báo cáo tài chính là các báo cáo kiểm toán, trong đó nêu rõ ý kiến kết luận của kiểm toán viên về mức độ trung thực hợp lý của báo cáo tài chính được kiểm toán. Ngoài ra, kết quả kiểm toán còn có thể gồm

cả thư quản lý nêu lên những tồn tại trong việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ, trong việc tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính ở đơn vị đồng thời đề xuất hướng khắc phục để đơn vị nâng cao chất lượng của các báo cáo tài chính.

*** Mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính**

Đối tượng của kiểm toán báo cáo tài chính là các báo cáo tài chính, hay cụ thể hơn là các thông tin trên báo cáo tài chính được kiểm toán. Kiểm toán viên tiến hành thu thập các bằng chứng kiểm toán và dựa trên các bằng chứng thu thập được, đối chiếu với các tiêu chuẩn, chuẩn mực, những quy định pháp lý về kế toán và các quy định pháp lý khác có liên quan để đưa ra ý kiến của mình xác nhận về mức độ trung thực hợp lý của các báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Có thể khái quát: Mục tiêu tổng quát chủ yếu của kiểm toán BCTC là kiểm tra và xác nhận về mức độ trung thực và hợp lý của BCTC được kiểm toán. Hay như Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 200 – Mục tiêu và nguyên tắc kiểm toán BCTC (VAS.200) thì “Kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng báo cáo tài chính có được lập trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không”. và “Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính còn giúp cho đơn vị được kiểm toán thấy rõ những tồn tại, sai sót để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính của đơn vị”

*** Những nguyên tắc cơ bản chi phối kiểm toán báo cáo tài chính**

Hoạt động nghề nghiệp của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán là loại hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các đơn vị có nhu cầu kiểm toán kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC nói riêng. Những nguyên tắc cơ bản chi phối quá trình hoạt động kiểm toán BCTC bao gồm: Tuân thủ pháp luật, Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp

Tuân thủ pháp luật:: Trong hoạt động kiểm toán, kiểm toán viên phải luôn coi trọng và chấp hành đúng luật pháp của Nhà nước nói chung và những quy định có tính pháp lý của Nhà nước trong lĩnh vực nghề nghiệp kiểm toán nói

riêng. Đồng thời, kiểm toán viên phải chịu trước pháp luật về công việc và kết quả công việc kiểm toán của mình.

Tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: Trong hoạt động kiểm toán, kiểm toán viên phải luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Những nguyên tắc cơ bản của đạo đức nghề nghiệp kiểm toán gồm: “Độc lập”; “Chính trực”; “Khách quan”; “Năng lực chuyên môn và tính thận trọng”; “Tính bảo mật”; “Tư cách nghề nghiệp” và “Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn”.

Độc lập: Độc lập là nguyên tắc hành nghề cơ bản của kiểm toán viên: Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề phải thực sự không bị chi phối hoặc tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan và độc lập nghề nghiệp của mình.

Kiểm toán viên hành nghề không được nhận làm kiểm toán cho các đơn vị mà mình có quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, hoặc là cổ đông chi phối của khách hàng, hoặc có ký kết hợp đồng gia công, dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa.

Kiểm toán viên hành nghề không được nhận làm kiểm toán ở những đơn vị mà bản thân có quan hệ gia đình ruột thịt (như có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là người trong bộ máy quản lý điều hành (Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các trưởng, phó phòng và các cấp tương đương) trong đơn vị khách hàng.

Kiểm toán viên hành nghề không được vừa làm dịch vụ kế toán, như ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, kiểm toán nội bộ, định giá tài sản, tư vấn quản lý, tư vấn tài chính, vừa làm dịch vụ kiểm toán cho cùng một khách hàng trong cùng một thời gian.

Trong quá trình kiểm toán, những đe dọa làm ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên và công ty kiểm toán thường xuyên có thể xảy ra dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Nếu có sự hạn chế về tính độc lập thì kiểm toán viên và công ty kiểm toán phải tìm mọi cách loại bỏ sự hạn chế này. Nếu không thể loại bỏ được thì phải nêu rõ điều này trong Báo cáo kiểm toán.

Chính trực: Kiểm toán viên phải thẳng thắn, trung thực và có chính kiến rõ ràng trước các sự kiện, hiện tượng.

Khách quan: Kiểm toán viên phải công bằng, tôn trọng sự thật và không được thành kiến, thiên vị.

Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Kiểm toán viên phải thực hiện công việc kiểm toán với đầy đủ năng lực chuyên môn cần thiết, với sự thận trọng cao nhất và tinh thần làm việc chuyên cần. Kiểm toán viên có nhiệm vụ duy trì, cập nhật và nâng cao kiến thức trong hoạt động thực tiễn, trong môi trường pháp lý và các tiến bộ kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu công việc.

Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên phải có thái độ hoài nghi mang tính nghề nghiệp (tính thận trọng), phải luôn ý thức rằng có thể tồn tại những tình huống dẫn đến những sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính để lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nhằm phát hiện ra những sai sót trọng yếu ấy.

Tính bảo mật: Kiểm toán viên phải bảo mật các thông tin có được trong quá trình kiểm toán; không được tiết lộ bất cứ một thông tin nào khi chưa được phép của người có thẩm quyền, trừ khi có nghĩa vụ phải công khai theo yêu cầu của pháp luật hoặc trong phạm vi quyền hạn nghề nghiệp của mình.

Tư cách nghề nghiệp: Kiểm toán viên phải trau dồi và bảo vệ uy tín nghề nghiệp, không được gây ra những hành vi làm giảm uy tín nghề nghiệp.

Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn: Kiểm toán viên phải thực hiện công việc kế toán, kiểm toán theo những kỹ thuật và chuẩn mực chuyên môn đã quy định trong chuẩn mực kiểm toán, quy định của Hội nghề nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

Chuẩn mực kiểm toán quy định các nguyên tắc, thủ tục cơ bản và hướng dẫn thể thức áp dụng các nguyên tắc và thủ tục cơ bản liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính. Trong hoạt động kiểm toán, kiểm toán viên phải nắm vững, hiểu rõ và tuân thủ chuẩn mực chuyên môn là chuẩn mực kiểm toán (chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc các chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận).

1.1.1.2 Nội dung kiểm toán báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính bao gồm một hệ thống các thông tin, chủ yếu là thông tin tài chính, được sắp xếp thành các bộ phận, các khoản mục. Kiểm toán báo cáo tài chính là phải kiểm tra và xác nhận các thông tin (các bộ phận, các khoản mục) của báo cáo tài chính. Có hai phương pháp tiếp cận kiểm toán báo

cáo tài chính là: tiếp cận trực tiếp các bộ phận, các khoản mục (gọi tắt là phương pháp trực tiếp) và tiếp cận gián tiếp thông qua các chu kỳ kinh doanh cụ thể (gọi tắt là phương pháp tiếp cận chu kỳ). Do vậy, nội dung kiểm toán theo hai phương pháp này cũng khác nhau.

Theo phương pháp tiếp cận trực tiếp, nội dung kiểm toán báo cáo tài chính thường chia ra theo từng bộ phận, khoản mục của báo cáo tài chính, gồm: Kiểm toán tài sản ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn; Kiểm toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn; Kiểm toán nợ phải trả; Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu; Kiểm toán doanh thu và thu nhập; Kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí; Kiểm toán kết quả và phân phối. Trong từng bộ phận trên còn chia chi tiết hơn, ví dụ: kiểm toán tiền và tương đương tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán tài sản cố định v.v. Theo phương pháp này nội dung kiểm toán và đối tượng thông tin trực tiếp của kiểm toán là như nhau nên dễ xác định. Tuy nhiên, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính không hoàn toàn độc lập với nhau nên việc triển khai kiểm toán theo hướng này thường không đạt hiệu quả cao.

Theo phương pháp tiếp cận chu kỳ, nội dung kiểm toán báo cáo tài chính thường chia ra theo từng chu kỳ (hay chu trình) kinh doanh cụ thể, gồm: Kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền; Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán; Kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự; Kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và sản xuất; Kiểm toán chu kỳ huy động vốn và hoàn trả;... Những thông tin tài chính có liên quan đến cùng một loại nghiệp vụ được nghiên cứu trong mối quan hệ với nhau trong mỗi chu kỳ này sẽ là đối tượng được kiểm toán. Kiểm toán theo từng chu kỳ cho phép xem xét hiệu lực của công tác quản lý và kiểm soát nội bộ đối với hoạt động thuộc chu kỳ làm cơ sở xác định phạm vi áp dụng các thủ nghiệm cơ bản thích hợp và có hiệu quả hơn.

Dù tiếp cận kiểm toán theo phương pháp trực tiếp hay phương pháp chu kỳ, cuối cùng kiểm toán viên vẫn phải đưa ra ý kiến nhận xét tổng quát, toàn bộ về báo cáo tài chính được kiểm toán. Nhưng do các nghiệp vụ ảnh hưởng và kết nối số dư trong mỗi chu kỳ, giữa các chu kỳ lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nên nên kiểm toán theo chu kỳ sẽ khoa học hơn và tiết kiệm chi phí hơn so với phương pháp tiếp cận trực tiếp trên đây.

1.1.1.3. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

Sau khi đã chấp nhận và ký kết hợp đồng kiểm toán cho khách hàng (nếu là kiểm toán độc lập) hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc kiểm toán (nếu là kiểm toán Nhà nước, kiểm toán nội bộ), thì mới bắt đầu của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Quy trình tổng thể cho kiểm toán báo cáo tài chính gồm ba bước (ba giai đoạn): lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kế hoạch kiểm toán (thực hiện kiểm toán), và kết thúc kiểm toán.

Bước 1: Lập kế hoạch kiểm toán

Để đảm bảo cuộc kiểm toán có hiệu quả, kế hoạch kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán được lập một cách đúng đắn: giúp kiểm toán viên thu thập bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp; giúp giữ chi phí kiểm toán ở mức hợp lý; và để tránh những bất đồng với khách hàng.

Phạm vi kế hoạch kiểm toán thay đổi tùy theo quy mô khách hàng, tính chất phức tạp của công việc kiểm toán, kinh nghiệm và hiểu biết của kiểm toán viên về hoạt động của đơn vị được kiểm toán. Thông thường kế hoạch kiểm toán bao gồm hai bộ phận là kế hoạch tổng thể và chương trình kiểm toán. Đối với những cuộc kiểm toán quy mô lớn, tính chất phức tạp địa bàn rộng hoặc hợp đồng kiểm toán nhiều năm thì trước khi kế hoạch kiểm toán tổng thể, còn cần lập kế hoạch chiến lược. Kế hoạch chiến lược đưa ra mục tiêu, định hướng cơ bản, nội dung trọng tâm, phương pháp tiếp cận và tiến trình của cuộc kiểm toán. Kế hoạch chiến lược có thể được lập thành một bản riêng hoặc cấu tạo thành một phần trong kế hoạch tổng thể.

Các phần việc chính trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán: thu thập thông tin cơ sở; thu thập thông tin về các nghĩa vụ pháp lý của khách hàng; thực hiện các thủ tục phân tích sơ bộ; thiết lập mức trọng yếu, đánh giá rủi ro kiểm toán có thể chấp nhận và rủi ro tiềm tàng; tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát; phát triển kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán.

Các thông tin cơ sở như ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh, hoạt động kinh doanh, các bên liên quan là những thông tin hết sức cơ bản cho việc tiến hành kiểm toán. Những thông tin này phải được thu thập ngay khi bắt

đầu lập kế hoạch kiểm toán. Đồng thời, ở nội dung này còn phải đánh giá nhu cầu sử dụng chuyên gia bên ngoài trong những tình huống cần thiết.

Các thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng cần phải được kiểm tra ngay sau khi thu thập thông tin cơ bản. Những thông tin này được thu thập thông qua việc tìm hiểu điều lệ công ty, các quy chế của công ty khách hàng; các biên bản cuộc họp ban giám đốc và hội đồng quản trị; và các hợp đồng của công ty.

Sau khi đã đạt được các thông tin theo các nội dung trên cần thực hiện các thủ tục phân tích sơ bộ nhằm để hiểu biết về ngành nghề kinh doanh và công việc kinh doanh của khách hàng, đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh, chỉ ra những sai phạm có thể và để giảm công việc kiểm tra chi tiết.

Rủi ro kiểm toán có thể chấp nhận được xác định cho cuộc kiểm toán nói chung và thông thường được áp dụng giống nhau cho các chu kỳ, các khoản mục kiểm toán. Trong khi đó, rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát cần phải được xác định cụ thể cho từng chu kỳ, từng khoản mục của báo cáo tài chính thậm chí cho từng cơ sở dẫn liệu. Trọng yếu được thiết lập (dự tính) chung cho toàn bộ báo cáo tài chính sau đó phân bổ cho các bộ phận của báo cáo tài chính nhưng không cần thiết phải xác định cho từng cơ sở dẫn liệu.

Chương trình kiểm toán được lập cho từng tài khoản hay khoản mục; Chương trình kiểm toán thực chất là một tập hợp các thủ tục kiểm toán chỉ dẫn cho việc thu thập bằng chứng kiểm toán theo các cơ sở dẫn liệu cụ thể, trong đó xác định cả quy mô mẫu, phần tử lựa chọn và thời gian thực hiện cho mỗi thủ tục kiểm toán. Chương trình kiểm toán thường được thiết kế thành các phần: các khảo sát về kiểm soát, các thủ tục phân tích, các khảo sát nghiệp vụ và các khảo sát chi tiết của các số dư. Mỗi phần được tiếp tục chia nhỏ thành các nghiệp vụ kinh tế và các khoản mục hay chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Bước 2: Thực hiện kế hoạch kiểm toán

Giai đoạn thực hiện kiểm toán bao gồm hai loại công việc: thực hiện các khảo sát kiểm soát và thực hiện các khảo sát cơ bản đối với các thông tin tài chính (số liệu kế toán).

Thực hiện khảo sát kiểm soát: nếu kiểm toán viên tin rằng kết quả khảo sát cho phép đánh giá một mức độ thấp hơn về rủi ro kiểm soát so với mức đánh

giá ban đầu về rủi ro kiểm soát. Kết quả của khảo sát về kiểm soát là cơ sở để xác định phạm vi các khảo sát cơ bản, cụ thể là thử nghiệm chi tiết về các nghiệp vụ và các số dư.

Thực hiện khảo sát cơ bản: Thông thường kiểm toán viên sẽ tiến hành các thủ tục phân tích và kiểm tra chi tiết các số dư cũng như thực hiện các kiểm tra chi tiết bổ sung. Thủ tục phân tích dùng để kiểm tra tính hợp lý chung của các nghiệp vụ và số dư. Kiểm tra chi tiết các số dư là những thủ tục cụ thể cần thực hiện để kiểm tra những sai sót bằng tiền trong các khoản mục, chỉ tiêu trong báo cáo tài chính và thu thập các bằng chứng làm cơ sở trực tiếp cho kiểm toán viên đưa ra kết luận về những thông tin tài chính (khoản mục) đã được kiểm toán.

Bước 3: Kết thúc kiểm toán

Sau khi đã thực hiện kiểm toán các bộ phận, khoản mục trên báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải tổng hợp kết quả để lập và phát hành báo cáo kiểm toán. Những công việc chủ yếu ở giai đoạn này gồm: Soát xét những khoản nợ tiềm ẩn; soát xét các sự kiện phát sinh sau; thu thập những bằng chứng cuối cùng; đánh giá kết quả, xác định loại báo cáo kiểm toán phù hợp; lập và phát hành báo cáo kiểm toán, thư quản lý (nếu cần).

Soát xét những khoản nợ tiềm ẩn là việc xem xét các khoản nợ ngoài ý muốn có thể phát sinh làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính như các khoản tiền có thể bị phạt bị bồi thường do bị kiện tụng v.v. Các sự kiện phát sinh sau là những sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính phát sinh khi kết thúc năm tài chính, khóa sổ lập báo cáo tài chính nhưng trước khi ký báo cáo kiểm toán; và cả những sự kiện phát sinh sau khi ký báo cáo kiểm toán. Các khoản nợ và các sự kiện này có thể phát sinh, làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, và do vậy có thể ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán. Kiểm toán viên phải thu thập những bằng chứng cuối cùng cho những sự kiện này. Trên cơ sở đó tổng hợp, đánh giá kết quả và xác định loại ý kiến kiểm toán thích hợp cho việc phát hành báo cáo kiểm toán. Ngoài báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên độc lập cũng thường lập và gửi cho khách hàng một Thư quản lý, với nội dung chủ yếu là đề cập đến những khâu công việc quản lý và kiểm soát của đơn vị, mà

theo kiểm toán viên cho là quan trọng, kèm theo là những khuyến cáo đối với đơn vị về cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý và kiểm soát.

1.1.2. Khái quát chung về kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính

1.1.2.1. Khái quát chung về kiểm toán độc lập

Kiểm toán độc lập là công việc kiểm toán được thực hiện bởi các kiểm toán viên chuyên nghiệp làm việc trong các doanh nghiệp kiểm toán. Kiểm toán độc lập là loại hình dịch vụ nên chỉ được thực hiện khi khách hàng có yêu cầu và đồng ý trả phí thông qua việc ký kết hợp đồng kiểm toán.

Sự ra đời của hoạt động kiểm toán độc lập là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường. Khi xã hội càng phát triển, nền kinh tế thị trường càng phức tạp thì thông tin kinh tế càng có nguy cơ chứa đựng nhiều rủi ro, sai lệch, thiếu tin cậy. Mặt khác thông tin tài chính của doanh nghiệp không chỉ để báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước để kiểm tra và xét duyệt, mà nay các thông tin này còn cần thiết cho nhiều người, được nhiều đối tượng quan tâm, khai thác sử dụng cho các quyết định kinh tế. Tuy ở nhiều góc độ khác nhau nhưng tất cả các đối tượng này đều mong muốn có được các thông tin có độ tin cậy cao. Trong bối cảnh trên kiểm toán độc lập ra đời đóng vai trò là một bên thứ ba độc lập khách quan, có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức nghề nghiệp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, thực hiện chức năng thẩm định thông tin theo yêu cầu và đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin này. Kiểm toán độc lập cung cấp cho những người sử dụng kết quả kiểm toán sự hiểu biết về những thông tin tài chính họ được cung cấp có được lập trên cơ sở các nguyên tắc và chuẩn mực theo qui định hay không và các thông tin đó có trung thực và hợp lý hay không. Đặc biệt khi các quy định mang tính pháp lý bắt buộc các thông tin tài chính trước khi công bố phải có xác nhận của kiểm toán độc lập đã thể hiện rõ nét vai trò của tổ chức này trong quá trình đổi mới nền kinh tế mỗi quốc gia.

Kiểm toán độc lập góp phần tạo niềm tin cho người quan tâm, làm tăng mức độ tin cậy đối với các thông tin tài chính, góp phần lành mạnh hoá các quan hệ kinh tế. Dựa vào kết quả kiểm toán, người sử dụng báo cáo tài chính được kiểm toán có được các thông tin một cách khách quan, đáng tin cậy; từ đó có thể

đánh giá một cách đúng đắn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp làm cơ sở cho các quyết định kinh tế của mình. Đồng thời thông qua quá trình kiểm toán, các kiểm toán viên độc lập còn có thể đưa ra những kiến nghị giúp doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý tài chính nói riêng cũng như hoạt động kinh doanh nói chung. Trong các quan hệ kinh tế, nhờ có xác nhận của kiểm toán độc lập mà các doanh nghiệp đã tìm được tiếng nói chung đó là sự tin cậy lẫn nhau, sự thẳng thắn, trung thực trong trình bày tình hình tài chính của mình. Đặc biệt trong quan hệ hợp tác kinh doanh với nước ngoài, để thu hút vốn đầu tư nước ngoài thì cần có xác nhận của kiểm toán độc lập về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Do vậy kiểm toán độc lập ra đời đã đáp ứng tốt nhu cầu của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, góp phần hoàn thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy nhanh quá trình phát triển nền kinh tế. Ngoài ra kiểm toán độc lập còn là hoạt động dịch vụ, nó tạo ra giá trị cho nền kinh tế cũng như thu hút được lực lượng lớn các lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và đặc biệt là lực lượng chuyên gia tư vấn nước ngoài làm việc tại các công ty kiểm toán quốc tế. Qua đó tạo được môi trường làm việc chuyên nghiệp, rút ngắn khoảng cách hội nhập về lĩnh vực kiểm toán giữa các quốc gia đang phát triển và các nước có nền kiểm toán phát triển.

Tổ chức kiểm toán độc lập có thể cung cấp nhiều loại dịch vụ khác nhau như dịch vụ xác nhận (bao gồm dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét), và các dịch vụ khác (bao gồm tư vấn, đào tạo kiến thức, kiểm tra thông tin, kế toán...) theo hợp đồng cung cấp dịch vụ đã thoả thuận giữa công ty kiểm toán và khách hàng.

Chủ thể của cuộc kiểm toán độc lập là kiểm toán viên độc lập. Về nguyên tắc, kiểm toán viên độc lập phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản: có kỹ năng, và khả năng tương xứng; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Các kiểm toán viên độc lập ngoài chịu sự quản lý từ phía công ty kiểm toán, còn phải chịu sự kiểm tra, giám sát từ các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp về kiểm toán.

1.1.2.2. Những đặc điểm kiểm toán báo cáo tài chính trong công ty kiểm toán độc lập

Kiểm toán báo cáo tài chính là dịch vụ nổi bật nhất mà công ty kiểm toán cung cấp ra thị trường. Doanh thu hàng năm từ hoạt động này luôn chiếm trên 50% tổng doanh thu của các hãng kiểm toán. Do vậy nói tới doanh nghiệp kiểm toán, người ta thường nghĩ ngay tới dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính. Hay nói cách khác, đặc trưng của kiểm toán độc lập là kiểm toán báo cáo tài chính. Có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản chi phối quá trình kiểm toán độc lập báo cáo tài chính như sau:

Thứ nhất, đặc trưng sở hữu vốn đầu tư của công ty kiểm toán quyết định tới chất lượng hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính

Kiểm toán độc lập được tổ chức theo mô hình doanh nghiệp, với hai hình thức tổ chức phổ biến là công ty tư nhân và công ty hợp danh. Các công ty kiểm toán này về nguyên tắc đều phải chịu trách nhiệm vô hạn về mọi hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có bao gồm dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính. Đặc điểm này đã tạo ra sự khác biệt quan trọng so với công việc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện bởi kiểm toán Nhà nước (là một cơ quan của Nhà nước thực hiện công việc kiểm toán) hoặc kiểm toán nội bộ (là một phòng, ban bên trong doanh nghiệp). Do các kiểm toán viên độc lập phải cam kết về chất lượng dịch vụ nói chung và kiểm toán báo cáo tài chính nói riêng bằng chính tài sản của mình bỏ ra, cho nên họ sẽ có trách nhiệm cao nhất với dịch vụ đã thoả thuận với khách hàng. Theo đó có thể hiểu: *xác nhận của kiểm toán viên độc lập về độ tin cậy của thông tin trên báo cáo tài chính đã/phải được đảm bảo bằng danh tiếng và tài sản của chính công ty kiểm toán và các kiểm toán viên độc lập.*

Thứ hai, tính chất hoạt động của kiểm toán độc lập ảnh hưởng tới tính kinh tế và tính hiệu quả của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính

Xuất phát từ quan hệ mua bán thoả thuận về dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính giữa kiểm toán độc lập với khách hàng mà một hợp đồng kiểm toán được xác lập. Theo đó kiểm toán độc lập phải đưa ra ý kiến xác nhận về báo cáo tài chính của doanh nghiệp và khách hàng phải trả một khoản phí tương xứng với khối lượng công việc và thời gian kiểm toán đã thực hiện. Điều này là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của các loại dịch vụ trong nền kinh tế thị trường

nơi mà nhu cầu về các báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán đã được cung cấp kịp thời bởi các công ty kiểm toán một cách đáng tin cậy.

Mặt khác do đã nhận phí từ phía khách hàng về dịch vụ kiểm toán, nên kiểm toán viên độc lập phải thực hiện công việc kiểm toán với *sự thận trọng nghề nghiệp cao nhất* nhằm giảm thiểu rủi ro kiểm toán xuống mức thấp nhất có thể chấp nhận được. Đồng thời tính kinh tế và tính hiệu quả của cuộc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính lại phụ thuộc phần lớn vào tính thích hợp và đầy đủ của bằng chứng kiểm toán thu thập được. Do đó kiểm toán độc lập luôn phải cân nhắc mối quan hệ giữa *chi phí bỏ ra để thu thập bằng chứng* (từ đó hình thành ý kiến nhận xét) với *chất lượng của cuộc kiểm toán* (từ đó hình thành lòng tin của người sử dụng thông tin). Đặc điểm này cũng tạo ra sự khác biệt về tính chất công việc kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán Nhà nước thực hiện là bắt buộc kiểm toán (với chi phí lấy từ Ngân sách Nhà nước) và kiểm toán nội bộ là bắt buộc và tự nguyện kiểm toán (với chi phí do doanh nghiệp tự chi trả).

Thứ ba, mối quan hệ giữa vai trò của kiểm toán độc lập với sự kỳ vọng của người sử dụng báo cáo tài chính được kiểm toán trong nền kinh tế thị trường

Với vai trò là một bên thứ ba (hoàn toàn độc lập, khách quan với người sử dụng thông tin và doanh nghiệp) cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính một cách chuyên nghiệp theo cơ chế thị trường, kiểm toán độc lập đã tạo được niềm tin vững chắc nhất từ những người quan tâm so với các tổ chức kiểm toán khác. Ý kiến nhận xét của kiểm toán độc lập về thông tin tài chính luôn *có mức độ đảm bảo hợp lý cao nhất* so với các trường hợp xác nhận khác, nhằm bảo vệ những đối tượng quan tâm tránh khỏi nguy cơ rủi ro thông tin sai lệch, kém tin cậy trước khi đưa ra quyết định quản lý hoặc đầu tư.

Thứ tư, cuộc kiểm toán được thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc cơ bản và quy trình kiểm toán độc lập báo cáo tài chính

Những nguyên tắc cơ bản chi phối cuộc kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm: tính tuân thủ pháp luật, tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và kiểm toán viên phải có thái độ hoài nghi nghề nghiệp. Những nguyên tắc cơ bản này nhằm đảm bảo ở mức cao nhất rằng các báo cáo

tài chính được kiểm toán đã được xem xét trên các khía cạnh trung thực, hợp lý và hợp pháp.

Quy trình kiểm toán độc lập báo cáo tài chính bao gồm bốn giai đoạn: chuẩn bị và lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kế hoạch, và kết thúc kiểm toán. Trong đó giai đoạn chuẩn bị và lập kế hoạch, các kiểm toán viên độc lập phải tìm hiểu thông tin sơ bộ về khách hàng, xem xét lý do thực hiện kiểm toán, và chuẩn bị ký kết hợp đồng. Mục đích tiến hành giai đoạn này nhằm đảm bảo kiểm toán viên độc lập phải có sự hiểu biết nhất định về cuộc kiểm toán báo cáo tài chính và đánh giá sơ bộ về rủi ro hợp đồng và rủi ro kiểm toán. Nếu kiểm toán viên không thể kiểm soát được những rủi ro có thể gặp phải từ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của khách hàng thì có thể từ chối không cung cấp dịch vụ. Như vậy có thể thấy *cuộc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính chỉ có thể được tiến hành khi kiểm toán viên có đủ sự hiểu biết về tình hình hoạt động của khách hàng cũng như báo cáo tài chính của đơn vị* nhằm đảm bảo các ý kiến nhận xét đưa ra sau này là hoàn toàn tuân thủ quy định của các chuẩn mực và văn bản pháp lý liên quan. Trái lại, cuộc kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán Nhà nước và kiểm toán nội bộ thực hiện thì lại không có khâu xử lý thư mời và ký kết hợp đồng kiểm toán. Đặc điểm này cũng tạo ra sự khác biệt về dịch vụ kiểm toán độc lập báo cáo tài chính so với các hoạt động kiểm toán được thực hiện bởi các tổ chức khác.

Thứ năm, kiểm toán độc lập báo cáo tài chính chịu sự kiểm soát chất lượng chặt chẽ theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và Hiệp hội nghề nghiệp kiểm toán

Tại mỗi quốc gia, hoạt động kiểm toán độc lập được thực hiện bởi các kiểm toán viên thuộc các doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của pháp luật và dựa trên các thông lệ, chuẩn mực chuyên môn. Chất lượng dịch vụ kiểm toán nói chung và kiểm toán báo cáo tài chính nói riêng được biểu hiện thông qua mức độ thoả mãn của các đối tượng sử dụng thông tin về tính khách quan và độ tin cậy vào ý kiến nhận xét của kiểm toán viên. Sự thoả mãn này càng tăng lên khi tính khách quan và ý kiến nhận xét về độ tin cậy của thông tin cũng gia tăng. Và điều này chỉ có thể đạt được thông qua việc kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán từ phía chính các công ty kiểm toán và hiệp hội nghề nghiệp.

Ở mỗi quốc gia, công việc kiểm soát chất lượng kiểm toán được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp lý về kiểm toán độc lập và được thực hiện thường xuyên dưới sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý Nhà nước hoặc hiệp hội nghề nghiệp kiểm toán. Điều này nhằm nâng cao tác dụng của kiểm toán độc lập và tăng niềm tin của người quan tâm vào dịch vụ kiểm toán nói chung và kiểm toán báo cáo tài chính nói riêng.

1.2 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỚI HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN BCTC

1.2.1 Khái quát về công nghệ thông tin và tác động của công nghệ thông tin tới hoạt động kế toán và Báo cáo tài chính trong đơn vị

Công nghệ thông tin là ngành sử dụng máy tính và phần mềm máy tính để chuyển đổi, lưu trữ, bảo vệ, xử lý, truyền, và thu thập thông tin. Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội.

Ngày nay theo đà phát triển của công nghệ thông tin, việc đưa máy vi tính vào sử dụng trong công tác kế toán đã trở nên phổ biến. Tin học hóa công tác kế toán không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi mà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán, tạo cơ sở để tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và máy tính vào công tác kế toán đã làm thay đổi hoàn toàn việc lưu trữ, truy cập và kiểm soát dữ liệu. Trong điều kiện kế toán thủ công, việc sử dụng sổ sách kế toán để ghi nhận, hệ thống hóa thông tin thường tốn kém rất nhiều thời gian nên thông tin phục vụ cho quản lý thường không được cập nhật kịp thời. Nhưng khi chuyển sang kế toán bằng máy tính điện tử, do khả năng của máy có thể ghi nhớ một lượng thông tin rất lớn và trên cơ sở những thông tin ban đầu máy có khả năng chuyển đổi thành những thông tin hữu ích nhờ một chương trình định trước cho máy. Toàn bộ những thông tin ban đầu đều được tập hợp trong file cơ sở dữ liệu (Data based file).

Chỉ cần một chương trình đã lập và cài đặt cho máy để tính toán, sắp xếp, phân loại, tổng hợp thông tin ban đầu thành thông tin theo yêu cầu của nhà quản trị, đơn vị sẽ có được toàn bộ hệ thống thông tin trong sổ sách kế toán tương tự như kế toán thủ công nhưng rõ ràng hơn và nhanh chóng hơn. Sổ sách kế toán trong điều kiện sử dụng máy tính điện tử chính là một hệ thống thông tin kế toán đã được phân loại và hệ thống hóa theo các quy định về kế toán, nhằm phục vụ cho quản lý. Hệ thống thông tin hữu ích này thường được chia làm hai loại là thông tin tổng hợp và thông tin chi tiết, và nếu so sánh với kế toán thủ công thì thông tin tổng hợp nằm trong sổ cái, thông tin chi tiết nằm trong các sổ chi tiết.

Việc tổ chức kế toán bằng máy không chỉ đơn thuần là sử dụng máy ghi sổ thay con người, việc sử dụng máy vi tính vào công tác kế toán đã làm thay đổi phần lớn những cấu trúc của quy trình kế toán thủ công. Trước hết là những trật tự ghi chép bị phá vỡ, sau đó là những mối liên hệ sổ sách vốn có, đặc biệt là quan hệ đối chiếu cũng bị phá vỡ theo. Trong điều kiện sử dụng máy sẽ hình thành một trật tự ghi chép, xử lý thông tin mới cực nhanh, theo những phương trình toán học chuẩn xác và hoàn toàn thuận lợi cho việc truy xuất sử dụng thông tin kế toán vào bất kỳ lúc nào. Tuy nhiên, việc thực hiện chức năng xử lý thông tin có tốt hay không, trước hết phụ thuộc vào tính thường xuyên, kịp thời và chính xác của thông tin đầu vào, phần mềm kế toán (hay các công thức toán học) được sử dụng để xử lý thông tin cũng như trình độ thành thạo của người sử dụng máy. Thực tế việc sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán ở một số đơn vị còn mang tính chất hình thức, chưa phát huy hết tính năng, tác dụng của việc sử dụng máy. Một số doanh nghiệp khi ứng dụng tin học vào công tác kế toán đã quan tâm đến việc trang bị hệ thống máy tính đồng bộ và sử dụng một phần mềm kế toán riêng một cách phù hợp. Nhưng một số doanh nghiệp khác lại ít quan tâm đến vấn đề trang thiết bị và phần mềm kế toán, công tác kế toán thực hiện vừa bằng máy, vừa bằng thủ công, trong đó chỉ có một bộ phận ứng dụng máy trong khâu tính toán, xử lý số liệu. Việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán ở các doanh nghiệp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có một trình độ chuyên môn nhất định về vi tính, đặc biệt là những phần mềm ứng dụng. Nhìn chung, khi tổ chức công tác kế toán bằng máy tính, cần phải thiết lập hệ thống mã hóa các tài khoản và đối tượng kế toán chi tiết thống nhất cho toàn doanh nghiệp,

chọn lựa phần mềm kế toán phù hợp... Khi đã có cơ sở dữ liệu, khả năng truy xuất thông tin kế toán nói chung, trong đó có báo cáo tài chính rất nhanh chóng, thuận lợi.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích và hiệu quả to lớn từ việc ứng dụng công nghệ thông tin, đơn vị phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn mà công nghệ thông tin mang đến, có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của thông tin nói chung, BCTC của đơn vị nói riêng. Có rất nhiều nguy cơ dẫn đến sai phạm trong trường hợp đơn vị áp dụng công nghệ thông tin gây nên, có thể chỉ ra một số ví dụ như sau:

- Sự tham gia của con người trong hệ thống bị giảm bớt: Trong các hệ thống thủ công, quá trình quản lý trên phạm vi rộng các dữ kiện và xử lý các kết quả đem lại các cơ hội để quan sát liệu có sai sót xảy ra hay không. Những cơ hội này giảm đi trong hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính. Thông thường, người liên quan đến quá trình xử lý ban đầu các nghiệp vụ không bao giờ thấy các kết quả cuối cùng, hoặc nếu thấy thì các kết quả cũng mang tính tổng hợp cao do đó rất khó để nhận ra sai số hoặc các vấn đề.

- Sai sót mang tính hệ thống: Do tính thống nhất trong quá trình xử lý thông tin được đưa vào hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy tính sẽ được xử lý nhất quán với thông tin trước đó và sau đó nếu các yếu tố hệ thống không bị thay đổi. Điều đó có nghĩa là hệ thống sẽ xử lý một loại nghiệp vụ cá biệt một cách nhất quán hoặc đúng hết, hoặc sai hết. Do đó, rủi ro tồn tại khi quá trình xử lý không đúng có thể dẫn đến một số lượng lớn các sai sót trong một thời kỳ ngắn, nhất là nếu dấu vết nghiệp vụ hoặc sự phân biệt trách nhiệm không đầy đủ.

- Tính không dễ nhận thấy của dấu vết nghiệp vụ: Dấu vết nghiệp vụ là quá trình tập hợp các chứng từ gốc và sổ sách để tổ chức đối chiếu ngược các bút toán kế toán với nguồn và ngược lại. Một hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính thì các chứng từ gốc có thể bị loại trừ và dữ kiện có thể được lưu trữ dưới dạng chỉ đọc được bằng máy; Hoặc hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính xử lý đồng thời các nghiệp vụ cùng thực hiện một số mục đích. Vì vậy, báo cáo được lập qua hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính có thể không có dấu vết nghiệp vụ rõ ràng liên quan đến các nghiệp vụ cá biệt.

- Hệ thống xử lý dữ liệu trong máy tính thường tập trung các dữ liệu thu thập được và tập hợp các hoạt động của nhiều bộ phận khác nhau trong tổ chức vào một nơi, đặc biệt trong điều kiện đơn vị áp dụng quản lý theo mô hình tích hợp ERP. Điều này cho phép kiểm soát tốt hơn nhưng cũng có rủi ro là khó phân chia trách nhiệm từ những người độc lập thực hiện các chức năng liên quan và so sánh kết quả đó với nhau.

- Nguy cơ bị lấy trộm thông tin trong hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính: Các hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính dễ dàng cho phép quyền lấy dữ kiện và sử dụng dữ kiện của những người có mục đích hợp pháp. Song những thiết bị này cũng có thể dễ dàng cho phép quyền lấy dữ kiện vì các mục đích không hợp pháp. Hơn nữa, các nghiệp vụ kinh tế sau khi được nhập vào máy vi tính, chương trình có thể bị thay đổi không đúng đắn và thông tin bảo mật có thể bị lấy trộm. Điều này gây ra rủi ro rất lớn, chứng minh bằng một số vụ gian lận quy mô lớn liên quan đến máy tính đã bị phát hiện trong những năm gần đây.

- Nguy cơ mất dữ kiện trong hệ thống xử lý dữ liệu bằng máy vi tính: Khi một số lượng lớn các dữ kiện được tập trung thì có nhiều rủi ro hơn là chúng có thể bị mất hoặc bị phá huỷ gây ra hậu quả nghiêm trọng, không chỉ là đối với BCTC mà đơn vị có thể phải ngừng hoạt động trong một thời gian dài.

Do vậy, nếu đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin không hiểu rõ những nguy cơ sai phạm để có biện pháp ngăn chặn, phát hiện và xử lý cho phù hợp thì có thể dẫn đến những sai phạm trọng yếu trong BCTC cũng như các thông tin và hoạt động khác của đơn vị.

1.2.2. Tác động của công nghệ thông tin tới hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính

Cũng như mọi hoạt động kinh tế, xã hội khác, công nghệ thông tin đã tác động đáng kể đến hoạt động kiểm toán, cả từ phía khách thể kiểm toán và từ phía công việc kiểm toán.

Trước hết, là sự tác động từ khách thể kiểm toán:

Công nghệ thông tin trong kiểm toán bắt đầu từ những nguồn dữ liệu điện tử (EDP).

Sự phát triển của công nghệ thông tin trong kiểm toán chủ yếu bắt nguồn từ sự phát triển của công nghệ thông tin trong các hệ thống kế toán và sự cần thiết trong việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc kiểm soát, đánh giá tác động của máy tính vào hệ thống kế toán. Do vậy, có thể nói công nghệ thông tin trong kiểm toán có lịch sử phát triển tương đối ngắn hơn so với kế toán và một số lĩnh vực khác. Để đảm bảo đưa ra ý kiến nhận xét phù hợp về BCTC trong điều kiện kế toán trong môi trường tin học, cần phải ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán.

Thứ hai, là sự tác động từ yêu cầu phát triển của hoạt động kiểm toán:

Theo đà phát triển của công nghệ thông tin, việc đưa máy vi tính vào sử dụng trong công tác kiểm toán đã tương đối phổ biến, đặc biệt đối với đơn vị khách hàng ứng dụng tin học và phần mềm vào công tác quản lý và công tác kế toán. Ngay cả đối với đơn vị khách hàng thực hiện kế toán thủ công hoặc chỉ ứng dụng một vài tiện ích của máy vi tính trong xử lý số liệu kế toán, KTV cũng có thể ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kiểm toán để trợ giúp cho quá trình tính toán, phân tích của mình. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán thường ở mức độ ít hơn và phạm vi hẹp hơn trong trường hợp này.

Việc ứng dụng tin học và phần mềm vào công tác quản lý và thực hiện kiểm toán cũng mang lại những thay đổi tích cực. Khi ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán, những phương pháp biểu diễn số liệu như biểu đồ, đồ thị, hàm số... được thực hiện một cách nhanh chóng trên máy tính sẽ giúp KTV nhìn rõ một cách trực quan những xu thế của dữ liệu thông tin, những điểm bất thường của quá trình hoạt động tài chính của doanh nghiệp từ đó định hướng kiểm toán một cách chính xác, rút bớt thời gian kiểm toán. Trong trường hợp áp dụng các phần mềm sẽ hỗ trợ cho kiểm toán viên trong tất cả các giai đoạn và các bước công việc của cuộc kiểm toán, ví dụ như:

- Phần mềm với các thiết bị xử lý văn bản và chương trình soạn thảo văn bản đã hỗ trợ cho việc soạn thảo các hợp đồng kiểm toán trong việc lập các dự toán thời gian và theo dõi thời gian hao phí so với dự toán đặc biệt có ích đối với việc lập các hợp đồng và thư giới thiệu.

- Một số loại phần mềm trợ giúp KTV trong việc tìm hiểu cơ cấu KSNB. Đó là các phần mềm có thể xử lý thông tin thành dạng mô tả văn bản, các bảng câu hỏi về cơ cấu kiểm soát nội bộ, hoặc là phần mềm chuyên vẽ sơ đồ để mô tả cơ cấu KSNB.

- Phần mềm máy tính rất thuận lợi cho việc mô hình hoá các phương pháp kiểm toán và xây dựng các chương trình thực hiện các phương pháp này trên máy tính. Phần mềm chuyên dùng có sẵn để thiết kế, chọn lọc, và đánh giá các mẫu kiểm toán có sử dụng một số kỹ thuật thống kê và phi thống kê.

- Các thủ tục phân tích được thực hiện nhanh chóng, chính xác hơn sẽ giúp KTV xem xét đầy đủ các thông tin đã xét đoán trong quá trình lập kế hoạch của cuộc kiểm toán, từ đó chọn ra các thủ tục thích hợp cho cuộc kiểm toán.

- Sử dụng máy tính và các phần mềm ứng dụng giúp KTV trong việc thực hiện các phép tính cơ học, phân tích và biểu diễn dữ liệu một cách nhanh chóng và chính xác. Trong quá trình thực hiện công việc của mình, KTV phải thực hiện rất nhiều thao tác giống nhau, lặp đi lặp lại nhiều lần, chẳng hạn khi phải kiểm tra từng chứng từ, khi phải cộng dồn nhiều con số... Những thao tác thủ công sẽ làm cho KTV mất rất nhiều thời gian để rút ra được những đặc trưng cơ bản của dữ liệu thông tin tài chính và đi đến kết luận về BCTC, về hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc quản lý tài chính, về hiệu quả của việc sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước của một tổ chức, một doanh nghiệp. Tuy nhiên, KTV vẫn phải kiểm tra phạm vi, qui mô thích hợp vì nếu khối lượng thông tin được kiểm tra ít, rủi ro phát hiện sẽ lớn và những kết luận kiểm toán thường không có độ chính xác cao. Việc ứng dụng phần mềm máy tính sẽ trợ giúp cho KTV thực hiện các công việc kiểm tra thuận tiện hơn. Với một chương trình được cài đặt sẵn, máy tính sẽ thực hiện những thao tác kiểm tra, tính toán, lọc dữ liệu một cách nhanh chóng và chính xác, cho phép so sánh nhiều tập dữ liệu thông tin cùng một lúc. Với các tập thông tin được tổ chức ở dạng bảng, việc đặt các cột dữ liệu ở cạnh nhau giúp cho KTV phát hiện nhanh những sai sót (ví dụ so sánh giữa việc áp dụng các định mức, tỉ lệ thực tế ở đơn với định mức, tỉ lệ theo qui định, dự toán...), hoặc phát hiện các trường hợp hạch toán trùng nhau (các hoá đơn, chứng từ nhập nhiều lần), hoặc bỏ sót (danh mục tài sản, công nợ, số hoá đơn...) sẽ được tiến hành nhanh chóng.

- Khi KTV cần phải tra cứu, tìm kiếm, lưu trữ thông tin, việc sử dụng các phần mềm tìm, duyệt thông tin cho phép KTV truy cập vào nhiều kho thông tin lớn và lọc ra các thông tin cần thiết một cách nhanh chóng mà không một công cụ nào hiện nay có thể so sánh được về tốc độ.

- Máy vi tính có thể được dùng để phát triển một bảng cân đối thử và các bảng liệt kê các tài khoản khác nhau trên báo cáo tài chính. Khi các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện, chúng tự động chuyển số và ngay lập tức có một bảng cân đối thử hoặc các BCTC sau điều chỉnh.

...

Với những tính năng trên, việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán sẽ giúp cho việc tiết kiệm thời gian, chi phí của cuộc kiểm toán đồng thời đảm bảo nâng cao chất lượng kiểm toán.

1.3 QUI TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Mục tiêu và đối tượng của kiểm toán BCTC không thay đổi dù công việc kế toán tại đơn vị được thực hiện trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin hay kế toán thủ công. Song do việc ứng dụng công nghệ thông tin có những tác động gây ảnh hưởng quan trọng đến việc áp dụng các thủ tục, kỹ thuật trong quá trình tiến hành kiểm tra, đánh giá các thông tin, tài liệu. Vì vậy, quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin có những điểm khác biệt so với điều kiện thủ công.

1.3.1 Phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cũng sử dụng hai hệ thống phương pháp kiểm toán, đó là phương pháp kiểm toán tuân thủ và phương pháp kiểm toán cơ bản. Tuy nhiên có những điểm khác biệt so với kiểm toán trong điều kiện thủ công.

1.3.1.1 Phương pháp kiểm toán tuân thủ

Trong mọi cuộc kiểm toán BCTC nói chung, để có được sự hiểu biết về hệ thống KSNB đơn vị, KTV phải áp dụng các thử nghiệm về hệ thống KSNB (phương pháp kiểm toán tuân thủ) ở các mức độ nhất định. Tuy nhiên, đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin thì việc áp dụng các kỹ thuật kiểm toán để nghiên cứu, đánh giá hệ thống KSNB cũng có những điểm khác biệt với môi trường thủ công, đặc biệt trong trường hợp KTV ứng dụng các phần mềm kiểm toán do các KTV sẽ thu thập thông tin nhanh chóng hơn.

Thông thường, KTV thực hiện phương pháp kiểm toán tuân thủ nhằm mục đích thu thập bằng chứng chứng minh cho các khía cạnh sau đây:

- Tính thích hợp: Các quy chế và thủ tục KSNB được thiết lập có đủ khả năng ngăn chặn, phát hiện và sửa chữa các gian lận, sai sót trọng yếu trong quá trình hoạt động cũng như BCTC của đơn vị;
- Sự hiện diện: Sự tồn tại hoạt động của quy chế KSNB;
- Tính hữu hiệu: Hiệu lực trong hoạt động của quy chế KSNB trong thực tế;
- Tính liên tục: Sự hoạt động liên tục của quy chế KSNB trong kỳ.

Khi kiểm toán BCTC trong điều kiện đơn vị khách hàng ứng dụng công nghệ thông tin, KTV cần chú ý tìm hiểu môi trường thông tin của đơn vị. Nội dung tìm hiểu bao gồm:

- Phạm vi sử dụng máy tính vào công tác quản lý, kế toán của đơn vị: Trang bị, bố trí máy tính cho các bộ phận, các phân hành kế toán, việc sử dụng phần mềm kế toán...;

- Mức độ phức tạp của hệ thống máy tính;
- Các phần mềm quản lý và kế toán;
- Trình độ tin học của các nhân viên sử dụng hệ thống máy tính.

.v.v

Dựa trên kết quả kiểm tra đánh giá các thông tin tài liệu liên quan đến các nội dung trên, KTV kết luận ban đầu về tính thích hợp của việc thiết kế hệ thống thông tin của đơn vị.

+ *Tìm hiểu hệ thống KSNB của đơn vị:*

Trong điều kiện đơn vị khách hàng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và kiểm soát, KTV cũng cần tìm hiểu đầy đủ cả 3 yếu tố cấu thành của Hệ thống KSNB của đơn vị. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị là khác nhau, phụ thuộc vào độ phức tạp của hệ thống. Do vậy, KTV cần chú ý xem xét kỹ về việc thiết kế các thủ tục kiểm soát trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin mà cụ thể là phải xem xét và đánh giá tính sẵn sàng, tính bảo mật và tính chính trực thông qua việc trả lời những câu hỏi sau: Hệ thống máy tính và phần mềm quản lý, phần mềm kế toán có đảm bảo quản lý tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm hay không? Liệu hệ thống thông tin có được bảo mật bằng cách chỉ giới hạn những người có thẩm quyền mới được sử dụng không? Liệu hệ thống thông tin có cung cấp thông tin chính xác, trung thực và kịp thời cho nhà quản lý hay không?...

Thủ tục kiểm toán có thể áp dụng: Đọc tài liệu, phỏng vấn, quan sát, thực hiện lại...

Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, thông thường bộ phận quản trị hệ thống thông tin đã văn bản hoá các tài liệu hướng dẫn cho việc vận hành, khai thác hệ thống máy tính cho từng loại công việc quản lý và kế toán. Đồng thời các tài liệu này cũng cho biết tính logic của các chương trình máy tính và như vậy có thể hiểu biết được tiến trình kiểm soát trong từng ứng dụng cụ thể. Đọc các tài liệu này sẽ cho phép KTV hiểu biết về cách thức vận hành của hệ thống KSNB của đơn vị. Tuy nhiên công việc tìm hiểu sâu về hệ thống sẽ tốn nhiều thời gian và đòi hỏi KTV phải có kiến thức chuyên sâu về tin học và quản lý. Khi có sự thay đổi hay bổ sung về các lưu đồ hệ thống và nhân sự vận

hành, KTV có thể cập nhật thông tin về hệ thống máy tính của đơn vị để hiểu rõ hơn tính thích hợp của hệ thống này.

Sau khi tìm hiểu hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán, KTV phải đánh giá sơ bộ về hiệu lực kiểm soát và mức độ rủi ro kiểm soát. Nếu kết quả đánh giá sơ bộ cho thấy mức độ rủi ro kiểm soát là cao, các thử nghiệm kiểm soát sẽ không được tiếp tục thực hiện và KTV cần tập trung tiến hành các thử nghiệm cơ bản. Ngược lại, nếu các kết quả tìm hiểu, đánh giá sơ bộ cho thấy rủi ro kiểm soát không ở mức độ tối đa, KTV sẽ thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát nhằm có thêm các bằng chứng để kết luận chính thức về mức độ rủi ro kiểm soát, từ đó có thể thu hẹp các thử nghiệm cơ bản cho phù hợp.

KTV có thể áp dụng các phương pháp khác nhau để thực hiện các thử nghiệm kiểm soát, gồm:

+ *Phương pháp không dựa vào hệ thống máy tính:*

KTV tập trung vào kiểm tra các dữ liệu đầu vào và đầu ra của hệ thống mà không kiểm tra quá trình xử lý dữ liệu của hệ thống máy tính. Việc thực hiện phương pháp này thường được KTV lựa chọn trong điều kiện không có đủ thông tin về quá trình xử lý thông tin của đơn vị được kiểm toán (đơn vị không có tài liệu hướng dẫn cho việc vận hành, khai thác hệ thống máy tính cho từng loại công việc quản lý và kế toán). Nhưng đơn vị có đầy đủ các chứng từ sổ sách lưu trữ, và những nghiệp vụ kinh tế có thể lần theo số liệu từ chứng từ gốc lên báo cáo kế toán và ngược lại (việc in ấn sổ kế toán và báo cáo tài chính đầy đủ, thường xuyên)

+ *Phương pháp dựa vào hệ thống máy tính:*

KTV tập trung vào các thử nghiệm về hoạt động kiểm soát chung và kiểm soát cụ thể của đơn vị được thực hiện qua hệ thống máy tính trên những điểm chủ yếu như:

Đối với hoạt động kiểm soát chung (kiểm soát tổng quát):

KTV thường tiến hành phỏng vấn, xem xét tài liệu liên quan, trong đó có tài liệu hướng dẫn cho việc vận hành, khai thác hệ thống máy tính cho từng loại công việc quản lý và kế toán.

Ví dụ về một số thủ tục kiểm toán:

- Khảo sát đối với việc thiết lập, phát triển chương trình và hệ thống: KTV thường tiến hành phỏng vấn nhân viên, rà soát lại biên bản họp giữa bộ phận sử dụng với chuyên viên máy tính, xem xét các tài liệu về các thử nghiệm trước khi đưa chương trình hoặc hệ thống vào sử dụng; đọc kỹ tài liệu hướng dẫn cho việc vận hành, khai thác hệ thống máy tính cho từng loại công việc quản lý và kế toán;

- Khảo sát đối với những thay đổi của chương trình (nếu có): KTV có thể kiểm tra những tài liệu thay đổi đã xảy ra và so sánh với đề xuất đã được phê duyệt xem có phù hợp không; Kiểm tra các bản hướng dẫn cho các nhân viên sử dụng, vận hành xem có được cập nhật phù hợp với hệ thống hiện hành hay không;

- Khảo sát đối với các hoạt động vận hành máy tính: KTV có thể phỏng vấn nhân viên vận hành để xem xét mức độ tuân thủ những quy định đã đề ra và thủ tục giải quyết các sự cố hoặc lỗi. KTV cũng có thể xem xét các báo cáo tổng hợp về công tác hiệu chỉnh đã thực hiện để giải quyết các vấn đề khó khăn từ các những nhân viên vận hành, lập trình viên, nhân viên quản trị cơ sở dữ liệu, người sử dụng...

Đối với hoạt động kiểm soát cụ thể (kiểm soát trực tiếp):

Công việc này của KTV thường ứng dụng công nghệ thông tin rất rộng rãi, như: sử dụng kỹ thuật kiểm toán máy tính (Computer Assisted Audit Techniques – CAAT) để kiểm tra đánh giá. Các thử nghiệm này được thiết kế tùy thuộc vào đặc điểm của hệ thống và các chương trình ứng dụng.

Tuy nhiên, để đánh giá hoạt động kiểm soát ứng dụng, KTV có thể áp dụng kỹ thuật kiểm tra tài liệu, hoặc kết hợp với thủ tục quan sát, phỏng vấn để kiểm tra việc theo dõi thủ công về các báo cáo lỗi, thông qua việc rà soát chúng và xem cách xử lý các lỗi này ra sao. KTV cần phải có đủ hiểu biết để nắm bắt được những ưu, nhược điểm của chương trình phần mềm cũng như các định dạng về kiểm soát ban đầu để cảnh giác với trường hợp bị điều chỉnh trong quá trình vận hành. KTV phải tiếp cận được các ghi chép của đơn vị được kiểm toán. Khi đơn vị được kiểm toán thực hiện công tác kế toán theo chương trình phần mềm trên hệ thống máy tính, việc hiểu biết cơ bản về chương trình phần

mềm kế toán mà đơn vị được kiểm toán sử dụng là cần thiết để biết cách tiếp cận các ghi chép kế toán cũng như kết xuất số liệu kế toán. Đồng thời KTV cũng cần xem xét, đánh giá tính phù hợp của các phần mềm quản lý khác mà đơn vị được kiểm toán đã áp dụng như: Phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý bán hàng, mua hàng. Trong điều kiện khách hàng áp dụng quản lý theo hệ thống ERP thì các phần mềm thường có liên quan, hỗ trợ phần mềm kế toán, do vậy, KTV cần kiểm tra hệ thống quản lý ERP của đơn vị.

Trong trường hợp KTV không an tâm về sự kiểm soát của phần mềm ứng dụng, cần sử dụng các kỹ thuật kiểm toán máy tính CAAT để thay thế, như kỹ thuật sử dụng dữ liệu thử nghiệm; kỹ thuật sử dụng hệ thống phụ hay chương trình kiểm soát

Phương pháp kiểm toán tuân thủ áp dụng trong cuộc kiểm toán BCTC trong môi trường tin học cũng bao gồm hai nội dung đó là: Kỹ thuật điều tra hệ thống và thử nghiệm chi tiết về kiểm soát. Tùy thuộc vào mức thoả mãn về kiểm soát mà KTV áp dụng các kỹ thuật của phương pháp kiểm toán tuân thủ với mức độ khác nhau.

Kỹ thuật điều tra hệ thống (Phương pháp cập nhật cho các hệ thống): KTV thực hiện kiểm tra chi tiết một loạt các nghiệp vụ cùng loại ghi chép từ đầu đến cuối của một hệ thống để xem xét, đánh giá các bước kiểm soát trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng trong hệ thống KSNB đơn vị được kiểm toán. Việc thử nghiệm về hệ thống này cho phép KTV đánh giá lại mức độ RRKS và thiết kế các thử nghiệm chi tiết về kiểm soát và qua đó điều chỉnh cả các thử nghiệm cơ bản. Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, việc kiểm tra hệ thống có thể thực hiện theo một trong 2 cách: Dựa vào hệ thống máy tính và không dựa vào hệ thống máy tính như đã mô tả trên đây.

Thử nghiệm chi tiết về kiểm soát: KTV tiến hành thu thập bằng chứng về sự hữu hiệu của các quy chế KSNB đơn vị và các bước kiểm soát được tiến hành làm cơ sở cho việc đánh giá lại RRKS và thiết kế các thử nghiệm về số liệu. Thử nghiệm chi tiết về kiểm soát trong trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin cũng được tiến hành dựa trên bốn loại thử nghiệm là: quan sát, phỏng vấn, kiểm tra tài liệu và làm lại. Việc tiến hành các thử nghiệm này để thu thập bằng chứng

đánh giá mức độ tuân thủ các chính sách và thủ tục KSNB mà đơn vị đề ra trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và kế toán. Các loại thử nghiệm chi tiết về kiểm soát như: Kiểm soát quản lý hay kiểm soát độc lập; Kiểm soát xử lý và Kiểm soát để bảo vệ tài sản, thông tin. Các loại kiểm soát này chủ yếu được tiến hành dựa trên cơ sở kiểm tra chọn mẫu một số nghiệp vụ theo một trong 2 cách: Dựa vào hệ thống máy tính và không dựa vào hệ thống máy tính như đã mô tả trên đây.

Kết quả tìm hiểu về hệ thống KSNB được KTV tập hợp và lưu lại theo một trong các cách: mô tả tường thuật, bảng câu hỏi, lưu đồ hoặc kết hợp cả 3 hình thức. Thông thường đối với đơn vị được kiểm toán có hệ thống KSNB đơn giản, KTV có thể sử dụng bảng tường thuật. Trường hợp đơn vị được kiểm toán có hệ thống KSNB phức tạp (hệ thống máy tính tương đối phức tạp) thì sử dụng lưu đồ hay bảng câu hỏi sẽ phù hợp hơn.

Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV có thể sử dụng một số loại phần mềm trợ giúp trong việc tìm hiểu cơ cấu KSNB. Đó là các phần mềm có thể xử lý thông tin thành dạng mô tả thành văn bản, các bảng câu hỏi về cơ cấu kiểm soát nội bộ, hoặc là phần mềm chuyên vẽ sơ đồ để mô tả cơ cấu KSNB. Theo đó, KTV sẽ mô tả kết quả tìm hiểu và ứng dụng các phần mềm này để mô tả về hệ thống KSNB và lưu lại kết quả. Do tính năng lưu giữ của máy tính rất lớn nên KTV có thể chuyển kết quả tìm hiểu về KSNB từ cuộc kiểm toán năm trước (nếu có), phỏng vấn điều tra về những thay đổi về KSNB của đơn vị trong năm hiện hành để tập trung kiểm tra sâu hơn, đồng thời so sánh với kết quả kiểm toán năm trước để đánh giá đầy đủ và nhanh chóng hơn về KSNB của đơn vị khách hàng. Mặt khác, những kỹ thuật và những loại tài liệu dưới dạng câu hỏi trong mô hình phần mềm kiểm toán hầu như cũng không bị hạn chế nên sẽ hỗ trợ KTV mở rộng kỹ thuật kiểm tra chi tiết về KSNB trên nhiều khía cạnh một cách nhanh chóng. Ví dụ, phần mềm kiểm toán có nhiều sự chỉ dẫn hỗ trợ những yêu cầu của kiểm toán viên đối với việc xem xét lại sự gian lận của những giao dịch như là sự tồn tại của việc ghi trùng gian lận, thiếu giao dịch, hoặc sự bất bình thường. Kỹ thuật máy tính và phần mềm tương tác có thể giúp KTV tập trung vào những khu vực có rủi ro cao nhất, đồng thời cũng biết được những giao dịch mà có khả năng rủi ro thấp để KTV có thể tin cậy dựa vào

để thu hẹp phạm vi áp dụng kiểm tra cơ bản. Do vậy, ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp KTV thực hiện các thủ tục thử nghiệm khảo sát kiểm soát đầy đủ và nhanh chóng hơn.

1.3.1.2. Phương pháp kiểm toán cơ bản

Khi kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, việc thiết kế và áp dụng các thủ tục kiểm toán cơ bản tùy thuộc vào tính thích hợp và hiệu quả của phần mềm kế toán mà đơn vị được kiểm toán đã áp dụng, cũng như mức độ ứng dụng tin học trong công việc kiểm toán của KTV.

Trường hợp đơn vị khách hàng sử dụng các phần mềm trong quản lý và kế toán, KTV thường sao chép các dữ liệu của đơn vị bằng các phương tiện kỹ thuật thích hợp (đĩa mềm, kết nối máy tính...). Trên cơ sở nguồn dữ liệu này, KTV thực hiện các xử lý, phân tích trên máy tính của mình.

Thiết kế và sử dụng các phần mềm kiểm toán

Các công ty kiểm toán và KTV có thể thiết kế và áp dụng phần mềm kiểm toán để hỗ trợ cho việc thực hiện nhanh và có hiệu quả các thử nghiệm cơ bản. Phần mềm kiểm toán giúp cho việc sắp xếp lại dữ liệu. Phân tích, tính toán, chọn mẫu ngẫu nhiên, xác định mức trọng yếu...

Về bản chất, các thử nghiệm cơ bản đối với các khoản mục, thông tin tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cũng thực hiện như kiểm toán trong môi trường thủ công, tức là nhằm thu thập bằng chứng về cơ sở dẫn liệu. Tuy nhiên, chương trình phần mềm kiểm toán sẽ hỗ trợ rất hữu ích cho việc thực hiện các bước công việc của KTV như: Kiểm tra tổng quát sổ sách về tính xác thực và đầy đủ; Sắp xếp lại dữ liệu và phân tích, so sánh; Chọn mẫu kiểm toán ... Thông thường các phần mềm kiểm toán sẽ trợ giúp cho KTV thu thập bằng chứng về một số cơ sở dẫn liệu nhất định, là: Hiện hữu, phát sinh, đầy đủ, và hạch toán chính xác. Các cơ sở dẫn liệu khác cần được kiểm tra bằng các thủ tục bổ sung khác.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình thực hiện phương pháp kiểm toán cơ bản của KTV thường khác với kiểm toán trong môi trường thủ công do chịu tác động trên 2 góc độ: Công việc kiểm toán được thực hiện trong điều kiện sử dụng máy tính với việc áp dụng các phần mềm kiểm toán hoặc các

ứng dụng trên máy vi tính; Và công việc kế toán với việc ứng dụng phần mềm kế toán và các ứng dụng trên máy vi tính. Cụ thể như sau:

Kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát:

Nếu như trong môi trường thủ công, KTV thường ít sử dụng kỹ thuật phân tích do việc tính toán phức tạp và thu thập thông tin, tài liệu từ phía khách hàng tốn rất nhiều thời gian. Thông thường KTV chỉ thực hiện kỹ thuật phân tích ngang ở một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Bảng cân đối kế toán và chỉ đơn thuần so sánh số liệu kỳ này với kỳ trước. Nhưng trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, với sự trợ giúp của máy vi tính với các phần mềm ứng dụng, kỹ thuật phân tích được áp dụng rất rộng rãi, bao gồm: So sánh số liệu thực tế kỳ này với kỳ trước, số liệu thực tế với kế hoạch (hoặc định mức, dự toán), số liệu thực tế đơn vị với số liệu bình quân ngành hoặc số liệu dự kiến của KTV, số liệu thực tế đơn vị với doanh nghiệp khác cùng qui mô, cùng lãnh thổ, cùng ngành nghề, cùng loại hình SXKD...KTV không chỉ thực hiện phân tích ngang mà còn phân tích tỷ suất, hơn nữa còn thu thập các nguồn thông tin tài liệu hạch toán nghiệp vụ ở các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp như bộ phận quản lý nhân sự, bộ phận bán hàng, mua hàng, bộ phận sản xuất... để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của các chỉ tiêu trên BCTC của đơn vị nhằm xem xét sâu hơn về tính hợp lý của sự biến động (nếu có) của các chỉ tiêu. Hoặc KTV sử dụng số liệu thông tin của đơn vị khách hàng để tính ra con số ước tính của các chỉ tiêu để so sánh với số liệu của đơn vị khách hàng nhằm phát hiện sự bất thường (nếu có)... Đối với các công ty kiểm toán đã sử dụng phần mềm kiểm toán thì kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát đã đơn giản hóa đi nhiều do các phép so sánh được phần mềm tính toán một cách tự động nên KTV có thể áp dụng rộng rãi các kỹ thuật này. Đối với các công ty kiểm toán chưa có phần mềm kiểm toán, có thể sử dụng Excel để lập bảng phân tích một cách nhanh chóng.

Kỹ thuật thử nghiệm chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản:

Trong mọi cuộc kiểm toán BCTC, việc khảo sát nghiệp vụ và số dư tài khoản luôn được KTV áp dụng, chỉ khác nhau ở phạm vi và nội dung các thủ tục kiểm toán. Kỹ thuật này nhằm phát hiện được những gian lận sai sót trong quá

trình ghi chép, xử lý số liệu, đồng thời khẳng định và tăng thêm độ tin cậy của những bằng chứng mà KTV thu thập được. Trên cơ sở đó, KTV quyết định mở rộng hay thu hẹp qui mô mẫu kiểm toán một cách phù hợp để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp cho việc đưa ra kết luận đúng đắn về BCTC được kiểm toán.

Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật thử nghiệm chi tiết nghiệp vụ và sổ dư tài khoản có nhiều nét khác biệt so với môi trường thủ công. Việc thu thập thông tin, tài liệu của đơn vị khách hàng và áp dụng các thủ tục kiểm toán bổ xung dễ dàng và nhanh chóng hơn do có sự hỗ trợ của các phần mềm ứng dụng trong công tác kế toán và kiểm toán. Đối với các đơn vị khách hàng áp dụng các phần mềm kế toán, việc xử lý các nghiệp vụ đã được lập trình tự động theo chương trình máy tính nên luôn có sự thống nhất trong quá trình xử lý các nghiệp vụ cùng loại. Do vậy, khi thực hiện các thử nghiệm chi tiết về nghiệp vụ và sổ dư tài khoản, KTV có thể chỉ cần tiến hành kiểm tra trên cơ sở một số nghiệp vụ cùng loại. Nếu bản thân hệ thống chưa bị thay đổi thì khi thông tin được đưa vào chương trình hệ thống máy tính sẽ được xử lý nhất quán với thông tin trước đó và sau đó. Điều đó có nghĩa là hệ thống sẽ xử lý một loại nghiệp vụ cá biệt một cách nhất quán hoặc đúng hết, hoặc sai hết. Khi đó, KTV cần chú ý vào quá trình khảo sát các nghiệp vụ bất thường và khảo sát các biến động trong hệ thống thay vì khảo sát một mẫu lớn gồm các nghiệp vụ tương tự nhau. Đồng thời việc chọn mẫu cũng thuận lợi hơn khi KTV áp dụng các phần mềm chọn mẫu kiểm toán. Phần mềm kiểm toán sẽ tiến hành chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên (chọn mẫu xác suất) có kết hợp với một số thao tác để chọn mẫu theo kinh nghiệm, cảm nhận của KTV. Việc sử dụng phần mềm kiểm toán trong công tác chọn mẫu kiểm toán sẽ giúp cho mẫu chọn toàn diện hơn, không bị ảnh hưởng bởi yếu tố tâm lý, chủ quan của KTV.

1.3.2. Quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cũng bao gồm 3 giai đoạn: Lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết

thức kiểm toán. Tuy nhiên có những điểm khác biệt khá lớn với quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện thủ công.

1.3.1.1 Lập kế hoạch kiểm toán

Tuỳ theo quy mô, tính chất của cuộc kiểm toán BCTC mà giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán có thể bao gồm cả ba hoặc hai trong ba cấp độ sau:

- Kế hoạch chiến lược (General Strategy)
- Kế hoạch kiểm toán tổng thể (Overall Audit Plan)
- Chương trình kiểm toán (Audit Program)

**** Lập kế hoạch chiến lược***

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 300, kế hoạch chiến lược phải được lập cho các cuộc kiểm toán lớn về quy mô, tính chất phức tạp, địa bàn rộng hoặc các cuộc kiểm toán BCTC của nhiều năm.

Tương tự như kiểm toán BCTC trong môi trường thủ công, với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, để lập kế hoạch chiến lược, KTV cũng cần phải tiếp xúc khách hàng, tìm hiểu tình hình, thu thập các thông tin cần thiết về hoạt động kinh doanh và công tác quản lý kinh doanh nói chung, KSNB nói riêng của đơn vị, gồm những vấn đề cơ bản như: Quy mô, phạm vi và chức năng hoạt động chủ yếu; Môi trường hoạt động, điều kiện hiện tại và khả năng phát triển; Tổ chức SXKD và các quy trình công nghệ chủ yếu; Những rủi ro tiềm tàng; Tình trạng tài chính, các mối quan hệ kinh tế chủ yếu của đơn vị; Tổ chức quản lý kinh doanh, trình độ, năng lực của những người điều hành chính của đơn vị; Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán, tài chính, thống kê; Tổ chức hoạt động KSNB; Những thuận lợi, khó khăn chủ yếu trong SXKD, trong quản lý và kế toán...

Trong giai đoạn này của cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV cần đặc biệt chú ý đến việc xem xét phương pháp tổ chức được sử dụng để xử lý dữ liệu kế toán, do những phương pháp này có thể ảnh hưởng đến hình thức hệ thống kế toán và bản chất của các chính sách, thủ tục kiểm soát. Đồng thời phải đạt được những hiểu biết chi tiết về hệ thống kế toán và các hoạt động kiểm soát liên quan.

Những hiểu biết về đặc điểm hoạt động kinh doanh và hoạt động quản lý của khách hàng sẽ giúp cho KTV xác định các sự kiện, nghiệp vụ có ảnh hưởng lớn đến thông tin tài chính, đánh giá sơ bộ về rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát. Điều đó giúp KTV nhanh chóng xác định các điểm trọng tâm cần chú ý khi kiểm toán, cũng như khi đánh giá tính hợp lý của các thông tin tài chính và các giải trình của các nhà quản lý.

Trên cơ sở các thông tin đã thu thập được, KTV tiến hành phân tích, đánh giá và đưa ra kế hoạch chiến lược kiểm toán, quyết định các đơn vị và các bộ phận cần kiểm toán, xác định kế hoạch sơ khởi cho từng bộ phận được kiểm toán và dự kiến về các công việc có liên quan.

**** Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể***

Kế hoạch kiểm toán tổng thể là toàn bộ những dự kiến chi tiết, cụ thể về nội dung, phương pháp, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán được áp dụng cho một cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể được lập cho mọi cuộc kiểm toán BCTC và dựa trên kế hoạch kiểm toán chiến lược (nếu có).

Cũng như mọi cuộc kiểm toán BCTC nói chung, để lập kế hoạch tổng thể cho cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV cần thu thập các thông tin liên quan về hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán, như:

- Thông tin về hoạt động của đơn vị: Tìm hiểu về lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, môi trường cạnh tranh, vị trí địa lý, tình hình chung về kinh tế và đặc điểm của lĩnh vực kinh doanh có tác động đến quá trình hoạt động, kết quả tài chính và nghĩa vụ cung cấp thông tin của đơn vị được kiểm toán...

- Thông tin về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán: Các chính sách kế toán mà đơn vị áp dụng và những thay đổi trong các chính sách kế toán đó; Ảnh hưởng của các chính sách mới về kế toán, kiểm toán đối với đơn vị; Bộ máy quản lý và năng lực của Ban giám đốc; Tổ chức và hoạt động của hệ thống kế toán và hệ thống KSNB; Những điểm quan trọng cần được chú ý trong hoạt động của hai hệ thống này; Các thông tin về khía cạnh khác có liên quan như: Khả năng hoạt động liên tục của đơn vị và những dấu hiệu ảnh hưởng, mối quan hệ với các bên liên quan...

- Thông tin về việc ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị được kiểm toán: KTV cần thu thập thêm những thông tin, tài liệu chủ yếu có liên quan đến hệ thống kế toán và thông tin trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị, như:

+ Xem xét về tầm quan trọng và tính phức tạp của quá trình xử lý thông tin bằng máy tính trong mỗi phần hành quản lý và kế toán quan trọng. KTV cần tập trung xem xét khả năng đảm bảo tính đúng đắn của cơ sở dữ liệu BCTC đối với quy trình xử lý thông tin đối với các khoản mục, thông tin quan trọng trên BCTC. Đồng thời xem xét tính chất phức tạp của các giao dịch và nghiệp vụ của đơn vị khách hàng có khả năng dẫn tới việc đơn vị khó có thể xác định và sửa chữa các lỗi trong quá trình xử lý thông tin hay không. KTV cũng cần xem xét có khả năng máy tính tự động xử lý các nghiệp vụ và bút toán quan trọng mà đơn vị không thực hiện kiểm tra hoặc không thể kiểm tra lại hay không?

+ Xem cấu trúc hoạt động của hệ thống máy tính của đơn vị được kiểm toán và mức độ tập trung hoặc phân tán của việc xử lý thông tin bằng máy tính.

+ Xem xét khả năng sẵn có của dữ liệu: Trong một số trường hợp, có thể có những tài liệu và thông tin mà KTV yêu cầu chỉ tồn tại trong thời gian ngắn hoặc dưới dạng chỉ đọc được trên máy. Trong trường hợp này, KTV cần xem xét liệu hệ thống thông tin của đơn vị được kiểm toán có thể tạo ra các báo cáo nội bộ mà kiểm toán viên có thể tham khảo trong việc thực hiện các thử nghiệm cơ bản của KTV hay không. Hoặc khả năng KTV sẽ sử dụng kỹ thuật kiểm toán được máy tính trợ giúp có thể làm tăng tính hiệu quả trong việc thực hiện các thủ tục kiểm toán hoặc có thể cho phép KTV áp dụng một số thủ tục trên toàn bộ các tài khoản hoặc các nghiệp vụ (áp dụng phép thử hệ thống).

+ Đối với những đơn vị sử dụng hệ thống máy tính phức tạp, có công suất lớn, KTV cần có những hiểu biết về môi trường tin học và xác định xem môi trường này có ảnh hưởng đến việc đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát hay không. Một số khả năng xảy ra rủi ro như:

- Thiếu dấu vết của các giao dịch: Một số phần mềm máy tính được thiết kế có đầy đủ dấu vết các giao dịch, nhưng có thể một số phần mềm phức tạp chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn hoặc chỉ đọc được bằng máy, nhiều bước xử lý

có thể không có các dấu vết đầy đủ. Vì vậy, các sai sót trong chương trình máy tính khó có thể được phát hiện kịp thời bởi các thủ tục thủ công;

- Sai sót mang tính hệ thống và dây chuyền: Khi áp dụng phần mềm kế toán và quản lý, do có sự thống nhất trong quy trình xử lý các giao dịch của máy tính cho phép loại bỏ gần như hầu hết các sai sót có thể xảy ra nếu xử lý thủ công. Tuy nhiên, những sai sót do lỗi phần mềm sẽ có thể dẫn đến việc các nghiệp vụ đều sẽ bị xử lý sai như nhau, dẫn đến rủi ro cao;

- Nguy cơ sai phạm do có sự phân chia các chức năng bị hạn chế: các thủ tục kiểm soát có thể được thực hiện bởi một số ít người, điều đó dẫn đến rủi ro tập trung lớn nếu bản thân người xử lý thông tin không chính xác;

- Khả năng sai sót trong quá trình xử lý và lưu trữ thông tin cao: Sai sót của con người trong việc xử lý, thiết kế, vận hành và bảo dưỡng hệ thống thông tin trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cao hơn so với hệ thống xử lý thủ công. Đồng thời khả năng có người không có trách nhiệm truy cập và sửa đổi dữ liệu mà không để lại dấu vết lớn hơn xử lý thủ công;

- Sự phụ thuộc vào các bước kiểm soát khác đối với quá trình xử lý thông tin bằng máy tính: Hiệu quả kiểm soát bằng máy tính phụ thuộc vào hiệu quả kiểm soát chung cả môi trường tin học. Vì vậy, nếu hiệu quả kiểm soát chung trong môi trường tin học của đơn vị không được bảo đảm sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình kiểm soát chung. Tuy nhiên, môi trường tin học có thể mang lại các yếu tố làm giảm rủi ro do tăng khả năng giám sát của nhà quản trị. Hệ thống máy tính có khả năng cung cấp nhanh, nhiều thông tin giúp nhà quản trị các cấp trong đơn vị có thể kiểm tra, giám sát kịp thời, đầy đủ hơn hoạt động của đơn vị.

Trên cơ sở những thông tin, tài liệu thu thập được, KTV phân tích, đánh giá về các khía cạnh chủ yếu để lập kế hoạch cho cuộc kiểm toán như:

- Đánh giá mức độ rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát liên quan đến từng loại thông tin tài chính, từng bộ phận của BCTC để xác định trọng tâm đi sâu kiểm toán. Cần chú ý rằng, rủi ro có thể tăng do khả năng phát sinh sai sót trong những chương trình ứng dụng cụ thể, trong những cơ sở dữ liệu hoặc trong những hoạt động xử lý thông tin cụ thể. Rủi ro cũng có thể tăng do đơn vị được

kiểm toán thường ứng dụng những công nghệ thông tin mới vào hệ thống máy tính bao gồm các kết nối mạng nội bộ, cơ sở dữ liệu phân tán, sự kết nối, lưu chuyển thông tin từ hệ thống quản trị sang hệ thống kế toán. Các hệ thống này rất thuận lợi cho cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà quản trị, tuy nhiên nó thường làm tăng tính chất phức tạp của các ứng dụng cụ thể.

- Xác định mức trọng yếu cho từng mục tiêu kiểm toán, xét đoán các khả năng có những sai phạm trọng yếu, xác định các nghiệp vụ kế toán phức tạp...

Trên cơ sở đó, KTV lập kế hoạch tổng thể cho toàn bộ cuộc kiểm toán BCTC. Trong kế hoạch tổng thể KTV dự kiến về nội dung, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán đối với từng loại thông tin, từng bộ phận trên BCTC. Về nội dung, nêu rõ kiểm toán những bộ phận nào, tập trung vào các cơ sở dẫn liệu nào... Lịch trình kiểm toán nêu cụ thể thời điểm tiến hành và thời gian hoàn thành các thủ tục kiểm toán cũng như sự phối hợp giữa các thủ tục, các công việc kiểm toán. Thủ tục kiểm toán mà KTV dự định áp dụng cũng cần đưa ra cụ thể trong kế hoạch kiểm toán đối với từng bộ phận của BCTC.

Việc hoạch định công việc kiểm toán trên đây cũng bao gồm cả về dự kiến về lực lượng thành viên nhóm kiểm toán và dự kiến phân công công việc; Kể cả trường hợp cần có sự tham gia hay phối hợp với các chuyên gia ở các lĩnh vực chuyên sâu (Đặc biệt chú ý đến khả năng cần chuyên gia về IT nếu đơn vị không có). Đồng thời cũng cần dự kiến các nội dung và lịch trình làm việc hay trao đổi với các nhà quản lý đơn vị được kiểm toán để đưa ra nội dung và lịch trình kiểm toán phù hợp và thuận lợi hơn.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể được văn bản hoá và là cơ sở để soạn thảo chương trình kiểm toán cụ thể cho từng tài khoản hay từng thông tin tài chính.

**** Xây dựng chương trình kiểm toán***

Trên cơ sở kế hoạch chi tiết được duyệt, từng KTV được phân công tham gia kiểm toán sẽ soạn thảo chương trình kiểm toán cụ thể cho từng tài khoản, từng thông tin tài chính (từng bộ phận).

Mỗi một tài khoản hay thông tin tài chính có vị trí và đặc điểm không giống nhau, nên chương trình kiểm toán được lập ra cho chúng cũng không giống nhau. Để soạn thảo được chương trình kiểm toán cho từng tài khoản (hay

thông tin tài chính), KTV được phân công cần thu thập thêm những thông tin chi tiết về tài khoản (hay thông tin tài chính) cần kiểm toán. Chương trình kiểm toán đối với từng tài khoản (hay thông tin tài chính) cũng được thể hiện văn bản hoá làm căn cứ thực hiện và làm tài liệu lưu vào hồ sơ kiểm toán.

Trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin, KTV có thể soạn thảo kế hoạch và chương trình kiểm toán với sự hỗ trợ của máy tính như các ứng dụng Word và các phần mềm hỗ trợ, bản mềm chương trình kiểm toán mẫu...

1.3.1.2 Thực hiện kiểm toán

Giai đoạn này, KTV triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt. Công việc chính của giai đoạn này là thực hiện các thủ tục khảo sát kiểm soát và khảo sát cơ bản nhằm thu thập bằng chứng cho việc xét đoán, đánh giá đối với các bộ phận trên BCTC.

**** Tổ chức thực hiện các khảo sát kiểm soát:***

Đây là bước triển khai kế hoạch và chương trình kiểm toán. KTV thực hiện khảo sát về kiểm soát đối với từng chu kỳ kinh doanh hay từng loại thông tin, mà KTV cho là có thể dựa vào KSNB, để thu thập thêm bằng chứng để đánh giá về tính thích hợp và hiệu quả của các qui chế và thủ tục kiểm soát.

Các kỹ thuật kiểm toán mà KTV thường sử dụng trong giai đoạn này bao gồm: Điều tra, kiểm tra, quan sát, làm lại...

Riêng đối với quá trình thực hiện các khảo sát kiểm soát khi kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV cần đi sâu khảo sát về môi trường tin học của đơn vị được kiểm toán, cụ thể trên những khía cạnh sau:

* KTV tiến hành khảo sát về kế hoạch tổ chức xử lý thông tin trong môi trường tin học, đặc biệt là thông tin kế toán để xác định xem liệu có sự phân tách trách nhiệm trong nội bộ hệ thống như: những người thiết kế, sử dụng, những người có liên quan,... để giảm khả năng xảy ra sai sót hay không? Trong môi trường tin học, cần có sự phân tách trách nhiệm giữa:

+ Người phân tích hệ thống: Là người có trách nhiệm thiết kế chung hệ thống, xây dựng các mục tiêu chung cho hệ thống và các ứng dụng cụ thể.

+ Người lập trình: Là người soạn thảo các hướng dẫn cho máy vi tính, khảo sát chương trình, và chứng minh bằng chứng từ các kết quả đó. Điều quan trọng đó là người lập trình không có quyền đối với dữ liệu nhập vào hệ thống máy vi tính hoặc hoạt động của máy vi tính để tránh sự xâm nhập dữ liệu vì mục đích cá nhân.

+ Người nhập dữ liệu: Là người có kiến thức kế toán, quản lý liên quan đến xử lý thông tin, song quan trọng nhất là người này không được có đủ kiến thức về chương trình để sửa đổi nó ngay lập tức trước hoặc trong quá trình sử dụng. Vì điều này có thể dẫn đến sự gian lận trong ghi sổ bằng cách tạm thời thay đổi chương trình gốc.

+ Người thủ thư: Người này có trách nhiệm lưu trữ các chương trình máy tính, hồ sơ nghiệp vụ và các sổ sách quan trọng khác của máy tính và chỉ giao chúng cho những người được phép.

+ Người kiểm soát dữ liệu: Cần là người độc lập so với những người còn lại.

* KTV cần khảo sát đối với chương trình máy tính (phần mềm) để đảm bảo rằng đơn vị được kiểm toán kiểm soát được đầy đủ các khía cạnh của chương trình máy tính và các chứng từ chứng minh liên quan. Trong khâu này, KTV cần xem xét các tài liệu liên quan đến các yêu cầu của hệ thống, tài liệu chứng minh cho việc lập trình, những hướng dẫn vận hành phần mềm, các hướng dẫn cho người sử dụng, các tài liệu liên quan đến quá trình cải tiến, phát triển, bảo trì hệ thống... Điều này cho phép KTV có được sự hiểu biết về các loại thông tin chi tiết về môi trường tin học của đơn vị được kiểm toán, có thể làm bằng chứng để đánh giá về hệ thống KSNB.

* Đối với việc khảo sát quá trình kiểm soát phần cứng, KTV cần khảo sát xem quá trình kiểm soát phần cứng của đơn vị có đảm bảo phát hiện được và báo cáo tất cả các sự hỏng hóc của máy vi tính hay không.

* KTV khảo sát về quá trình kiểm soát quyền sử dụng thiết bị, chương trình và hồ sơ dữ liệu để xem xét việc kiểm soát vật chất liên quan đến sự bảo vệ các thiết bị máy tính (khóa cửa phòng máy chủ, các thiết bị đầu cuối, vị trí cất trữ phần mềm, hồ sơ dữ liệu để tránh mất trộm, các hệ thống chống cháy...),

kiểm soát quyền sử dụng (thông qua hệ thống mật khẩu để đảm bảo chỉ những người được phép mới được sử dụng thiết bị và có quyền sử dụng hồ sơ, dữ liệu của đơn vị có đảm bảo hay không.

Qua khảo sát về kiểm soát, KTV thu thập được bằng chứng để kết luận về hiệu lực của KSNB đối với hệ thống thông tin của đơn vị, kết hợp với các thủ tục kiểm soát nghiệp vụ khác để làm cơ sở cho việc đánh giá về rủi ro kiểm soát để quyết định phạm vi kiểm toán cơ bản cho phù hợp.

**** Tổ chức thực hiện các khảo sát cơ bản:***

KTV thực hiện các khảo sát cơ bản để thu thập các bằng chứng về các cơ sở dữ liệu của BCTC, làm cơ sở cho việc đưa ra ý kiến nhận xét đối với từng thông tin tài chính và toàn bộ BCTC nói chung.

KTV sử dụng hai kỹ thuật là: Phân tích, đánh giá tổng quát và kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ và số dư tài khoản.

+ *Thực hiện quá trình phân tích:* Trong quá trình kiểm toán các bộ phận của BCTC trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin, KTV có thể sử dụng rộng rãi các phép so sánh, tính toán nhân tố ảnh hưởng do KTV có thể sử dụng số liệu sẵn có từ các phần mềm kế toán của đơn vị khách hàng, đồng thời KTV cũng sử dụng các phần mềm kiểm toán hỗ trợ hoặc phần mềm ứng dụng của máy tính như Excel. Tuy nhiên, để đảm bảo và nâng cao hiệu quả kỹ thuật phân tích, không chỉ đòi hỏi KTV phải có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh, đặc điểm sản phẩm dịch vụ... của đơn vị được kiểm toán mà còn yêu cầu KTV phải sử dụng thành thạo máy tính và hiểu biết về đặc điểm, tính năng của các phần mềm kế toán và kiểm toán. Với sự hiểu biết, KTV có thể sử dụng các bảng Excel và các phần mềm ứng dụng các để phân tích tính hợp lý của các chỉ tiêu trên BCTC, từ đó phát hiện những biến động, biểu hiện bất thường. yêu cầu đơn vị giải trình hoặc tập trung kiểm tra làm rõ hoặc có thể hỗ trợ cho kiểm tra cơ bản (như đã trình bày ở phần phương pháp kiểm toán cơ bản ở phần trên).

+ *Khảo sát cơ bản:* Trong cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, các khảo sát cơ bản của KTV cần tập trung vào một vấn đề như: Nghiên cứu phần mềm kế toán của đơn vị được kiểm toán, tiếp cận

các ghi chép kế toán, thiết kế và sử dụng các phần mềm kiểm toán... để hỗ trợ cho việc thực hiện các bước công việc của KTV như: Kiểm tra tổng quát sổ sách về tính xác thực và đầy đủ; Sắp xếp lại dữ liệu và phân tích, so sánh; Chọn mẫu kiểm toán... (như đã trình bày ở phần phương pháp kiểm toán cơ bản ở phần trên).

1.3.1.3 Kết thúc kiểm toán

Nội dung công việc trong giai đoạn kết thúc kiểm toán của cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cũng không khác biệt nhiều so với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện thủ công.

(1) Xem xét các khoản công nợ tiềm tàng và Giải quyết các sự kiện sau ngày ký báo cáo kiểm toán

Sau ngày kết thúc việc kiểm tra các bộ phận, khoản mục của BCTC, KTV cần xem xét khả năng có các khoản công nợ tiềm tàng và các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán và lập BCTC, có liên quan đến thông tin tài chính của đơn vị hay không để lập Báo cáo kiểm toán phù hợp. Nội dung này tương tự như cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện thủ công.

(2) Tổng hợp kết quả kiểm toán

Sau khi kết thúc toàn bộ các bước công việc kiểm toán, KTV thực hiện tổng hợp kết quả kiểm toán của các bộ phận, khoản mục của BCTC và các thông tin, bằng chứng thu thập được trong bước xem xét các khoản công nợ tiềm tàng và giải quyết các sự kiện sau ngày ký báo cáo kiểm toán trên đây để làm căn cứ đưa ra ý kiến nhận xét chính thức của KTV về mức độ tin cậy của BCTC đã được kiểm toán.

Nội dung này tương tự như cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện thủ công.

(3) Lập báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, KTV lập báo cáo kiểm toán để đưa ra ý kiến nhận xét chính thức của KTV về mức độ tin cậy của BCTC đã được kiểm toán.

Nội dung này cũng tương tự cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện thủ công, tuy nhiên KTV cần chú ý khi xem xét tính đầy đủ, thích hợp của bằng

chứng kiểm toán là phải xem xét lại liệu việc đánh giá tính thích hợp và hiệu quả của Hệ thống thông tin- căn cứ để đánh giá rủi ro kiểm soát đã phù hợp chưa?

(4) Soạn thảo “Thư quản lý”

“Thư quản lý” là thư của KTV gửi cho các nhà quản lý của đơn vị được kiểm toán để cung cấp những thông tin và những khuyến cáo mà KTV cho là cần thiết nhằm giúp đơn vị được kiểm toán chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kế toán, hệ thống KSNB.

Nội dung “Thư quản lý” chủ yếu mô tả về từng sự kiện cụ thể (mà KTV cho là cần thiết), gồm: Hiện trạng thực tế về công tác quản lý tài chính, kế toán và về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị; khả năng rủi ro; kiến nghị của KTV và ý kiến của người quản lý liên quan đến sự kiện đó.

Trong cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, nội dung của thư quản lý có thể còn có thêm những kiến nghị về hệ thống máy tính, phần mềm kế toán mà đơn vị được kiểm toán đang áp dụng.

(5) Hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán

Sau khi đã lập được báo cáo kiểm toán chính thức và thư quản lý, KTV độc lập cần sắp xếp các tài liệu, giấy tờ liên quan đến cuộc kiểm toán để hình thành nên hồ sơ kiểm toán.

Nội dung công việc trong giai đoạn kết thúc kiểm toán của cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cũng không khác biệt nhiều so với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện thủ công. Tuy nhiên, với sự trợ giúp của máy tính và các phần mềm kiểm toán, KTV sẽ thực hiện nhanh chóng các công việc trong giai đoạn này như: Phân tích soát xét tính hợp lý của các chỉ tiêu trên BCTC được kiểm toán (phân tích, soát xét sau kiểm toán), lập bảng tổng hợp kết quả kiểm toán, lập BCTC sau kiểm toán(hỗ trợ khách hàng), lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý dự thảo và chính thức...

1.4 KHÁI QUÁT VỀ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM KIỂM TOÁN TRONG KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Trên thế giới, việc ứng dụng các phần mềm vào lĩnh vực kiểm toán mới phát triển từ năm 1990 trở lại đây và tập trung phục vụ cho các công ty kiểm

toán độc lập. Sự phát triển các công ty tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán cũng gắn liền với sự phát triển của các phần mềm kế toán, kiểm toán. Do nhu cầu xử lý thông tin tài chính, kế toán bằng máy tính và trên mạng ngày càng gia tăng tại các đơn vị khách hàng đòi hỏi các công ty tư vấn kế toán-kiểm toán, các công ty kiểm toán độc lập phải trang bị các phần mềm kế toán và kiểm toán và các phần mềm này không ngừng được cải tiến. Do đặc thù của các mô hình kế toán và loại hình doanh nghiệp khác nhau và các phần mềm dùng để xử lý thông tin tài chính và quản lý được xây dựng trên các môi trường khác nhau dẫn đến sự đa dạng về định dạng của các tập thông tin dữ liệu đầu vào cho hoạt động kiểm toán. Để thích nghi với sự đa dạng này có hai loại hình phần mềm kiểm toán đã ra đời và phát triển, đó là: Phần mềm kiểm toán tổng quát (General Audit Softwares) cho phép xử lý các tệp dữ liệu ở dạng bảng quan hệ và được áp dụng trong kiểm toán BCTC cho mọi loại hình kế toán, mọi loại hình doanh nghiệp. Tuy nhiên mặt hạn chế của chúng là đòi hỏi các KTV phải linh hoạt sử dụng phần mềm vào quá trình thực hành kiểm toán - điển hình cho loại phần mềm này là IDEA, ACL và phần mềm kiểm toán chuyên dụng được xây dựng riêng cho từng loại hình doanh nghiệp. Loại phần mềm này có mặt hạn chế là chỉ thích hợp cho một loại hình doanh nghiệp. Gần đây với sự phát triển của công nghệ thông tin, xu thế xây dựng phần mềm kiểm toán đã được cải tiến theo hướng tích hợp các tiện ích. Phần mềm kiểm toán là một bộ công cụ bao gồm những công cụ chung như biểu diễn dữ liệu, tính toán, chọn mẫu... Ngoài ra, chúng được tích hợp bởi nhiều modul chương trình được đóng gói. Mỗi "gói" dành riêng cho một loại hình doanh nghiệp, và loại hình kế toán. Khi tiến hành kiểm toán, KTV sẽ tùy theo thực tế mà sử dụng các "gói" tương ứng. Điển hình của loại này là AS2 của hãng Deloitte Touche Tohmatsu...

Các công ty và tổ chức kiểm toán, kế toán lớn trên thế giới thường sử dụng nhiều các phần mềm kiểm toán tổng quát. Các phần mềm được sử dụng rộng rãi đó là ACL, IDEA, TEAMMATE. Ngoài ra, hiện nay có rất nhiều công ty phần mềm đã xây dựng và phát triển nhiều phần mềm kiểm toán với nhiều chức năng mở rộng trong đó tích hợp nhiều công cụ phân tích, biểu diễn dữ liệu và các kỹ thuật data mining, OLAP... Như vậy, các công ty kiểm toán lớn trên thế giới thường xây dựng quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng

công nghệ thông tin với việc sử dụng các phần mềm kiểm toán để tăng hiệu quả của cuộc kiểm toán.

(Phụ lục 1.1. Một số phần mềm được các công ty kiểm toán sử dụng hiện nay)

Chương 2

THỰC TRẠNG VỀ QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở HIỆN NAY

2.1.1. Khái quát về thực trạng hoạt động và quản lý

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, kiểm toán độc lập xuất hiện và phát triển đã ngày càng trở thành nhu cầu tất yếu đối với mọi hoạt động kinh tế cũng như quản lý. Hoạt động kiểm toán độc lập là nhu cầu cần thiết, vì lợi ích của bản thân doanh nghiệp, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, lợi ích của chủ sở hữu vốn, các chủ nợ, lợi ích và yêu cầu của Nhà nước. Người sử dụng kết quả kiểm toán phải được đảm bảo rằng những thông tin họ được cung cấp là trung thực, khách quan, có độ tin cậy cao để làm căn cứ cho các quyết định kinh tế hoặc thực thi trách nhiệm quản lý, giám sát của mình.

Trong hơn 17 năm hoạt động và phát triển, hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến đáng kể.

Số lượng và quy mô các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam trong thời gian qua đã tăng nhanh chóng. Năm 1991, Bộ Tài chính thành lập hai công ty kiểm toán là công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) và công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC). Đến nay đã có 159 công ty kiểm toán độc lập dưới nhiều hình thức với văn phòng chính, chi nhánh và văn phòng đại diện trên cả nước, nhiều công ty được công nhận là thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế.

Đội ngũ KTV chuyên nghiệp tại các công ty kiểm toán độc lập đã tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Tháng 10/1994, lần đầu tiên Bộ Tài chính tổ chức thi tuyển và cấp chứng chỉ đặc cách cho 49 người đủ điều kiện, tiêu chuẩn KTV chuyên nghiệp. Đến nay, cả nước có **5.864** nhân viên làm việc trong 159 công ty kiểm toán, trong đó có **4.676** nhân viên chuyên nghiệp, có **949** KTV gồm: **88** người vừa có chứng chỉ KTV Việt Nam, vừa có chứng chỉ KTV nước ngoài; **827** người có chứng chỉ KTV Việt Nam; **34** người có chứng chỉ KTV

nước ngoài. Nhìn chung, đội ngũ KTV người Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp đã thành thực hơn nhiều. Nhiều KTV có kiến thức, chuyên môn tốt, hiểu biết luật pháp, nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp; trình độ vi tính, tiếng Anh đạt trình độ ngang với khu vực, làm việc trực tiếp với khách hàng nước ngoài.

Chất lượng dịch vụ của các công ty kiểm toán độc lập cũng ngày càng được nâng cao. Rất nhiều các văn bản pháp quy liên quan đến nhiều khía cạnh kinh tế xã hội đã đưa quy định về việc cần phải có sự hiện diện của kiểm toán độc lập. Rất nhiều các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã chủ động mời kiểm toán trợ giúp cho họ trong công tác quản lý đơn vị. Đến nay, kiểm toán độc lập đã dần khẳng định được niềm tin đối với Nhà nước, tổ chức kinh tế và các đối tượng sử dụng thông tin.

Cùng với sự phát triển về quy mô và số lượng, các công ty kiểm toán độc lập cũng không ngừng đa dạng hóa dịch vụ như: kiểm toán BCTC, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, kiểm toán tỷ lệ nội địa hóa; mở rộng dịch vụ tư vấn (Tư vấn kế toán, tài chính, tư vấn kiểm soát nội bộ, tư vấn thuế, tư vấn rủi ro kinh doanh, rủi ro đầu tư, tư vấn luật, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn phục hồi, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp...); dịch vụ tin học, dịch vụ thẩm định, định giá tài sản, dịch vụ soát xét BCTC, dịch vụ soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ, dịch vụ tuyển dụng nhân viên, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp thông tin...

Do yêu cầu của pháp luật và nhu cầu thông tin tin cậy, đối tượng khách hàng của kiểm toán độc lập ngày càng tăng về quy mô cũng như loại hình. Tuy nhiên, hiện nay đối tượng khách hàng chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Nhà nước, công ty niêm yết, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức tài chính, công trình xây dựng cơ bản. Còn đối tượng khách hàng là các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, dự án quốc tế và đơn vị hành chính sự nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ.

Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý hoạt động kiểm toán đã và đang được hoàn thiện làm cơ sở cho hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Trước

năm 2004: Nhiều văn bản được ban hành liên quan đến kiểm toán độc lập như: Nghị định số 07/CP (năm 1994) ban hành Quy chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân; Thông tư số 22 TC/CĐKT (năm 1994) hướng dẫn thực hiện Nghị định 07/CP; Quyết định số 237 TC/CĐKT (năm 1994) ban hành Quy chế thi tuyển và cấp chứng chỉ kiểm toán viên; Nhiều quyết định liên quan đến việc ban hành các chuẩn mực kiểm toán được ra đời.

Sau năm 2004: Nhiều văn bản tiếp tục được ban hành cũng như được sửa đổi để quy định hoạt động của kiểm toán độc lập như: Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 và Nghị định số 133/2005/NĐ-CP về kiểm toán độc lập - thay thế Nghị định 07/CP; Thông tư số 64/2004/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 105/2004/NĐ-CP; Quyết định số 59/2004/QĐ-BTC ban hành Quy chế thi tuyển và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán; 4/2005 Hội KTV hành nghề VN (VACPA) được thành lập, từ 01/01/2006 VACPA chính thức đi vào hoạt động; ngày 14/7/2005 Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 47/2005/QĐ-BTC chuyển giao cho Hội nghề nghiệp thực hiện một số nội dung công việc quản lý hành nghề kế toán, kiểm toán và 01/01/2006 đến nay, các Hội nghề nghiệp, đặc biệt là VACPA đã có nhiều hoạt động thiết thực góp phần nâng cao chất lượng KTV.

Về cơ bản, hệ thống văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành đã khá hoàn chỉnh, tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của các tổ chức kiểm toán độc lập, việc hình thành đội ngũ kiểm toán viên, bồi dưỡng, thi tuyển cấp chứng chỉ và quản lý đội ngũ kiểm toán viên, tạo môi trường lành mạnh cho sự hoạt động và phát triển cũng như từng bước mở cửa và hội nhập về dịch vụ kiểm toán độc lập.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được như trên, kiểm toán độc lập nước ta còn tồn tại một số yếu kém trong việc quản lý các hoạt động và chất lượng dịch vụ kiểm toán ở các công ty kiểm toán độc lập.

Về phía Nhà nước: Ngoài những Nghị định của Chính phủ, Quyết định và thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính hiện nay, chưa có cơ quan nào ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện thống nhất về quy trình kỹ thuật kiểm toán BCTC và các loại hình kiểm toán khác như: kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt

động... Đồng thời, cho đến nay Bộ Tài chính cũng chưa ban hành các văn bản hướng dẫn việc áp dụng các chuẩn mực kiểm toán và cũng chưa có những văn bản quy định về quản lý, kiểm tra soát xét chất lượng các dịch vụ kiểm toán. Bộ Tài chính mới chỉ tiến hành kiểm tra một số công ty kiểm toán về điều kiện hành nghề, số lượng và trình độ của kiểm toán viên, các hợp đồng và hồ sơ thực hiện các hợp đồng với khách hàng, chưa tiến hành kiểm tra thường xuyên, đầy đủ và chi tiết về việc thực hiện các nguyên tắc chuẩn mực kiểm toán, chưa tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các hoạt động kiểm toán.

Hiện nay, chúng ta chưa có quy định bắt buộc mua bảo hiểm nghề nghiệp đối với hoạt động kiểm toán. Năm 2003 đã ban hành chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 220 về kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, nhưng hệ thống chế tài đánh giá chất lượng kiểm toán và giải quyết tranh chấp, kiện tụng khi xảy ra rủi ro chưa được hoàn thiện. ở Việt Nam vẫn chưa có cơ quan chuyên trách việc đánh giá chất lượng đối với hoạt động kiểm toán độc lập.

Về phía các công ty kiểm toán độc lập: Mặc dù hầu hết các công ty kiểm toán đều quan tâm đến việc quản lý nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ kiểm toán nhưng việc thực hiện nghiêm ngặt quy trình kiểm toán và kiểm tra soát xét chất lượng hồ sơ kiểm toán mới chỉ được thực hiện ở một số công ty kiểm toán do Bộ Tài chính thành lập và các công ty nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Còn hầu hết các công ty kiểm toán độc lập chưa có những văn bản quy định và thực hiện thống nhất về quy trình kiểm toán cũng như quy trình kiểm tra, soát xét chất lượng kiểm toán.

Trong thời gian gần đây, quy mô kinh doanh của các công ty và sự toàn cầu hoá hoạt động thương mại ngày càng phát triển. Sự phát triển đó kéo theo sự phức tạp của công tác kế toán, kiểm toán và làm nảy sinh không ít vụ kiện có liên quan đến trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên và các công ty kiểm toán độc lập. Ở Việt Nam chưa có các vụ kiện lớn về kiểm toán, tuy nhiên cũng đã xuất hiện những sai phạm của công ty kiểm toán trong việc kiểm toán báo cáo tài chính của các tổ chức phát hành, niêm yết chứng khoán: như các công ty kiểm toán phối hợp chưa tốt với các cơ quan quản lý; các công ty kiểm toán nhiều khi chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo của mình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cho đến nay, ở Việt Nam chưa có một vụ kiện về trách nhiệm

pháp lý của kiểm toán viên và công ty kiểm toán. Không vì thế mà chúng ta có thể xem nhẹ việc kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán. Quá trình kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán hiện nay vẫn không tránh khỏi những bất cập.

Kinh nghiệm hành nghề, năng lực quản lý của nhiều công ty kiểm toán độc lập còn hạn chế. Nhiều công ty kiểm toán đã cố gắng tăng sức cạnh tranh bằng cách hạ giá phí kiểm toán và đương nhiên điều này sẽ làm giảm thời gian, giảm số lượng các thủ tục kiểm toán và làm giảm chất lượng của bằng chứng kiểm toán thu thập, nếu sự cắt giảm giá phí là quá mức. Hơn nữa, sức ép với các công ty kiểm toán ngày càng tăng trong điều kiện hiện nay, khi mà bản thân các khách hàng thường quá chú trọng vào tiêu thức giá phí thấp để lựa chọn công ty kiểm toán. Một số ít các công ty kiểm toán để có thể tiếp tục tồn tại và hoạt động có lãi, họ đã cố gắng chiều theo ý khách hàng. Điều này sẽ trở nên đặc biệt nghiêm trọng khi kiểm toán viên không có bản lĩnh, yếu kém về trình độ chuyên môn dẫn đến việc bỏ qua sai sót cần điều chỉnh, thậm chí có thể thay đổi ý kiến kiểm toán.

Về phía hiệp hội nghề nghiệp: Hội kế toán và kiểm toán Việt Nam (VAA) chưa có vị trí và vai trò trong việc quản lý, kiểm tra, đánh giá chất lượng các hoạt động cung cấp dịch vụ kế toán- kiểm toán mà chỉ có vai trò là tổ chức nghề nghiệp có chức năng đào tạo bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán - kiểm toán (chủ yếu là kế toán trưởng) và là một trong những thành viên tư vấn chuyên môn trong việc soạn thảo, ban hành các chính sách, chế độ về kế toán- kiểm toán do Bộ Tài chính chủ trì. Đến tháng 4 năm 2005 Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) được thành lập thực hiện quản lý hành nghề của các kiểm toán viên đang làm việc trong các công ty kiểm toán, thay thế cho một số chức năng quản lý mà Bộ Tài chính đảm nhận trong giai đoạn đầu của hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam nhưng đến nay cũng chưa phát huy được hết vai trò trong việc quản lý các hoạt động kiểm toán trong hệ thống kiểm toán độc lập.

Tóm lại, kiểm toán là một ngành nghề rất non trẻ còn gặp nhiều những khó khăn, nhưng hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam đã phát triển nhanh chóng về số lượng và quy mô từng công ty cũng như đã cố gắng nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Cho tới nay, công ty kiểm toán đã và đang trở thành người bạn đáng tin cậy của doanh

ng nghiệp. Hầu hết các dịch vụ cung cấp cho khách hàng ngày càng được tín nhiệm, được xã hội thừa nhận. Thông qua các dịch vụ, công ty kiểm toán đã góp phần phổ cập cơ chế chính sách kinh tế tài chính, giúp doanh nghiệp, các dự án quốc tế, các đơn vị hành chính sự nghiệp nắm bắt được kịp thời đầy đủ và tuân thủ đường lối chính sách kiểm toán tài chính, loại bỏ được chi phí bất hợp lý, tạo lập được những thông tin tin cậy, từng bước đưa công tác quản lý tài chính, kế toán trong các doanh nghiệp vào nề nếp... Hoạt động kiểm toán độc lập đã xác định được vị trí trong nền kinh tế thị trường và đã góp phần quan trọng trong việc công khai, minh bạch BCTC, làm lành mạnh hoá môi trường đầu tư và nền tài chính quốc gia. Các công ty kiểm toán đã đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại, trợ giúp, tư vấn cho người nước ngoài và tổ chức quốc tế hiểu biết về pháp luật, chính sách tài chính, thuế và kế toán của Việt Nam hoặc giúp người Việt Nam hiểu biết thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Đó là nhân tố làm rút ngắn tiến trình mở cửa, hội nhập kinh tế của Việt Nam.

2.1.2 Khái quát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán

Ngày nay theo đà phát triển của công nghệ thông tin, việc đưa máy vi tính vào sử dụng trong công tác kế toán đã tương đối phổ biến. Tin học hóa công tác kế toán không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi mà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán, tạo cơ sở để tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán.

Thực tế, việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán ở các doanh nghiệp chính là việc tổ chức công tác kế toán phù hợp với việc ứng dụng máy vi tính, và phải đạt được sự gọn nhẹ của bộ máy kế toán, chứng từ cung cấp phải nhanh chóng, chính xác, lại bảo đảm tiết kiệm chi phí hơn khi chưa ứng dụng tin học.

Việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán ở các doanh nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý và là một nhu cầu khách quan, có tính hiệu quả lâu dài.

Đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn, nhà nước cũng đã ban hành một số văn bản, quy định pháp lý nhằm hướng dẫn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện kế toán trong môi trường tin học như: Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003, Luật công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006,

Thông tư số 103/2005/TT-BTC ngày 24/11/2005 hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán...

Tuy vậy, thực tế việc sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán ở các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn mang tính chất hình thức, chưa phát huy hết khả năng của việc sử dụng máy. Một số doanh nghiệp cho rằng khi ứng dụng tin học vào công tác kế toán chi phí đầu tư sẽ rất cao, đòi hỏi phải có một phần mềm kế toán riêng và tất cả các máy tính phải nối mạng để liên kết thành một hệ thống máy vi tính. Trong khi đó, một số doanh nghiệp thì lại ít quan tâm đến vấn đề này, đặc biệt có các doanh nghiệp chưa biết đến máy vi tính là gì, do điều kiện trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa cho phép, sự nhận thức và trình độ hiểu biết về tin học còn hạn chế ở các đơn vị này, hơn nữa chưa thấy rõ được ý nghĩa tác dụng và tính hiệu quả của việc sử dụng máy vi tính. Đối với các doanh nghiệp đã sử dụng máy vi tính thì phạm vi sử dụng và việc phát huy tính năng tác dụng của máy cũng như trình độ ứng dụng máy vào công tác kế toán rất khác nhau, có đơn vị chỉ dùng máy vi tính phục vụ cho công tác văn phòng, hành chính để soạn thảo văn bản hoặc chỉ ứng dụng có tính chất riêng lẻ từng công việc như : quản lý vật tư, quản lý lao động, tiền lương... Do vậy ở các đơn vị này công việc kế toán vừa thực hiện bằng máy, vừa thực hiện thủ công. Các doanh nghiệp tuy đã có nhận thức bước đầu về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán song mới chỉ khai thác được một góc độ nhỏ chứ chưa đi sâu vào quản trị doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp... Hầu hết với các đơn vị đã và đang thực hiện công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở nước ta chỉ dừng lại ở việc ghi sổ kế toán và lập BCTC. Các khâu kiểm soát trong phần mềm kế toán gần như bị bỏ ngỏ. Vấn đề kiểm soát, việc để lại dấu vết của quá trình nhập dữ liệu, xóa dữ liệu, chỉnh sửa nghiệp vụ, vấn đề bảo mật... đều chưa được chú trọng trong phần mềm kế toán, gây khó khăn cho doanh nghiệp nếu có lỗi từ phía nhân viên nào, đồng thời gây khó khăn trong quá trình kiểm toán.

Trong điều kiện hầu hết các đơn vị khách hàng của các công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện công việc kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin như vậy, việc các công ty kiểm toán phải tiến hành kiểm toán BCTC

trên cơ sở quy trình và phương pháp kiểm toán trong môi trường tin học là một sự tất yếu.

Dưới góc độ quản lý, Bộ tài chính cũng đã ban hành Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 401 - Thực hiện kiểm toán trong môi trường tin học quy định về kiểm toán trong môi trường tin học tuy nhiên vẫn chưa có các hướng dẫn cụ thể.

Về phía công ty kiểm toán độc lập, các công ty cũng đã xây dựng và thực hiện kiểm toán BCTC theo quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong môi trường tin học của mình. Tuy nhiên các quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong môi trường tin học này không được xây dựng trên một nền cơ bản chung mà thường được xây dựng trên cơ sở áp dụng kinh nghiệm của các công ty kiểm toán quốc tế, kinh nghiệm nghề nghiệp của KTV và của mỗi công ty kiểm toán. Nhìn chung các quy trình và phương pháp kiểm toán này về cơ bản đã đảm bảo được mục tiêu của cuộc kiểm toán BCTC. Song các quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC này thường mang tính riêng biệt của từng công ty kiểm toán mà chưa dựa trên những căn cứ khoa học chung và không đảm bảo tính thống nhất. Thực tế cho thấy còn không ít công ty kiểm toán độc lập chưa thực sự chú ý đến việc xây dựng và áp dụng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong môi trường tin học khoa học và hợp lý, hoặc nếu có cũng chỉ làm một cách hình thức.

Bên cạnh đó, vấn đề áp dụng quy trình và phương pháp kiểm toán trong môi trường tin học đối với các công ty kiểm toán thực tiễn sẽ còn rất nhiều vướng mắc và thiếu sót do bản thân quy trình và phương pháp chưa khoa học, hợp lý, do trình độ của kiểm toán viên, và đặc biệt do thiếu đội ngũ nhân viên chuyên ngành công nghệ thông tin và có được đào tạo về kiểm toán để chuyên làm công việc kiểm tra hệ thống máy tính tại đơn vị khách hàng để báo cáo về mức độ đảm bảo hợp lý về các thông tin đầu vào, đầu ra của hệ thống máy tính để phục vụ cho mục đích kiểm toán của công ty kiểm toán. Thường chỉ có các công ty kiểm toán lớn mới có bộ phận chuyên làm việc này còn các công ty kiểm toán vừa và nhỏ thường bỏ qua khâu này. Công việc này thường do nhóm kiểm toán thực hiện dựa trên cơ sở kinh nghiệm và hiểu biết của mình.

Điều này dẫn đến sự khó khăn trong công tác kiểm tra, kiểm soát, đặc biệt là kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, rủi ro kiểm toán cao. Đồng thời cũng dẫn đến kết quả kiểm toán BCTC trong môi trường tin học chưa đảm bảo chất lượng như mong muốn, chưa thực sự đảm bảo tính hiệu quả, độ tin cậy thấp, gây mất lòng tin đối với người sử dụng thông tin.

2.2. THỰC TRẠNG VỀ QUI TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.2.1. Thực trạng về phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay

2.2.1.1. *Khái quát về thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán BCTC*

Hiện nay, hầu hết các KTV đều sử dụng máy tính xách tay trong quá trình kiểm toán. Rất nhiều nhiệm vụ kiểm toán, như các thủ tục phân tích và các quá trình chuẩn bị tài liệu, giấy tờ làm việc đều được thực hiện với sự trợ giúp của máy tính và các phần mềm ứng dụng trong kiểm toán. KTV có thể sử dụng máy vi tính để thực hiện các công việc kiểm toán kể cả khi dữ liệu của khách hàng không được xử lý bằng máy vi tính hoặc khi phần mềm của khách hàng không có tính so sánh được với phần mềm của KTV. Thông thường, KTV sẽ nhập đầu vào hệ thống máy vi tính bằng dữ liệu của khách hàng. Đầu vào này sau đó được KTV dùng để phân tích hay tổng hợp. Nếu dữ liệu của khách hàng có thể được xử lý bằng máy tính và có tính tương thích với phần mềm của KTV thì KTV có thể nạp đầu vào thông qua các tiện ích trực tiếp mà không cần đi qua bàn phím. Trong trường hợp KTV và công ty kiểm toán sử dụng phần mềm kiểm toán đã khái quát như: Chương trình điện tử chuyên dùng cho kế toán và các bộ phận xử lý văn bản; các phần mềm chuyên dùng trong quản lý hoặc KTV viết các chương trình kiểm toán trên máy vi tính và sử dụng vào các hợp đồng kiểm toán hoặc viết các chương trình đặc biệt sử dụng riêng cho từng tình huống cụ thể.

Hiện nay đã có không ít các công ty kiểm toán đã triển khai áp dụng máy tính, xây dựng và phát triển các phần mềm kiểm toán. Tuy nhiên mức độ áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán có sự khác biệt đáng kể giữa các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam, cụ thể:

- Một số công ty đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong hoạt động kiểm toán với việc sử dụng máy tính và phần mềm kiểm toán, điển hình như Deloitte và Vaco với phần mềm AS2, , KPMG với phần mềm KAM, Pricewaterhouse Coopers với phần mềm TEAMMATE, ...Các công ty này đã sử dụng chuyên gia tin học hiểu biết về quy trình, thủ tục kiểm toán để phát triển phần mềm phù hợp đồng thời có đội ngũ KTV am hiểu khá tốt về công nghệ thông tin. Các công ty sử dụng phần mềm kiểm toán để tạo thư viện mẫu các quy trình chuẩn, các biểu mẫu báo cáo chuẩn và các văn bản pháp quy liên quan đến kiểm toán BCTC; Trợ giúp việc lập kế hoạch và chương trình kiểm toán, trong đó có nội dung đánh giá trọng yếu và rủi ro trong kiểm toán; Phục vụ cho hoạt động phân tích, kiểm tra chi tiết trong giai đoạn thực hành kiểm toán như: so sánh, đối chiếu, lọc dữ liệu, lấy mẫu kiểm toán, thực hiện các phép toán thống kê trên cơ sở dữ liệu, vẽ đồ thị biểu diễn mối quan hệ giữa các đại lượng, kết nối, liên kết các phần hành làm việc của các KTV trong nhóm để tham chiếu hoặc sử dụng kết quả của nhau, kết nối với các kho dữ liệu trên mạng Internet để thu thập thông tin; Theo dõi quá trình triển khai kế hoạch kiểm toán thông qua hình thức rà soát các bước kiểm toán đã thực hiện, báo cáo tiến trình thực hiện thông qua mạng máy tính; Phối hợp thực hiện các chương trình kiểm toán giữa các thành viên trong đội; Tổ chức lập báo cáo kiểm toán và lưu trữ hồ sơ kiểm toán điện tử; Đọc được các cơ sở dữ liệu chứa các thông tin tài chính của doanh nghiệp (các cơ sở dữ liệu này có thể định dạng khác nhau tùy thuộc vào phần mềm tạo nên chúng).

- Ở một số công ty khác thì sử dụng máy tính với một vài các phần mềm đơn giản phục vụ cho công tác tổng hợp và thống kê kết quả kiểm toán, quản lý công văn, quản lý nhân sự, hồ sơ... kết hợp với ứng dụng EXCEL, Word, điển hình như các công ty AASC, A&C, ACATGROOP, NEXIA ...

- Khá nhiều công ty kiểm toán chỉ sử dụng máy vi tính và một số ứng dụng có sẵn như EXCEL, Word mà chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, chủ yếu

là các công ty kiểm toán vừa và nhỏ. Sở dĩ như vậy, một phần do chi mua và phát triển phần mềm khá lớn so với khả năng tài chính của công ty, mặt khác cũng do việc ứng dụng CNTT vào lĩnh vực kế toán của các doanh nghiệp, tổ chức (đối tác khách hàng của các công ty kiểm toán) còn hạn chế, điển hình như AVA, AAC, VAE, CPA...

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán của các công ty này thường chỉ được thực hiện trong việc thiết kế sẵn các mẫu giấy tờ làm việc và báo cáo kiểm toán thành các bản mềm. Các KTV khi kiểm toán phần hành nào, sẽ lấy giấy tờ phần hành đó và tiến hành nhập số liệu theo mẫu trên cơ sở số liệu trên BCTC và thông tin thu thập được của từng khách hàng cụ thể.

2.2.1.2. Khái quát thực trạng áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ

Cũng như mọi cuộc kiểm toán BCTC, trong cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, các công ty kiểm toán độc lập thường thực hiện phương pháp kiểm toán tuân thủ trong hai giai đoạn là lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán. Qua khảo sát thực tế cho thấy các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay thường áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ trong từng giai đoạn của cuộc kiểm toán như sau:

(1) Ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:

** Tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kế toán, hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng:*

KTV thường thực hiện tìm hiểu, thu thập thông tin về hoạt động của đơn vị khách hàng bằng cách thảo luận với trao đổi với đơn vị khách hàng, thu thập thêm thông tin từ các kênh như: Trao đổi với KTV tiền nhiệm, thông tin từ báo, tạp chí, truyền hình... Quá trình tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán theo các bước sau:

+ Thảo luận với Ban giám đốc đơn vị khách hàng để tìm hiểu về môi trường kiểm soát như: quan điểm quản lý, phong cách điều hành đơn vị, chính sách nhân sự...

+ Tìm hiểu, đánh giá về hệ thống kế toán qua các nội dung: Tổ chức bộ máy kế toán, lựa chọn chính sách kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống

tài khoản, hệ thống sổ và hệ thống báo cáo kế toán, kiểm tra việc thực hiện quy trình kế toán ...

- + Kiểm tra các tài liệu quy định về quy chế và thủ tục kiểm soát của đơn vị.

- + KTV thu thập thông tin bằng cách sử dụng bảng câu hỏi điều tra hoặc gặp gỡ trao đổi và đặt câu hỏi theo tình huống thực tế của đơn vị khách hàng.

Một số các công ty kiểm toán độc lập đã tập trung vào xem xét đánh giá môi trường hệ thống thông tin của đơn vị theo một số khía cạnh như:

- + Phạm vi sử dụng máy vi tính, phần mềm vào công tác kế toán và quản lý của đơn vị;

- + Trình độ tin học của các nhân viên sử dụng hệ thống máy vi tính;

- + Việc thiết lập và phát triển chương trình phần mềm kế toán;

- + Những thay đổi của chương trình kế toán;

- + Việc vận hành của chương trình kế toán thông qua quy trình xử lý các giao dịch, việc xử lý tự động một số giao dịch.

** Đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát:*

Căn cứ vào những hiểu biết về hoạt động và cơ cấu tổ chức của đơn vị, hiểu biết về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng, KTV thực hiện phân tích, đánh giá thông tin thu thập được để đánh giá ban đầu về để làm cơ sở lập kế hoạch và soạn thảo chương trình kiểm toán cho phù hợp.

(2) Ở giai đoạn thực hiện kiểm toán:

Mức độ áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ ở giai đoạn này tùy thuộc vào mức độ đánh giá RRKS ở giai đoạn lập kế hoạch và cũng có sự khác biệt lớn giữa các công ty và giữa các cuộc kiểm toán BCTC do cùng một công ty thực hiện.

Ví dụ như:

- + Một số công ty kiểm toán, điển hình như công ty KPMG, Deloitte... thường có chuyên gia IT thực hiện khảo sát về hệ thống thông tin, môi trường điện toán và phần mềm kế toán của đơn vị khách hàng trong trường hợp đơn vị khách hàng có qui mô lớn, hệ thống thông tin phức tạp. Nhưng đối với khách

hàng có qui mô nhỏ thì do KTV tự nghiên cứu đánh giá về hệ thống thông tin của đơn vị để đưa ra kết luận về mức độ áp dụng máy tính của doanh nghiệp, mức độ tin cậy của hệ thống kế toán...

+ Công ty AASC đưa ra 2 phương pháp tiếp cận cơ bản đối với mục tiêu kiểm toán:

- Phương pháp tiếp cận dựa trên hệ thống thu nhận hầu hết các đảm bảo kiểm toán từ hệ thống KSNB.
- Phương pháp tiếp cận dựa trên kiểm tra chi tiết số liệu thu nhận hầu hết các đảm bảo kiểm toán từ các thủ tục kiểm tra chi tiết số liệu.

Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận nào là tùy thuộc vào sự tin cậy hay không tin cậy của KTV vào hệ thống KSNB của đơn vị đối với mục tiêu kiểm toán đã xác định, có thể khác nhau đối với các bộ phận khoản mục, thông tin trên BCTC của cùng một đơn vị khách hàng. Khi KTV tin cậy vào hệ thống KSNB thì quyết định phương pháp tiếp cận dựa trên hệ thống. Theo đó, KTV thực hiện các khảo sát để thu thập bằng chứng về sự tuân thủ các chính sách và thủ tục KSNB, bằng các quan sát, phỏng vấn, điều tra và thực hiện lại. Căn cứ vào các kết quả đó, KTV sẽ đánh giá lại rủi ro kiểm soát để xác định thủ tục kiểm toán chi tiết ở các quy mô, mức độ khác nhau đối với từng khoản mục. Nếu ở giai đoạn lập kế hoạch, KTV đã xác định RRKS cao, KTV không tin cậy vào hệ thống KSNB của đơn vị thì KTV sẽ chọn phương pháp tiếp cận dựa trên kiểm tra chi tiết số liệu thu nhận hầu hết các đảm bảo kiểm toán từ các thủ tục kiểm tra chi tiết số liệu mà không tiếp tục nghiên cứu đánh giá về kiểm soát nội bộ.

+ Một số công ty khác, ví dụ như A&C, AVA chỉ thực hiện đánh giá sơ bộ về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng trong giai đoạn lập kế hoạch mà chưa chú trọng đến tìm hiểu về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB cũng như hệ thống máy tính của đơn vị khách hàng trong giai đoạn này mà thường tập trung kiểm tra chi tiết. Thực tế tại công ty A&C thì hầu hết các cuộc kiểm toán đều không thực hiện được việc kiểm tra hệ thống kế toán máy của khách hàng. Vì lý do chi phí nên quá trình này thường bị bỏ qua. KTV vẫn đánh giá tính hiệu quả của hệ thống KSNB thông qua bảng câu hỏi có sẵn

và kinh nghiệm nghề nghiệp. Tuy nhiên đánh giá như vậy không thể kiểm tra việc hệ thống máy tính làm việc có đúng hay không.

Trong giai đoạn này, thủ tục kiểm toán được đại bộ phận KTV và các công ty thường chỉ thực hiện kiểm tra chi tiết các văn bản, tài liệu về quy trình kiểm soát áp dụng cho từng hệ thống, kết hợp với việc phỏng vấn các nhân viên ở từng bộ phận mà không thực hiện kỹ thuật quan sát thực tế quá trình hoạt động của đơn vị và cũng không yêu cầu thực hiện lại công việc xử lý nghiệp vụ.

Ngoại trừ một số công ty kiểm toán lớn như KPMG, Deloitte... thường có chuyên gia IT thực hiện khảo sát về hệ thống thông tin, môi trường điện toán và phần mềm kế toán của đơn vị khách hàng trong trường hợp đơn vị khách hàng có qui mô lớn, hệ thống thông tin phức tạp, việc đánh giá hệ thống kế toán và hệ thống KSNB trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị khách hàng tại các công ty kiểm toán độc lập Việt Nam hiện nay thường do KTV thực hiện mà không có sự trợ giúp của các chuyên gia nên mới chủ yếu mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá ban đầu về việc cài đặt chương trình, thay đổi chương trình, quy trình xử lý các giao dịch, khả năng tự tạo và thực hiện giao dịch, dấu vết của sự kiểm soát việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa, xóa, khai thác dữ liệu mà chưa đi sâu xem xét các yếu tố như: Cấu trúc hoạt động của hệ thống máy tính, mức độ tập trung hoặc phân tán của việc xử lý thông tin bằng máy vi tính; Khả năng sẵn có của dữ liệu; Quy trình xử lý thống nhất các giao dịch; Sự phân chia các chức năng bị hạn chế; Khả năng sai sót và không tuân thủ; Sự phụ thuộc của các bước kiểm soát khác đối với quá trình xử lý thông tin bằng máy tính... Do vậy, kết quả đánh giá về việc thực hiện các thủ tục kiểm soát cũng như hiệu lực của hệ thống KSNB, độ tin cậy của BCTC đôi khi chưa đầy đủ, dẫn đến xác định không đúng về RRKS.

(Phụ lục 2.1 Một số ví dụ về khảo sát KSNB ở một số công ty)

2.2.1.3. Khái quát thực trạng áp dụng phương pháp kiểm toán cơ bản

(1) Thực trạng áp dụng phương pháp cơ bản ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, đại bộ phận các công ty kiểm toán đều sử dụng kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát để đánh giá sơ bộ về sự biến động của các chỉ tiêu trên BCTC. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong kỹ thuật này cũng có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty và giữa các nhóm KTV trong từng công ty, tùy thuộc vào mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán của đơn vị khách hàng và trình độ tin học của KTV, cụ thể:

- Đối với các công ty đã sử dụng phần mềm kiểm toán, KTV thường thông qua phần mềm kiểm toán và dựa trên các BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin, tài liệu khác, KTV tính toán các chỉ tiêu và lập bảng phân tích sơ bộ rất nhanh chóng (đặc biệt trong trường hợp có bản mềm của các BCTC của đơn vị khách hàng). Do vậy, kỹ thuật phân tích đã được áp dụng cho hầu hết các cuộc kiểm toán.

- Đối với các công ty chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, KTV thường dựa trên các BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin, tài liệu khác, KTV tính toán các chỉ tiêu và lập bảng phân tích sơ bộ trên máy tính như bảng tính EXCEL...Tuy nhiên, do trình độ tin học và khả năng xét đoán của KTV khác nhau nên có không ít KTV thường không tính toán lập biểu phân tích trong giai đoạn này.

Ở giai đoạn này, KTV thường sử dụng kỹ thuật phân tích ngang đối với toàn bộ các chỉ tiêu tổng hợp và chủ yếu trên BCTC để đánh giá ban đầu xem có sự biến động hay biểu hiện bất thường hay không, ít khi phân tích dọc và phân tích ước tính đối với từng chỉ tiêu cụ thể ở giai đoạn này.

(2) Thực trạng áp dụng phương pháp cơ bản ở giai đoạn thực hiện kiểm toán:

Trong giai đoạn này, các công ty kiểm toán đều sử dụng rộng rãi các kỹ thuật của phương pháp kiểm toán cơ bản để thu thập bằng chứng về mức độ trung thực hợp lý (về các cơ sở dẫn liệu) của các bộ phận, khoản mục (chỉ tiêu) trên BCTC. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong việc sử dụng các kỹ thuật của phương pháp kiểm toán cơ bản có sự khác biệt tương đối lớn giữa các công ty kiểm toán và trong từng cuộc kiểm toán của từng công ty.

** Kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát:*

Hầu hết các công ty kiểm toán đều sử dụng kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát trong giai đoạn thực hành kiểm toán để đánh giá về tính hợp lý của các chỉ tiêu trên BCTC. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong kỹ thuật này cũng có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty và giữa các nhóm KTV trong từng công ty, tùy thuộc vào mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán của đơn vị khách hàng và trình độ tin học của KTV, cụ thể:

- Đối với các công ty đã sử dụng phần mềm kiểm toán, điển hình như Deloitte, KPMG..., KTV thường thông qua phần mềm kiểm toán và dựa trên các BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin, tài liệu khác, KTV tính toán các chỉ tiêu và lập bảng phân tích một cách nhanh chóng và chính xác. Do vậy, kỹ thuật phân tích đã được áp dụng cho hầu hết các cuộc kiểm toán và hầu hết các chỉ tiêu. Đồng thời, KTV không chỉ thực hiện phân tích ngang hoặc phân tích dọc mà còn thu thập thêm thông tin bổ sung về quá trình thực hiện chỉ tiêu ở các bộ phận liên quan trong đơn vị khách hàng để phân tích tác động của các nhân tố đến chỉ tiêu phân tích, hoặc dựa trên các nguồn số liệu độc lập để ước tính giá trị của từng chỉ tiêu rồi so sánh với kết quả của đơn vị, qua đó đánh giá cụ thể về tính hợp lý của từng chỉ tiêu, từ đó định hướng kiểm tra và lựa chọn quy mô kiểm toán cho phù hợp, hoặc cũng có thể sử dụng kết quả để kết luận cho những chỉ tiêu không quan trọng, rủi ro thấp.

- Đối với các công ty chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, hoặc chỉ sử dụng các phần mềm đơn giản, như AASC, A&C, NEXIACPA... thì KTV thường dựa trên các BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin, tài liệu khác, KTV tính toán các chỉ tiêu và lập bảng phân tích trên máy tính như bảng tính EXCEL...Tuy nhiên, do trình độ tin học và khả năng xét đoán của KTV khác nhau nên mức độ áp dụng kỹ thuật phân tích có sự khác nhau. Một số KTV sử dụng thành thạo thành thạo máy tính và có khả năng xét đoán cao thường sử dụng rộng rãi kỹ thuật phân tích trong giai đoạn này. KTV không chỉ thực hiện phân tích ngang hoặc phân tích dọc mà còn thu thập thêm thông tin bổ sung về quá trình thực hiện chỉ tiêu ở các bộ phận liên quan trong đơn vị khách hàng để phân tích tác động của các nhân tố đến chỉ tiêu phân tích, hoặc dựa trên các nguồn số liệu độc lập để ước tính giá trị của từng chỉ tiêu rồi so sánh với kết quả

của đơn vị, qua đó đánh giá cụ thể về tính hợp lý của từng chỉ tiêu, từ đó định hướng kiểm tra và lựa chọn quy mô kiểm toán cho phù hợp, hoặc cũng có thể sử dụng kết quả để kết luận cho những chỉ tiêu không quan trọng, rủi ro thấp (tương tự như đối với trường hợp sử dụng phần mềm kiểm toán). Trái lại, những KTV chưa sử dụng thành thạo máy tính và khả năng xét đoán hạn chế thì thường chỉ lập bảng phân tích, so sánh các chỉ tiêu mà không phân tích các nhân tố ảnh hưởng (đôi khi lập bảng phân tích chỉ mang tính hình thức, không phục vụ cho mục tiêu kiểm toán), cũng có trường hợp KTV không sử dụng kỹ thuật phân tích trong giai đoạn này, mặc dù các thủ tục phân tích đánh giá tổng quát đã được quy định trong chương trình kiểm toán của công ty.

(Phụ lục 2.2 Một số ví dụ vận dụng kỹ thuật phân tích tổng quát tại các công ty kiểm toán độc lập)

** Kỹ thuật kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản*

Các công ty thường xác định hướng kiểm tra đối với từng loại nghiệp vụ và số dư tài khoản xem nghiệp vụ, số dư tài khoản được kiểm tra có thể bị báo cáo tăng (overstatement) hay báo cáo giảm (understatement) để quyết định tổng thể chọn mẫu kiểm toán cho phù hợp (kiểm tra từ chứng từ gốc hay từ sổ kế toán). Tuy nhiên, đa phần các công ty thường chủ yếu thực hiện kiểm tra theo hướng “*từ sổ xuống chứng từ kế toán*” đối với những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

Sau khi lựa chọn được phạm vi kiểm tra, các công ty kiểm toán áp dụng các kỹ thuật kiểm toán: So sánh, đối chiếu, điều tra, gửi thư xác nhận, tính toán, kiểm kê và các thủ tục kiểm toán khác để thu thập những bằng chứng thích hợp về các cơ sở dẫn liệu của từng bộ phận, khoản mục trên BCTC. Việc lựa chọn phạm vi kiểm tra và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra trong quá trình kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty kiểm toán. Tuy nhiên, KTV thường chỉ áp dụng kỹ thuật kiểm tra tài liệu, ít hoặc không sử dụng các kỹ thuật gửi thư xác nhận và kỹ thuật điều tra, quan sát vật chất do giới hạn về thời gian và nhân lực trong quá trình kiểm toán. Do vậy có thể dẫn đến rủi ro phát hiện cao, không đảm bảo chất lượng kiểm toán.

Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty.

Đối với các công ty đã sử dụng phần mềm kiểm toán, điển hình như Deloitte, KPMG..., KTV thường thông qua phần mềm kiểm toán và dựa trên các BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin, tài liệu khác để thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản trên cơ sở mẫu đã chọn bởi phần mềm. Các công ty kiểm toán không sử dụng phần mềm thì thường ứng dụng các phần mềm đã có sẵn trong máy vi tính như Word, EXCEL... để hỗ trợ việc kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản, đặc biệt trong việc kiểm tra cơ sở tính toán, đánh giá, giúp KTV giảm đi đáng kể khối lượng công việc.

(3) Thực trạng áp dụng phương pháp cơ bản ở giai đoạn kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn này, các công ty kiểm toán thường sử dụng kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát để đánh giá, tổng hợp kết quả kiểm toán. KTV cũng thực hiện thêm một số thủ tục kiểm toán chuyên dùng cho giai đoạn kết thúc công việc kiểm toán như thảo luận và thu thập bản giải trình của Ban giám đốc và người quản lý, xem xét lại tính hợp lý của các chính sách kế toán mà đơn vị đã áp dụng, xem xét khả năng hoạt động liên tục của đơn vị, xem xét các sự kiện phát sinh... Sau khi đã thực hiện các thủ tục bổ sung, KTV thực hiện tổng hợp toàn bộ kết quả từ kiểm toán các bộ phận, khoản mục và kết quả kiểm toán từ các thủ tục kiểm toán cần thiết đã thực hiện trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Dựa vào kết quả đã tổng hợp, KTV phân tích đánh giá tổng quát cuối cùng để rút ra kết luận về toàn bộ BCTC. Tuy nhiên, không ít trường hợp, KTV không thực hiện các kỹ thuật kiểm tra chi tiết nữa mà chỉ dựa vào kết quả phân tích đánh giá tổng quát cuối cùng để rút ra kết luận.

Nhưng, một số công ty kiểm toán lại không phân tích đánh giá tổng quát mà thực hiện các kỹ thuật kiểm tra chi tiết như so sánh, tính toán, tổng hợp lại kết quả kiểm toán kết hợp với sử dụng một số thủ tục kiểm toán cần thiết khác có tính chất đặc trưng cho giai đoạn kết thúc công việc kiểm toán...

2.2.2. Thực trạng về quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay

2.2.1.1. Thực trạng thiết kế quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Trong điều kiện công nghệ thông tin phát triển, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán mang tính cần thiết tất yếu. Dưới góc độ quản lý, Bộ tài chính cũng đã ban hành Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 401 - Thực hiện kiểm toán trong môi trường tin học quy định về kiểm toán trong môi trường tin học để định hướng cho các công ty thực hiện tốt cuộc kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo chất lượng và hiệu quả của cuộc kiểm toán.

Về phía công ty kiểm toán độc lập cũng đã nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán. Đồng thời đại đa số các công ty cũng đều xây dựng quy trình kiểm toán mẫu trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin không được xây dựng trên một nền cơ bản chung mà thường được xây dựng trên cơ sở áp dụng kinh nghiệm của các công ty kiểm toán quốc tế, kinh nghiệm nghề nghiệp của KTV và của mỗi công ty kiểm toán. Nhìn chung các quy trình kiểm toán mẫu của các công ty về cơ bản đã đảm bảo được mục tiêu của cuộc kiểm toán BCTC, nhưng thường mang tính riêng biệt của từng công ty kiểm toán. Mỗi công ty khi thiết kế quy trình kiểm toán thường đưa ra những công việc chủ yếu cần thực hiện trong từng giai đoạn của cuộc kiểm toán, tùy theo các nguyên tắc, quy định riêng của hãng kiểm toán quốc tế trực thuộc hoặc là những thành viên sáng lập công ty kiểm toán. Điều đó dẫn đến nội dung công việc và trình tự các bước công việc không giống nhau, dẫn đến chất lượng kiểm toán của mỗi công ty thường có sự chênh lệch khá lớn.

Qua khảo sát thực trạng cho thấy: Các công ty kiểm toán độc lập là thành viên của các hãng kiểm toán lớn trên thế giới như PWC, KPMG, Deloitte... đều xây dựng và áp dụng quy trình kiểm toán thống nhất, hiện đại. Ví dụ như công ty Deloitte Việt Nam hiện đang áp dụng quy trình kiểm toán BCTC theo phần mềm kiểm toán AS/2 (Audit System 2) do hãng Deloitte Touche Tohmatsu (DDT) xây dựng để áp dụng thống nhất trên toàn cầu, đã được hãng DTT cụ thể hóa theo điều kiện kinh tế thị trường Việt Nam từ tháng 5/1998 và liên tục cập nhật, bản mới nhất hiện nay là 2011. Chương trình kiểm toán AS/2 bao gồm:

Phương pháp kiểm toán; Hệ thống hồ sơ kiểm toán; Phần mềm kiểm toán. Hay như công ty KPMG cũng xây dựng quy trình kiểm toán mẫu với phần mềm kiểm toán KAM, công ty Nexia cũng xây dựng và áp dụng quy trình kiểm toán mẫu với phần mềm OPEN OFFICE với các ứng dụng như Word, Excel... Một số công ty kiểm toán Việt Nam có qui mô lớn, như AASC, A&C...cũng đã xây dựng và áp dụng quy trình kiểm toán thống nhất trong toàn công ty ở tất cả các chi nhánh trên cơ sở ứng dụng các phần mềm kiểm toán đơn giản trong chọn mẫu, tổng hợp kết quả kiểm toán và các ứng dụng như Word, Excel... Trong những năm trước 2009 có không ít công ty kiểm toán có quy mô nhỏ thường không thiết kế một quy trình kiểm toán với bộ chương trình kiểm toán mẫu cho tất cả các phần hành, không lập kế hoạch kiểm toán, không xác định trọng yếu, rủi ro... mà thường chỉ thực hiện 2 giai đoạn thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán, kế hoạch nếu có cũng chỉ mang tính hình thức. Tuy nhiên, từ năm 2009, VACPA đã tiến hành thử nghiệm bộ chương trình kiểm toán mẫu ở một số công ty kiểm toán vừa và nhỏ, sau đó bổ sung, sửa đổi và ban hành vào 2010 thì đã có khá nhiều công ty sử dụng chương trình kiểm toán mẫu này. Theo đó, số công ty không áp dụng quy trình kiểm toán mẫu đã giảm đi đáng kể. Tuy nhiên, ngoại trừ một số công ty kiểm toán lớn có thiết kế thủ tục nghiên cứu đánh giá hệ thống kế toán trong môi trường tin học của đơn vị khách hàng, đa phần các công ty chưa đưa thủ tục kiểm tra đánh giá Hệ thống thông tin và phần mềm kế toán của đơn vị vào chương trình kiểm toán, mà thường chỉ chú ý đến thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản. Nội dung khảo sát hệ thống đối với từng phần hành thường rất mờ nhạt, không đề cập đến khảo sát hệ thống kế toán của đơn vị khách hàng.

(Phụ lục 2.3. Quy trình kiểm toán mẫu của một số công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam hiện nay)

2.2.2.2. Thực trạng thực hiện qui trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Qua quá trình khảo sát thực tế, ta có thể thấy thực trạng thực hiện quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam đang có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty kiểm toán cũng như giữa các nhóm KTV trong cùng một công ty. Theo quy

trình kiểm toán của từng công ty có thể chia cuộc kiểm toán BCTC theo 3,4, 5... bước, tuy nhiên có thể khái quát quy trình kiểm toán của một cuộc kiểm toán BCTC tại các công ty thường theo 3 giai đoạn như sau:

(1) Thực trạng giai đoạn chuẩn bị kiểm toán và lập kế hoạch kiểm toán:

Nội dung công việc trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán BCTC ở mỗi công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam khác nhau thường có sự khác nhau, và cũng khác nhau giữa các cuộc kiểm toán của cùng một công ty kiểm toán. Trên giác độ chung nhất, nội dung công việc chủ yếu trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán và lập kế hoạch bao gồm:

** Đánh giá khách hàng để xác định xem có chấp nhận hay không chấp nhận.* Việc đánh giá được thực hiện trước khi ký hợp đồng kiểm toán. Các công việc thường làm là: Sau khi nhận được thư mời kiểm toán của khách hàng, công ty kiểm toán tiến hành gặp gỡ để thu thập những thông tin kiểm soát nội bộ cũng như những thông tin khác để đánh giá rủi ro cho cuộc kiểm toán. Nếu là khách hàng truyền thống thì KTV thường chỉ thảo luận trực tiếp với Ban giám đốc hoặc người quản lý của khách hàng xem đơn vị đã củng cố, hoàn thiện các quy chế KSNB theo ý kiến đóng góp của KTV đã góp ý, trao đổi trong lần kiểm toán trước hay không, trong năm có thay đổi gì về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh hay không..., khả năng mức phí kiểm toán mà đơn vị chấp nhận... Nếu là khách hàng lần đầu thì công ty cần tìm hiểu kỹ hơn để quyết định có nhận kiểm toán hay không. Nội dung công việc trong bước này thường giống nhau giữa những khách hàng có sử dụng hệ thống máy tính và phần mềm kế toán với khách hàng không sử dụng phần mềm kế toán. Tuy nhiên, với những khách hàng lớn, KTV cũng thường quan tâm đến việc tổ chức hệ thống thông tin và phần mềm kế toán mà đơn vị áp dụng để đánh giá sơ bộ ban đầu về mức độ rủi ro, từ đó xem xét về mức phí mà khách hàng chấp nhận xem có phù hợp không để quyết định chấp nhận khách hàng hay không. Thực tế hiện nay, do mức độ cạnh tranh lớn giữa các công ty kiểm toán độc lập nên đôi khi công ty kiểm toán đã chấp nhận rủi ro để có được hợp đồng kiểm toán nên cũng không chú trọng đến việc đánh giá ban đầu về hệ thống thông tin và phần mềm kế toán của đơn vị khách hàng.

* *Nghiên cứu đánh giá sơ bộ về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB để đánh giá ban đầu về RRKS để lập kế hoạch kiểm toán.* Bước công việc này KTV thường thu thập các thông tin cơ bản về đặc điểm quản lý và kiểm soát nội bộ của đơn vị khách hàng để đánh giá RRKS. Riêng việc tìm hiểu về hệ thống máy tính và phần mềm kế toán của đơn vị có sự khác nhau giữa các công ty kiểm toán và giữa các cuộc kiểm toán trong cùng một công ty kiểm toán thực hiện. Thông thường có các trường hợp sau:

- Với những công ty kiểm toán lớn như KPMG, Deloitte Vietnam có bộ phận IT làm nhiệm vụ khảo sát, đánh giá về môi trường tin học của khách hàng thì có thể chuyên viên phòng IT sẽ làm nhiệm vụ khảo sát và đánh giá về môi trường hệ thống thông tin và phần mềm kế toán của khách hàng. Nếu như chuyên gia cho rằng hệ thống đó được đánh giá hiệu quả, phù hợp, an toàn thì KTV có thể tin vào tính đúng đắn, khách quan và hiệu quả của hệ thống phần mềm để giảm bớt công việc kiểm tra chi tiết đối với các nghiệp vụ đã được thực hiện tự động bởi phần mềm. Tuy nhiên, do chi phí kiểm toán lớn và số lượng chuyên gia công nghệ thông tin của các công ty kiểm toán thường không đủ đáp ứng số lượng hợp đồng kiểm toán lớn trong lúc “mùa vụ” nên số lượng cuộc kiểm toán áp dụng biện pháp này hiện nay là không nhiều, thường chỉ đối với cuộc kiểm toán có quy mô lớn, loại hình hoạt động đa dạng và đơn vị khách hàng có áp dụng hệ thống máy tính hiện đại, phần mềm phức tạp. Số cuộc kiểm toán còn lại do KTV tự đánh giá. Do vậy, mức độ đánh giá về môi trường tin học của khách hàng thường phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tin học và kinh nghiệm nghề nghiệp của KTV.

- Với những công ty không có bộ phận kỹ thuật thông tin (IT) làm nhiệm vụ khảo sát, đánh giá về môi trường tin học của khách hàng thì KTV sẽ lập một số câu hỏi yêu cầu khách hàng trả lời về hệ thống KSNB. Hệ thống câu hỏi này mang tính riêng biệt tùy thuộc vào từng công ty kiểm toán. Những câu hỏi này thường tập trung vào quy trình xử lý các nghiệp vụ, dấu vết sự kiểm soát của những người có thẩm quyền. Một số công ty có đưa vào hệ thống câu hỏi đánh giá về hệ thống máy tính và phần mềm kế toán nhưng đa phần các công ty chưa chú ý đến nội dung này khi thực hiện khảo sát KSNB.

Việc đánh giá hệ thống kế toán và hệ thống KSNB tại các công ty kiểm toán độc lập Việt Nam chủ yếu mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá ban đầu về việc cài đặt chương trình, thay đổi chương trình, quy trình xử lý các giao dịch, khả năng tự tạo và thực hiện giao dịch, dấu vết của sự kiểm soát việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa, xóa, khai thác dữ liệu ...

* *Xác định trọng yếu*: Mỗi công ty áp dụng một mức trọng yếu riêng mà họ cho rằng hợp lý và đảm bảo được rằng trên BCTC, tổng sai sót không lớn hơn mức trọng yếu hoặc nếu có thì đã được phát hiện và chỉ rõ trên báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên, trong việc xác định trọng yếu, hầu như các công ty đều chưa chú trọng đến việc xem xét ảnh hưởng của hệ thống máy tính và phần mềm kế toán của đơn vị, ngoại trừ các công ty kiểm toán lớn, đã thiết kế nội dung xem xét đến tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống thông tin trong việc đánh giá rủi ro và trọng yếu.

* *Soạn thảo chương trình kiểm toán*: Các công ty đã có bộ chương trình kiểm toán mẫu lưu trữ dưới dạng hồ sơ điện tử thì KTV thường dựa vào các chương trình kiểm toán mẫu của công ty, kết hợp với những đánh giá về hệ thống KSNB, trọng yếu và rủi ro đối với từng cuộc kiểm toán cụ thể để sửa đổi, bổ sung chương trình kiểm toán cho phù hợp trong từng bối cảnh cụ thể. Với những khách hàng có hệ thống phần mềm phức tạp, KTV phải tham khảo ý kiến các chuyên gia và các cấp lãnh đạo (khi xét thấy cần thiết hoặc do qui định của công ty) để xây dựng chương trình kiểm toán phù hợp và hiệu quả. Tuy nhiên, trong thực tế, việc xem xét bổ sung, hoàn thiện chương trình kiểm toán mẫu sao cho phù hợp từng khách hàng còn ở mức độ rất khác nhau tùy theo quy định của từng công ty và tùy theo qui mô, tính chất phức tạp của hoạt động và các loại giao dịch, nghiệp vụ của đơn vị khách hàng. KTV chỉ chú trọng đến việc soạn thảo chương trình kiểm toán chi tiết, tỷ mỉ đối với những đơn vị khách hàng có quy mô lớn, tính chất hoạt động phức tạp, khả năng rủi ro lớn hoặc có nhiều đối tượng quan tâm đến BCTC của đơn vị (ví dụ công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán...). Còn lại, đại bộ phận KTV thường đánh giá sơ bộ về RRTT, RRKS hoặc mặc định rủi ro ở mức độ trung bình để xác định trọng yếu, lựa chọn phạm vi kiểm toán và áp dụng chương trình kiểm toán với mức độ trọng yếu và rủi ro đã đánh giá. Một số công ty thường chỉ dựa vào chương trình

kiểm toán mẫu để thực hiện mà không bổ sung, sửa đổi chương trình. Một số công ty nhỏ còn không xây dựng chương trình kiểm toán mà thường triển khai thực hiện cuộc kiểm toán theo thói quen, kinh nghiệm và xét đoán chủ quan của KTV.

Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các công ty có khác nhau nhưng nhìn chung các công ty đều sử dụng các phần mềm quản lý hồ sơ, ứng dụng Word trong giai đoạn này.

(2) Thực trạng giai đoạn thực hiện kiểm toán:

Trong giai đoạn này, KTV triển khai thực hiện các thủ tục kiểm toán đã được xác định sẵn trong chương trình kiểm toán hoặc theo kinh nghiệm, thói quen nghề nghiệp của mình để thu thập các bằng chứng kiểm toán theo từng mục tiêu kiểm toán cụ thể.

Nội dung công việc trong giai đoạn thực hiện kiểm toán của cuộc kiểm toán BCTC ở mỗi công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam khác nhau cũng thường có sự khác nhau, và cũng khác nhau giữa các cuộc kiểm toán của cùng một công ty kiểm toán. Trên giác độ chung nhất, nội dung công việc chủ yếu trong giai đoạn này bao gồm:

** Thực trạng xác định và gửi danh mục tài liệu cần khách hàng cung cấp:*

Danh mục những tài liệu cần thu thập được xác định qua việc thực hiện khảo sát sơ bộ tại đơn vị và phân tích thông tin tài chính. KTV thường gửi danh mục tài liệu cần cung cấp cho khách hàng trước khi đến đơn vị khách hàng (gửi qua email, qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp cho khách hàng tùy theo mối quan hệ và bối cảnh cụ thể), hoặc KTV gửi cho khách hàng trong khi thực hiện kiểm toán. Các tài liệu yêu cầu thường bao gồm các tài liệu liên quan đến quá trình KSNB và tài liệu kế toán của đơn vị. Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin như hiện nay, hầu hết các công ty kiểm toán độc lập đều đã xây dựng danh mục tài liệu cần cung cấp theo mẫu sẵn, phục vụ cho mọi cuộc kiểm toán và được lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán. Tùy theo quy mô, loại hình đơn vị được kiểm toán và tính chất của từng cuộc kiểm toán, KTV sẽ lựa chọn một danh mục tài liệu khách hàng cần cung cấp cho phù hợp để gửi cho khách hàng.

Tuy nhiên, một số trường hợp, KTV cũng không chuẩn bị rõ ràng danh mục này mà thường yêu cầu đơn vị cung cấp tài liệu từng phần tùy theo diễn biến thực tế của cuộc kiểm toán. Sở dĩ như vậy là do bản thân KTV chưa có sự chuẩn bị trước do quá bận trong mùa kiểm toán, do thói quen không có sự chuẩn bị chu đáo trước khi thực hiện một công việc, hoặc do bản thân công ty chưa xây dựng được danh mục tài liệu cần cung cấp một cách đầy đủ, rõ ràng. Thực tế này dẫn đến tốn kém thời gian rất nhiều trong cuộc kiểm toán, đôi khi dẫn đến việc KTV bị động trong công việc, có thể dẫn tới hạn chế phạm vi kiểm toán trong trường hợp người liên quan gặp những khó khăn, bất trắc không thể cung cấp kịp thời tài liệu cho KTV.

** Thực hiện các thủ tục khảo sát về kiểm soát:*

Nếu trong giai đoạn lập kế hoạch KTV cho là có thể dựa vào KSNB của đơn vị khách hàng thì trong giai đoạn này KTV tiến hành khảo sát về kiểm soát để thu thập bằng chứng liên quan đến kiểm soát nội bộ của những khoản mục, thông tin cần kiểm toán. Nội dung, phạm vi và thủ tục kiểm toán mà KTV thực hiện để khảo sát về kiểm soát trong giai đoạn này có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty kiểm toán lớn và các công ty kiểm toán có qui mô vừa và nhỏ. Đa phần các công ty thường chỉ áp dụng kỹ thuật kiểm tra tài liệu, phỏng vấn trực tiếp những người liên quan hoặc yêu cầu cung cấp giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu để khảo sát về KSNB nói chung mà chưa chú ý đến khảo sát về tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống máy tính và phần mềm kế toán, phần mềm quản lý của đơn vị khách hàng. Một số công ty có khảo sát về hệ thống máy tính thì hầu như mới chỉ tập trung vào quy trình xử lý giao dịch và khảo sát quá trình kiểm soát quyền sử dụng mà chưa đi sâu vào khảo sát sự phân tách trách nhiệm trong hệ thống, khảo sát chương trình phần mềm kế toán, khảo sát phần cứng và khảo sát vật chất liên quan đến sự bảo vệ các thiết bị máy tính (như đã trình bày chi tiết trong phần thực trạng áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ trên đây)

** Thực trạng thực hiện các thủ tục phân tích đánh giá tổng quát:*

Đối với những công ty kiểm toán đã thiết kế quy trình và bộ chương trình kiểm toán mẫu thì thủ tục phân tích đã được xác định sẵn trong chương

trình kiểm toán. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, KTV đảm nhận từng phần hành kiểm toán thường xác định có sử dụng hay không thủ tục phân tích chứ không phải luôn thực hiện thủ tục này cho toàn bộ các bộ phận, khoản mục thông tin trong BCTC. Việc KTV quyết định có sử dụng hay không sử dụng thủ tục này thường tùy thuộc vào tính đầy đủ của thông tin liên quan, độ tin cậy vào số liệu, thông tin mà KTV thu thập được và trình độ phân tích, xét đoán, thói quen, kinh nghiệm của từng KTV, đặc biệt là KTV phụ trách cuộc kiểm toán. KTV thường lựa chọn sử dụng kỹ thuật phân tích ngang, phân tích dọc đối với số liệu trên BCTC hoặc phân tích ước tính đối với từng khoản mục thông tin được kiểm toán. Với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm kiểm toán, đa phần KTV đều lập bảng phân tích, so sánh từng chỉ tiêu giữa các thời kỳ (phân tích ngang). Cũng khá nhiều KTV đã sử dụng rộng rãi kỹ thuật phân tích ước tính với sự hỗ trợ của phần mềm kiểm toán hoặc ứng dụng Excel. Đối với các công ty kiểm toán đã sử dụng phần mềm kiểm toán, các chỉ tiêu phân tích đã được tính tự động theo các chương trình cài sẵn. Sau khi nạp số liệu trên BCTC của đơn vị khách hàng, KTV đã có thể có ngay bảng phân tích trong thời gian rất ngắn. Song, các KTV và công ty kiểm toán rất ít sử dụng kết quả của kỹ thuật này, chỉ phân tích ở mức độ đơn giản, đôi khi là hình thức, không phục vụ nhiều cho công tác kiểm toán BCTC, một phần do không có đủ tài liệu bổ sung, một phần do khả năng phân tích, xét đoán của KTV còn hạn chế, chưa thể nhận thức rõ được tính hợp lý hay bất thường của các chỉ tiêu qua các chỉ tiêu phân tích (chi tiết đã trình bày trong phần thực trạng áp dụng kỹ thuật phân tích tổng quát trên đây).

** Thực trạng kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ và số dư tài khoản:*

Trong chương trình kiểm toán mẫu của tất cả các công ty đều thiết kế khá đầy đủ, chi tiết về nội dung và phạm vi thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản. Theo đó, các KTV triển khai thực hiện các thủ tục kiểm tra cho phù hợp với từng cuộc kiểm toán. Thông thường KTV không thực hiện toàn bộ các thủ tục kiểm tra chi tiết như đã nêu trong chương trình kiểm toán mà thường chú trọng vào một số thủ tục cơ bản tùy theo mức độ rủi ro đã đánh giá đối với từng đơn vị khách hàng.

KTV cũng thường chỉ thực hiện kiểm tra chọn mẫu. Việc chọn mẫu kiểm tra chi tiết đang có sự khác biệt khá lớn, tùy thuộc vào từng công ty và từng nhóm KTV, cụ thể:

- Đối với các công ty đã sử dụng phần mềm kiểm toán, điển hình như Deloitte, KPMG..., KTV thường chọn mẫu thông qua phần mềm kiểm toán chọn mẫu. Trong một số trường hợp, KTV đã chọn mẫu theo phần mềm nhưng số mẫu đó chỉ để lưu vào file hồ sơ kiểm toán (mang tính hình thức) mà thực tế có thể KTV đã kiểm tra chi tiết với số mẫu lớn hơn hoặc nhỏ hơn tùy theo kinh nghiệm và xét đoán nghề nghiệp của KTV.

- Một số công ty khác không sử dụng phần mềm chọn mẫu kiểm toán thì KTV thường chọn mẫu xét đoán căn cứ vào tổng hợp đối ứng tài khoản, sổ kế toán để tìm ra các nghiệp vụ phát sinh lớn, bất thường, các nghiệp vụ phát sinh cuối kỳ và tiến hành kiểm tra 100% chứng từ của các nghiệp vụ này.

Các kỹ thuật kiểm toán mà KTV thực hiện thường là kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế, tính toán số liệu...và thường có sự khác biệt giữa các công ty. Có thể khái quát về thực trạng việc áp dụng một số kỹ thuật trong kiểm tra chi tiết như sau:

Về kỹ thuật kiểm tra tài liệu:

- Đối với các công ty đã sử dụng phần mềm kiểm toán, điển hình như Deloitte, KPMG..., KTV thường dựa trên số liệu từ các BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin, tài liệu khác để thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản trên cơ sở phần mềm kiểm toán đã khái quát. Trong trường hợp chuyên gia bộ phận IT đã đánh giá rằng hệ thống kế toán và phần mềm kế toán có độ tin cậy cao thì KTV thường thực hiện lại một số nghiệp vụ để kết luận về tính đúng đắn của quá trình hạch toán đối với các phần hành. KTV có thể áp dụng kỹ thuật thử nghiệm lại việc nhập đầu vào một số nghiệp vụ để kiểm tra xem liệu đầu ra có đúng như kết quả đã lưu lại của đơn vị hay không (KTV có thể nhập số liệu thực của đơn vị hoặc số liệu giả định của KTV) nếu KTV thấy việc xử lý thông tin là đúng đắn thì KTV sẽ chấp nhận cơ bản với số

liệu của đơn vị mà không thực hiện kiểm tra chi tiết nghiệp vụ nữa. Trong trường hợp ngược lại, KTV sẽ thực hiện kiểm tra tài liệu để thu thập bằng chứng kiểm toán về những sai sót và gian lận của khách hàng nhằm đảm bảo các cơ sở dẫn liệu của các khoản mục trên BCTC được kiểm toán.

Tuy nhiên, do tính thống nhất trong việc xử lý dữ liệu kế toán của phần mềm kế toán nên KTV thường chỉ kiểm tra bằng cách đối chiếu các chứng từ với sổ kế toán có liên quan, trường hợp cần thiết KTV thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán bổ sung, yêu cầu đơn vị giải trình...

- Đối với các công ty chỉ sử dụng một số phần mềm kiểm toán đơn giản mà không sử dụng phần mềm kiểm toán đối với mọi thủ tục kiểm toán, điển hình như công ty AASC, A&Cn ..., KTV thường sử dụng các phần mềm ứng dụng của máy tính như EXCEL, WORD trong kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư.

- Một số công ty nhỏ, khi thực hiện thủ tục kiểm tra chứng từ, sổ sách, KTV thường ít ứng dụng công nghệ thông tin.

Về kỹ thuật kiểm tra vật chất:

Các công ty thường sử dụng kỹ thuật kiểm tra vật chất (chứng kiến kiểm kê) ở phạm vi rất hạn chế, chỉ thực hiện đối với một bộ phận nhỏ đơn vị khách hàng (khách hàng có qui mô lớn, hợp đồng nhiều năm) vì việc thực hiện kỹ thuật này thường gây tốn kém thời gian và chi phí, hoặc nếu có thực hiện thì việc bố trí nhân lực và thời gian thực hiện cũng rất khó khăn. Việc tham gia kiểm kê với đơn vị khách hàng thường do những KTV mới vào nghề thực hiện nhưng việc sử dụng kết quả kiểm kê trong quá trình kiểm toán có thể lại do KTV khác thực hiện, do vậy có thể dẫn đến KTV không hiểu hết được kết quả kiểm kê, không hình dung hết thực trạng tài sản của đơn vị nên có thể đưa ra kết luận không phù hợp, đặc biệt đối với giá những vật tư, tài sản có giá trị lớn thì KTV không thể biết chắc chắn rằng giá trị được phản ánh trên sổ kế toán liệu có phù hợp thực tế hay không vì KTV không quan sát vật chất thực tế. Trong nhiều trường hợp KTV thường chỉ thu thập các biên bản kiểm kê như: Biên bản kiểm kê quỹ, Biên bản kiểm kê hàng tồn kho, Biên bản kiểm kê tài sản cố định... của đơn vị khách hàng để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán, BCTC để đưa ra các

nhận xét về tính đúng đắn của tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm kết thúc niên độ mà không tham gia chứng kiến kiểm kê cùng đơn vị khách hàng.

Trong nhiều trường hợp không tin cậy vào kết quả kiểm kê của đơn vị khách hàng nhưng KTV thường cũng không thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế mà đưa ra ý kiến ngoại trừ về phạm vi kiểm toán bị giới hạn như: “Chúng tôi không thể tham gia kiểm kê chứng kiến hàng tồn kho vào ngày 31/12/X vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm là kiểm toán ”...

Về kỹ thuật xác nhận:

Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, bản mềm mẫu thư xác nhận đã được thiết kế sẵn và lưu vào file hồ sơ mẫu. Do vậy, KTV có thể soạn thảo thư xác nhận rất nhanh chóng. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và việc thu nhận thư xác nhận từ các bên liên quan thường khó khăn và chậm trễ nên KTV thường ít thực hiện thủ tục này. Thực tế hiện nay chỉ có các công ty kiểm toán lớn thường áp dụng kỹ thuật gửi thư xác nhận. Tuy nhiên, trong trường hợp không nhận được thư xác nhận, việc tổng hợp kết quả có thể chưa đầy đủ và KTV đã phát hành báo cáo kiểm toán trước khi có thể thu thập đầy đủ các thư xác nhận do yêu cầu về thời gian kiểm toán (thường có thể là báo cáo kiểm toán ngoại trừ hoặc KTV phải thực hiện thủ tục kiểm tra tài liệu thay thế). Các công ty kiểm toán nhỏ thường chưa coi trọng việc gửi thư xác nhận do thời gian và giá phí có hạn. Ngoài ra, vẫn còn tồn tại các trường hợp KTV đã lập danh sách gửi thư xác nhận nhưng không lưu bằng chứng về các thư đã gửi và các thư nhận được, hoặc không thực hiện các thủ tục thay thế khi khách nợ không phúc đáp thư xác nhận hoặc có ý kiến khác.

Về kỹ thuật tính toán:

Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV thường ứng dụng rộng rãi kỹ thuật này với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm kiểm toán. Trường hợp công ty chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, KTV thường lập bảng EXCEL để tính toán mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu trên BCTC, ước tính giá trị các chỉ tiêu, kiểm tra lại một số bảng tính toán như Bảng tính

khấu hao TSCĐ, Bảng tính lãi và gốc tiền vay phải trả... , giúp KTV giảm đi đáng kể khối lượng công việc so với cách làm thủ công trước kia.

Tuy nhiên, một số công ty kiểm toán nhỏ hơn thì việc xây dựng phần mềm cũng như trang bị máy tính xách tay cho KTV còn hạn chế, nên vẫn còn trường hợp KTV phải sử dụng máy tính cá nhân nhỏ trong việc thực hiện kỹ thuật tính toán.

(Phụ lục 2.4. Một số ví dụ ứng dụng Excel trong kỹ thuật tính toán ở các công ty kiểm toán độc lập)

Ngoài ra KTV có thể thu thập thêm các bằng khác như: Sử dụng chuyên gia, yêu cầu đơn vị giải trình, sử dụng kết quả kiểm toán nội bộ... trong quá trình thực hiện kiểm tra chi tiết để làm căn cứ cho ý kiến kết luận của mình.

(3) Thực trạng giai đoạn kết thúc kiểm toán:

Trong giai đoạn này, các công ty kiểm toán độc lập thường thực hiện các công việc tổng hợp các vấn đề phát sinh và lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh. Các vấn đề phát sinh chủ yếu liên quan đến các sai phạm trong công tác kế toán mà KTV phát hiện được trong quá trình kiểm toán. Sau khi đã tổng hợp các vấn đề phát sinh và Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh rồi gửi đến khách hàng kiểm toán, KTV có buổi làm việc trao đổi, thảo luận với khách hàng, đặc biệt là các sai phạm phát hiện trong quá trình kiểm toán.

Trước khi lập Báo cáo kiểm toán, KTV rà soát thông tin liên quan đến đơn vị và các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC để xác định các biện pháp xử lý phù hợp. Ngoài ra, KTV còn xem xét, đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.

Tiếp theo, KTV thực hiện lập Dự thảo Báo cáo kiểm toán và thư quản lý. Dự thảo Báo cáo kiểm toán và thư quản lý sau khi đã được soát xét thông qua các khâu, các cấp và tham khảo ý kiến khách hàng thì KTV và công ty kiểm toán sẽ lập Báo cáo kiểm toán chính thức.

Các thủ tục kiểm toán thường được KTV sử dụng trong giai đoạn này là kỹ thuật tổng hợp và phân tích đánh giá sau kiểm toán để đánh giá tính hợp lý của kết quả kiểm toán. Đa số các công ty kiểm toán thường sử dụng kỹ thuật phân tích ngang, phân tích dọc. Có công ty còn thực hiện cả kỹ thuật phân tích

ước tính. Tuy nhiên, có công ty lại không thực hiện phân tích đánh giá tổng quát trong giai đoạn này. Một số công ty không thực hiện các kỹ thuật kiểm tra chi tiết nữa mà chỉ dựa vào kết quả phân tích đánh giá tổng quát cuối cùng để rút ra kết luận. Khi cần thiết, KTV sử dụng thêm một số thủ tục kiểm toán đặc thù cho giai đoạn kết thúc công việc kiểm toán như thảo luận và thu thập bản giải trình của Ban giám đốc và người quản lý, xem xét lại tính hợp lý của các chính sách kế toán mà đơn vị đã áp dụng, xem xét khả năng hoạt động liên tục của đơn vị, xem xét các sự kiện phát sinh...

Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV thường sử dụng máy tính và các phần mềm ứng dụng trong việc tổng hợp kết quả kiểm toán, lập thư quản lý, soạn báo cáo kiểm toán và BCTC sau kiểm toán... Tuy nhiên còn nhiều công ty chưa áp dụng phần mềm kiểm toán nên công việc này thường chỉ thực hiện trên cơ sở ứng dụng Word và Excel...

2.2.2.3. Thực trạng thực hiện kỹ thuật chọn mẫu kiểm toán

Trong cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin như hiện nay, hầu hết các công ty kiểm toán thực hiện chọn mẫu theo chương trình kiểm toán đã được xây dựng sẵn và lựa chọn tùy thuộc từng cuộc kiểm toán. Ngoài việc kiểm toán trên cơ sở mẫu chọn, các công ty kiểm toán còn tập trung vào kiểm toán những nghiệp vụ có số tiền lớn, những nghiệp vụ phát sinh vào đầu và cuối niên độ, những nghiệp vụ mà KTV nghi ngờ hoặc có quá trình kiểm soát yếu kém...

Tại các công ty kiểm toán lớn, đặc biệt là các công ty kiểm toán nước ngoài thì việc chọn mẫu đối với các khoản mục trên BCTC được trợ giúp bởi các phần mềm chọn mẫu như Deloitte với phương pháp CMA hoặc TS, KPMG với phần mềm MUS... Áp dụng các phần mềm chọn mẫu vào thực tế sẽ cho được các mẫu khách quan, và cách làm thống nhất trong một công ty kiểm toán song cũng bị hạn chế trong việc phát hiện các nghiệp vụ bất thường nên những nghiệp vụ có chứa rủi ro có khả năng bị bỏ qua. Tại các công ty chưa áp dụng các phần mềm chọn mẫu thì việc xác định mẫu chọn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của KTV và thời gian kiểm toán cho phép. Điều đó dẫn đến hạn chế tính khách quan trong chọn mẫu, có thể dẫn đến rủi ro cao.

Trên đây đã trình bày khái quát về thực trạng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC nói chung, có liên hệ đến thực trạng qui trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Có thể nói mức độ ứng dụng công nghệ thông tin rất khác nhau giữa các công ty kiểm toán. Có thể minh họa ví dụ khái quát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các bước công việc của cuộc kiểm toán BCTC ở một số công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay qua các bản mô tả khái quát tại phụ lục 2.5 (*Phụ lục 2.5. Mô tả khái quát quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của một số công ty kiểm toán*) và tóm tắt ở phụ lục 2.6. (*Phụ lục 2.6 Tóm tắt quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở 1 số công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay*).

2.3 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.3.1 Những kết quả đạt được

Qua khảo sát thực tế quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam hiện nay có thể thấy những kết quả đã đạt được trên cả góc độ văn bản pháp lý và thực tiễn hoạt động kiểm toán của các công ty, cụ thể:

- Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý hoạt động kiểm toán trong đó có Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nói chung, chuẩn mực kiểm toán trong môi trường tin học nói riêng đã và đang được hoàn thiện, làm cơ sở cho hoạt động kiểm toán độc lập ở Việt Nam phát triển và hội nhập;

- Hầu hết các công ty đã coi trọng việc đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo cấp bậc. Đội ngũ nhân viên của nhiều công ty đã am hiểu về quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của bản thân công ty. Khá nhiều công ty đã hợp tác hoặc trở thành thành viên của hãng kiểm toán quốc tế hoặc có sự trợ giúp của các dự án và các tổ chức quốc tế nên đã có sự phát triển đáng kể về kỹ thuật, quy trình kiểm toán BCTC. Theo đó, các công ty kiểm toán đã xây dựng được các tài

liệu đào tạo sử dụng trong nội bộ công ty như các sổ tay kiểm toán, chương trình kiểm toán mẫu. Đặc biệt năm 2010, Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) đã ban hành chương trình kiểm toán mẫu để hỗ trợ các công ty kiểm toán nói chung, nhất là các công ty vừa và nhỏ, đã tạo điều kiện cho các công ty xây dựng và thực hiện tốt quy trình và phương pháp kiểm toán trong kiểm toán BCTC.

- Đa số các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam hiện nay đã xây dựng và văn bản hoá các bước công việc trong quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán BCTC nói chung, chương trình kiểm toán từng khoản mục nói riêng trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Quy trình kiểm toán đều khá rõ ràng và phù hợp với quy định của chuẩn mực nghề nghiệp hiện hành. Một số công ty kiểm toán đã luôn chú trọng cập nhật để xây dựng quy trình kiểm toán khoa học và chặt chẽ với văn bản hướng dẫn chi tiết, đầy đủ các công việc cần thực hiện khi kiểm toán, ví dụ như KPMG với E- audit, Deloitte với AS2-2010... Một số công ty khác là thành viên của những hãng kiểm toán quốc tế thì thực hiện qui trình kiểm toán theo quy định, yêu cầu của những hãng kiểm toán đó. Còn những công ty kiểm toán vừa và nhỏ cũng đã xây dựng và áp dụng quy trình kiểm toán theo chương trình kiểm toán của công ty mà người lãnh đạo công ty đã từng làm. Mới đây, một số công ty đã triển khai áp dụng theo quy trình kiểm toán mẫu do VACPA thử nghiệm năm 2009 và bổ sung, sửa đổi năm 2010. Cách tiếp cận có sự khác nhau nhưng nhìn chung quy trình kiểm toán của các công ty đều đã được xây dựng trên cơ sở tuân thủ theo quy định trong các chuẩn mực kiểm toán đã được ban hành hoặc được chấp nhận ở Việt nam, trong đó có chuẩn mực kiểm toán trong môi trường tin học. Việc sử dụng chương trình kiểm toán mẫu đòi hỏi các KTV sẽ phải thực hiện theo đúng quy trình bắt buộc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc soát xét hồ sơ kiểm toán của các cấp độ quản lý, góp phần tăng chất lượng kiểm toán; đồng thời cũng giảm bớt những công việc trùng lặp không cần thiết giữa các phần hành kiểm toán, giúp công việc kiểm toán hiệu quả hơn.

- Nhiều công ty kiểm toán độc lập đã chú trọng nghiên cứu các phần mềm kế toán và quản lý của đơn vị khách hàng trong quá trình khảo sát kiểm soát và hỗ trợ khảo sát cơ bản trong kiểm toán BCTC. Các công ty này cũng đã

xây dựng được bộ các bảng câu hỏi mẫu để tìm hiểu về hiệu lực của Hệ thống KSNB của đơn vị trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin hoặc thành lập riêng một bộ phận IT chuyên trách, phục vụ việc khảo sát, đánh giá về hệ thống thông tin, phần mềm kế toán của khách hàng. Qua đó đã khảo sát, đánh giá được một số điểm quan trọng về Hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, trên cơ sở đó đánh giá rủi ro kiểm soát và lựa chọn phạm vi, nội dung áp dụng các thủ tục kiểm toán một cách phù hợp.

- Khá nhiều công ty đã sử dụng các phần mềm kiểm toán ứng dụng để hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện các thủ tục kiểm toán như: Kiểm tra hệ thống; Mô tả cơ cấu hệ thống KSNB; So sánh và phân tích nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu; Tính ra số ước tính của các chỉ tiêu để so sánh với các chỉ tiêu trên BCTC của đơn vị; Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản...

- Các công ty kiểm toán cũng đã ứng dụng các phần mềm kiểm toán để thực hiện thủ tục phân tích soát xét lần cuối tính hợp lý của các khoản mục, thông tin trên BCTC nhằm xác định rõ liệu có phải áp dụng các thủ tục kiểm toán bổ sung hay không, lập các BCTC sau điều chỉnh báo cáo kiểm toán và thư quản lý một cách nhanh chóng và chính xác.

- Đa phần các công ty kiểm toán đã sử dụng cả hai hệ thống phương pháp kiểm toán: Phương pháp kiểm toán tuân thủ và phương pháp kiểm toán cơ bản trong quá trình kiểm toán các khoản mục, thông tin trên BCTC với sự ứng dụng công nghệ thông tin trong từng kỹ thuật kiểm toán, cụ thể:

- + Về phương pháp kiểm toán tuân thủ: Một số công ty kiểm toán có quy mô lớn đã xây dựng và thực hiện các kỹ thuật và thủ tục khảo sát kiểm soát dựa trên cơ sở phần mềm kiểm toán ứng dụng như các phần mềm mô tả hệ thống, vẽ biểu đồ, lưu đồ...

- + Về phương pháp kiểm toán cơ bản: Nhiều công ty kiểm toán đã sử dụng rộng rãi các phần mềm kiểm toán cũng như các phần mềm ứng dụng khác của máy tính như Excel, Word trong kỹ thuật phân tích, kiểm tra tài liệu...

- + Về kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán: Nhiều công ty kiểm toán đã coi trọng việc vận dụng phần mềm chọn mẫu trong quá trình kiểm toán để chọn mẫu có tính khách quan, đại diện cho tổng thể, nên hạn chế được rủi ro, giảm nhẹ

công việc và tăng cường tính thận trọng của các KTV, giúp các KTV tập trung vào những nội dung trọng tâm, giảm thiểu những công việc không cần thiết, tiết kiệm chi phí và thời gian trong quá trình kiểm toán.

2.3.2 Những hạn chế trong quy trình và phương pháp kiểm toán

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định như đã nêu trên, nhưng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong môi trường tin học của các công ty kiểm toán độc lập hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế trên cả góc độ văn bản pháp lý và thực tiễn hoạt động kiểm toán của các công ty, cụ thể:

2.3.2.1. Đối với văn bản pháp quy:

- Hệ thống văn bản pháp lý trong đó có chuẩn mực kiểm toán trong môi trường tin học đã được ban hành nhưng chưa được triển khai hướng dẫn đầy đủ. Hơn nữa, việc có tổ chức kiểm tra hoạt động kiểm toán từ phía các cơ quan quản lý chức năng và Hội nghề nghiệp chưa thực sự được quan tâm nên nhiều công ty kiểm toán do quá chú trọng đến mục tiêu cắt giảm giá phí, tăng lợi nhuận nên đã không chú trọng đến việc xây dựng và áp dụng quy trình và phương pháp kiểm toán riêng đối với các đơn vị khách hàng đã ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý và kế toán mà thường xây dựng và áp dụng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC như nhau đối với mọi đơn vị khách hàng. Thực trạng này có thể dẫn nguy cơ rủi ro phát hiện và rủi ro kiểm toán cao hơn mức có thể chấp nhận được trong trường hợp đơn vị khách hàng có Hệ thống thông tin đa dạng, phức tạp hoặc Hệ thống thông tin, trong đó có phần mềm kế toán của đơn vị không tương thích với yêu cầu của chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan nên xử lý và cung cấp thông tin sai lệch;

- Chưa xây dựng được quy trình kiểm toán mẫu về kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo những nguyên tắc và thủ tục kiểm toán cơ bản trong một cuộc kiểm toán BCTC đối với đơn vị khách hàng xử lý thông tin trên máy tính và sử dụng các phần mềm kế toán, phần mềm quản lý đều được đưa vào một quy trình chuẩn. Do vậy, qui trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin có sự khác nhau khá lớn giữa các công ty và giữa các cuộc kiểm toán trong cùng một công

ty, dẫn đến chất lượng kiểm toán không đồng đều, nhiều trường hợp rủi ro cao, ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng thông tin.

2.3.2.2. Hạn chế trong thực tiễn hoạt động kiểm toán của các công ty:

*** Những hạn chế về phương pháp kiểm toán:**

Qua khảo sát thực tế hoạt động kiểm toán của các công ty cho thấy nhiều công ty chưa khai thác đầy đủ hiệu quả các phương pháp kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể:

+ Đối với phương pháp kiểm toán tuân thủ:

Mức độ áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ trong cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin có sự khác biệt khá lớn giữa các công ty và giữa các cuộc kiểm toán BCTC do cùng một công ty thực hiện và cũng đang tồn tại nhiều bất cập. Có thể chỉ ra một số hạn chế như sau:

Ở những công ty kiểm toán có quy mô lớn thường đã chú trọng đến việc sử dụng các phần mềm kiểm toán, trong đó có thiết kế cả các thử nghiệm tuân thủ. Tuy theo từng cuộc kiểm toán cụ thể mà KTV tự nghiên cứu đánh giá về tính thích hợp và hiệu quả của các phần mềm kế toán nói riêng, phần mềm quản lý nói chung hay công việc này sẽ được thực hiện bởi phòng IT. Tuy nhiên, một số trường hợp, KTV không khảo sát môi trường tin học của đơn vị mà đánh giá mức độ RRKS đối với BCTC là trung bình, từ đó thực hiện thử nghiệm cơ bản ở mức độ vừa phải. Thực trạng này có thể dẫn tới khả năng rủi ro phát hiện và rủi ro kiểm toán cao nếu RRKS cao hơn trung bình, hoặc có thể gây lãng phí thời gian nếu Hệ thống thông tin của đơn vị được thiết kế thích hợp, vận hành có hiệu quả, RRKS thấp.

Một số công ty kiểm toán khác lại áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ ở mức độ rất sơ bộ, thiếu thử nghiệm hệ thống mà thường kết hợp thử nghiệm kiểm soát cùng với thử nghiệm chi tiết nghiệp vụ, không thực quan sát thực tế cũng như chưa chú trọng vào nghiên cứu đánh giá các yếu tố của môi trường tin học.

+ Đối với phương pháp kiểm toán cơ bản:

Mức độ áp dụng phương pháp kiểm toán cơ bản trong cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cũng có sự khác biệt khá

lớn giữa các công ty và giữa các cuộc kiểm toán BCTC do cùng một công ty thực hiện và cũng đang tồn tại nhiều bất cập : Mặc dù nhiều công ty kiểm toán đã sử dụng phần mềm kiểm toán, các chỉ tiêu đã được tự động tính theo những chương trình cài sẵn, song các KTV và công ty kiểm toán rất ít sử dụng kết quả của kỹ thuật phân tích, thường chỉ phân tích ở mức độ đơn giản, đôi khi là phát hiện sự biến động chứ chưa đi sâu phân tích chi tiết, chưa phân tích tính hợp lý... mà KTV thường chỉ chú trọng vào kiểm tra chi tiết. Trong một số trường hợp, KTV chỉ thực hiện kiểm tra đối chiếu giữa các sổ kế toán và chứng từ, ít hoặc không thực hiện các kỹ thuật kiểm tra chi tiết khác gửi thư xác nhận, chứng kiến kiểm kê...

+ *Đối với kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán:* Một số công ty kiểm toán thực hiện kiểm tra chọn mẫu, nhưng khi lựa chọn mẫu kiểm tra có khi không theo phương pháp hay quy tắc nào cả mà thường chọn mẫu theo kinh nghiệm của KTV, thậm chí chỉ do "cảm nhận" chủ quan. Đặc biệt có trường hợp còn cắt giảm quy mô kiểm tra đến mức tối thiểu, cắt giảm các thủ tục kiểm toán để giảm bớt thời gian và chi phí kiểm toán. Kết quả này chắc chắn ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ kiểm toán, rủi ro kiểm toán cao, ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của các đối tượng sử dụng thông tin có liên quan..., từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của toàn bộ nền kinh tế.

**** Những hạn chế về xây dựng quy trình kiểm toán:***

Qua khảo sát thực tế quy trình kiểm toán BCTC của các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay cho thấy: Việc xây dựng quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay đa phần dựa trên cơ sở áp dụng kinh nghiệm của các công ty kiểm toán quốc tế, kinh nghiệm nghề nghiệp của KTV và của mỗi công ty kiểm toán. Do vậy đang tồn tại sự khác biệt khá lớn trong quy trình kiểm toán giữa các công ty, cụ thể:

- Một số công ty kiểm toán lớn đã xây dựng được quy trình kiểm toán khoa học và chặt chẽ trong đó có chú ý đến việc tìm hiểu môi trường máy tính và tìm hiểu cơ cấu kiểm soát máy tính...;

- Một số các công ty kiểm toán có quy mô vừa và nhỏ đã xây dựng được quy trình kiểm toán và bộ chương trình kiểm toán mẫu nhưng chưa chú trọng đến thủ tục kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin;

- Một số công ty kiểm toán vừa và nhỏ chưa xây dựng được quy trình kiểm toán và bộ chương trình kiểm toán mẫu mà thường thực hiện cuộc kiểm toán theo kinh nghiệm, xét đoán của KTV.

Thực trạng đó dẫn đến chất lượng và hiệu quả của cuộc kiểm toán BCTC trong các công ty kiểm toán độc lập hiện đang có sự khác biệt khá lớn, có thể dẫn đến rủi ro cao hoặc không đạt hiệu quả như mong muốn, ảnh hưởng xấu đến lợi ích của người sử dụng thông tin, bản thân đơn vị được kiểm toán và nền kinh tế nói chung.

**** Những hạn chế trong việc thực hiện quy trình kiểm toán:***

Việc thực hiện qui trình kiểm toán cũng có sự khác biệt giữa các cuộc kiểm toán trong cùng một công ty. Có thể ví dụ về một vài hạn chế và bất cập như sau:

+ Ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:

- Đối với những công ty kiểm toán đã xây dựng quy trình kiểm toán và áp dụng phần mềm kiểm toán thì đã chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin trong các công việc của giai đoạn lập kế hoạch. Đồng thời chú ý đến nghiên cứu, đánh giá hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng. Tuy nhiên việc tuân thủ các thủ tục trong quy trình còn ở mức độ khác nhau tùy theo đơn vị khách hàng và tùy theo nhóm KTV. Một số trường hợp đã khảo sát về hệ thống thông tin như một phần khảo sát về Hệ thống KSNB, nhưng số nhiều các trường hợp lại chưa quan tâm đến khảo sát hệ thống thông tin, phần mềm kế toán của đơn vị. Cũng có những công ty đã đánh giá về hệ thống KSNB trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin nhưng mới chỉ đi vào một số khía cạnh dễ nhận biết của môi trường tin học, chưa đi sâu khảo sát các yếu tố quan trọng như: cấu trúc hệ thống, quy trình xử lý, phân chia chức năng... của hệ thống máy tính và phần mềm kế toán này. Do vậy chưa đánh giá đúng về mức độ rủi ro, dẫn đến kế hoạch kiểm toán chue yếu mang tính hình thức.

- Một số công ty kiểm toán chỉ tìm hiểu đơn vị khách hàng qua tiếp xúc với Ban quản lý đơn vị khách hàng, không thực hiện kiểm tra hệ thống kế toán và hệ thống KSNB trong giai đoạn này mà chỉ đánh giá sơ bộ ban đầu dựa trên cảm nhận và kinh nghiệm của KTV, không lập kế hoạch đầy đủ về các phương pháp, thủ tục kiểm toán mà xác định tập trung kiểm tra cơ bản.

+ Ở giai đoạn thực hiện kiểm toán:

- *Đối với khảo sát kiểm soát:* Trong quy trình mẫu của một số công ty đã có nội dung khảo sát hệ thống thông tin, tuy nhiên KTV thường chỉ quan tâm xem xét quá trình xử lý giao dịch và khảo sát quyền sử dụng mà chưa đi sâu vào nội dung khảo sát chương trình phần mềm, khảo sát quá trình kiểm soát phần mềm, khảo sát sự phân tách trách nhiệm trong hệ thống... Trong một số trường hợp còn không thực hiện khảo sát môi trường thông tin của đơn vị.

- *Đối với kỹ thuật phân tích:* Mặc dù nhiều công ty kiểm toán đã sử dụng phần mềm kiểm toán, các chỉ tiêu phân tích được tự động tính theo những chương trình cài đặt sẵn, song các KTV và công ty kiểm toán rất ít sử dụng kết quả của kỹ thuật này, chỉ phân tích ở mức độ đơn giản, đôi khi là hình thức, không phục vụ nhiều cho công tác kiểm toán BCTC. Không ít KTV trong các công ty kiểm toán không thực hiện thủ tục phân tích đánh giá tổng quát hoặc thực hiện không đầy đủ đối với từng khoản mục khi thực hiện kiểm toán BCTC mà thường chú trọng đến các thủ tục kiểm tra chi tiết.

- *Đối với thủ tục kiểm tra chi tiết:* Mức độ triển khai thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết hiện đang có sự khác biệt rất lớn giữa các công ty và giữa các nhóm KTV trong từng công ty về phạm vi kiểm toán và thủ tục áp dụng. Trong các cuộc kiểm toán, KTV thường không thực hiện đầy đủ các bước công việc, các thủ tục kiểm tra như đã xây dựng trong chương trình kiểm toán. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện kỹ thuật kiểm tra chi tiết cũng có sự khác nhau, đôi khi chưa được quan tâm do trình độ tin học của KTV chưa đồng đều. Một số KTV chưa sử dụng các bảng tính Excel trong kiểm tra, tính toán lại các số liệu của đơn vị khách hàng. Một số công ty đã xây dựng phần mềm kiểm toán nhưng khá nhiều trường hợp KTV chưa sử dụng thành thạo phần mềm mô tả hệ thống, đánh giá rủi ro và chọn mẫu. Trong một số cuộc

kiểm toán BCTC cho khách hàng có qui mô nhỏ và vừa thì KTV thường chỉ chọn mẫu kiểm tra chi tiết theo kinh nghiệm, chủ yếu chỉ thực hiện thủ tục kiểm tra chứng từ, sổ sách mà không thực hiện thủ tục quan sát kiểm kê, gửi thư xác nhận...

+ Ở giai đoạn kết thúc kiểm toán:

- Xét về giác độ khách thể kiểm toán, các công việc giai đoạn này không có nhiều khác biệt giữa cuộc kiểm toán đối với đơn vị thực hiện kế toán máy và kế toán thủ công. Tuy nhiên, mức độ rủi ro kiểm soát thường khác nhau giữa đơn vị thực hiện kế toán thủ công và đơn vị thực hiện kế toán máy. Do vậy, để đưa ra kết luận phù hợp, KTV cần chú ý đến việc xem xét việc đánh giá hiệu quả của hệ thống thông tin và RRKS trong quá trình kiểm toán đã phù hợp chưa? Liệu có cần thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung hay dừng lại? Bên cạnh đó, KTV cũng cần xem xét những tồn tại của hệ thống thông tin và máy tính mà khách hàng đang áp dụng để khuyến cáo cho đơn vị khách hàng trong thư quản lý. Tuy nhiên, các công ty thường không chú ý đến việc đánh giá lại hiệu quả của hệ thống thông tin, cũng như chưa chú trọng đưa ra những khuyến cáo củng cố hệ thống thông tin cho đơn vị khách hàng.

- Xét về giác độ hoạt động kiểm toán: Thông thường trong giai đoạn này, KTV chỉ chú trọng lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và soạn thảo báo cáo kiểm toán dựa trên kết quả kiểm tra phát hiện sai phạm mà chưa chú trọng đúng mức đến các thủ tục kiểm toán đặc thù như phân tích, xem xét khả năng hoạt động liên tục, đánh giá lại rủi ro... mặc dù máy tính và phần mềm kiểm toán có khả năng hỗ trợ KTV thực hiện các công việc tổng hợp kết quả kiểm toán, phân tích đánh giá cuối cùng về khả năng hoạt động liên tục, lập báo cáo kiểm toán và BCTC sau điều chỉnh... Tuy nhiên, một số công ty chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, hoặc đã sử dụng phần mềm kiểm toán nhưng chưa sử dụng hết tính năng, tác dụng của máy tính và các phần mềm kiểm toán trong giai đoạn kết thúc kiểm toán.

2.3.3 Nguyên nhân của thực trạng

+ **Thứ nhất:** Nhà nước đã ban hành được các văn bản pháp lý quy định về trách nhiệm của công ty kiểm toán đối với chất lượng dịch vụ kiểm toán nhưng

chưa được triển khai thực hiện đầy đủ. Các quy định về kiểm tra, đánh giá chất lượng kiểm toán và giải quyết các tranh chấp khi xảy ra rủi ro kiểm toán, các biện pháp chế tài đối với các công ty kiểm toán và KTV vi phạm đạo đức nghề nghiệp chưa thực sự đủ sức răn đe đối với các công ty vi phạm. Do vậy, chất lượng dịch vụ kiểm toán của các công ty kiểm toán gần như còn "thả nổi", dẫn đến hiện tượng một số công ty kiểm toán còn chú ý đến lợi ích trước mắt nên chưa chú trọng vào xây dựng và thực hiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin một cách khoa học và hiệu quả.

+ **Thứ hai:** Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cũng đã soạn thảo và ban hành bộ chương trình kiểm toán mẫu nhưng bộ chương trình này được soạn thảo trên giác độ chung nhất, chưa đề cập nhiều đến quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin để các công ty kiểm toán có thể dựa trên đó xây dựng và thực hiện chương trình kiểm toán phù hợp với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

+ **Thứ ba:** Do có sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty kiểm toán, nên một số công ty đã hạ thấp giá phí kiểm toán một cách tùy tiện để có được sự lựa chọn của khách hàng. Điều đó dẫn đến việc cắt xén hoặc bỏ qua việc áp dụng các kỹ thuật và thủ tục kiểm toán cần thiết nhằm giảm bớt thời gian và chi phí kiểm toán để có được lợi nhuận trước mắt.

+ **Thứ tư:** Một số công ty kiểm toán chưa thực sự chú ý đến việc đào tạo KTV dẫn đến chất lượng KTV không đồng đều, vẫn còn nhiều trường hợp KTV chưa hiểu đầy đủ việc vận dụng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Một số công ty đã xây dựng quy trình kiểm toán chuẩn nhưng chưa có được giải pháp đảm bảo triển khai thực đồng bộ đối với mọi cuộc kiểm toán BCTC do lực lượng KTV có kinh nghiệm và trình độ tin học cao còn quá mỏng so với nhu cầu của hoạt động kiểm toán.

+ **Thứ năm:** Việc xây dựng và áp dụng phần mềm kiểm toán thường tốn kém thời gian và chi phí nên nhiều công ty kiểm toán chưa có khả năng thực hiện do hạn chế về nguồn lực.

+ **Thứ sáu:** Mức độ chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện nội dung giảng dạy về quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC nói chung, trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin nói riêng còn khác biệt khá lớn giữa các trường, các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán. Điều đó dẫn đến sự nhận thức và kỹ năng khác nhau đối với sinh viên, cán bộ được đào tạo từ các cơ sở khác nhau, ảnh hưởng đến việc thực hiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC, ngay cả khi họ cùng làm việc trong một công ty kiểm toán. Do vậy, cần thiết phải có quy định về quy trình chuẩn như là "phần cứng" trong chương trình đào tạo KTV tương lai cho các trường và cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho các công ty kiểm toán.

Xuất phát từ thực trạng nói trên, việc hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong môi trường tin học là việc rất cần thiết đối với các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay. Từ đó tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán BCTC nói riêng và hoạt động kiểm toán nói chung.

2.4 KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay đã được rất nhiều các nước trên thế giới triển khai và áp dụng như Anh, Mỹ, Hà Lan, Thụy Điển, Brazil, Ấn Độ... Một trong những nước đi tiên phong trong việc thực hiện kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin là Ấn Độ. Kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở Ấn Độ diễn ra phổ biến từ những năm 80 của thế kỷ trước nhưng những nỗ lực kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin đã có từ những năm 70, khi thời đại tin học hóa bắt đầu. Tuy nhiên, chính thức kể từ năm 1996, khi Cơ quan Tổng kiểm soát và kiểm toán Ấn Độ (CAG) tiến hành xây dựng cẩm nang về kiểm toán CNTT. Từ năm 2001, bộ phận kiểm toán về CNTT đã được nâng lên thành một nhánh chính thức, có phòng, ban riêng trong cơ cấu của CAG. Sau thời điểm đó CAG chính thức đưa ra một chương trình 5 năm về kiểm toán CNTT (2003-2008) và Trung tâm đào tạo Quốc tế về kiểm toán và hệ thống CNTT (ICISA) được coi là cơ sở chính thực hiện việc đào tạo về kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin và có chức năng

điều hành 81 nhân viên phụ trách đào tạo lĩnh vực này ở các cơ sở đào tạo trong hệ thống đào tạo của CAG trên toàn liên bang.

Thời điểm hiện nay CAG có trên 800 cán bộ, kiểm toán viên thuộc lực lượng kiểm toán CNTT, đưa hoạt động kiểm toán lĩnh vực này hoàn toàn hòa nhập vào hoạt động kiểm toán chung của quốc gia. Để thực hiện công việc kiểm toán, bước đầu tiên là đưa ra danh sách tất cả những đối tượng dự định sẽ thực hiện kiểm toán. Đối với mỗi tổ chức, kiểm toán viên sẽ chuẩn bị nội dung, câu hỏi và những công cụ để kiểm tra xem xét hệ thống thông tin nào đang được sử dụng. Sau một số năm hoạt động, phòng CNTT của ICISA đã liệt kê được hơn 3.000 ứng dụng về kế toán được sử dụng trong các tổ chức, đơn vị được kiểm toán trên toàn liên bang. Sau khi lựa chọn đối tượng kiểm toán và đã xác định được chương trình kiểm toán CNTT đang được sử dụng, việc kiểm toán sẽ được bắt đầu. Hoạt động kiểm toán hiện sử dụng những công cụ thông dụng như Microsoft excel, Microsoft Access, đôi khi là Idear (phần mềm kiểm toán) và DBASE (phần mềm về cơ sở dữ liệu) để tác nghiệp. Những công cụ này hỗ trợ cả cho kiểm toán viên trong thực hiện kiểm toán, cũng như hỗ trợ cho việc đào tạo về kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Tất cả các trung tâm đào tạo của CAG đều hỗ trợ cho ICISA trong thực thi nhiệm vụ này, nhờ đó năm 2006 ICISA đã tiến hành đào tạo về kiểm toán CNTT cho hầu hết các văn phòng kiểm toán của liên bang, ít nhất mỗi văn phòng đều có một nhóm được đào tạo. Hiện tại mỗi quan tâm chính trong đào tạo về kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của CAG là hệ thống Oracle, phần mềm được chấp nhận trong Chính phủ; bên cạnh đó là việc kiểm toán về vấn đề an ninh CNTT.

Với sự nỗ lực của ICISA, tài liệu về đào tạo kiểm toán trong môi trường tin học hiện nay đã khá phong phú như: “Kiểm toán CNTT đối với những thông lệ chung”. “Những kế hoạch chiến lược kiểm toán CNTT”, “Hướng dẫn về kiểm toán trong môi trường CNTT”, “Cẩm nang kiểm toán CNTT năm 2006”...

Trong năm vừa qua, CAG đã tiến hành một số cuộc kiểm toán trong môi trường CNTT rất đáng quan tâm. Một trong số đó là kiểm toán hệ thống đặt vé của ngành đường sắt, hệ thống mà tất cả các nhà ga đều phải sử dụng; kiểm toán Bộ CNTT, nơi các phòng, ban đang sử dụng những công nghệ tiên tiến nhất;

kiểm toán hệ thống mua sắm thông qua Internet của Chính phủ tại một số bang...CAG cũng tiến hành kiểm tra những bản ghi về tội phạm của Bộ Công an, kiểm toán hệ thống thông tin của các cục quản lý tiền tệ các bang, hệ thống thanh toán cước điện ở các bang, kiểm toán hệ thống CNTT về quản lý dữ liệu hồ sơ và hệ thống quan hệ với phần mềm quản trị quan hệ khách hàng trong các công ty Nhà nước. Đặc biệt, CAG đã tiến hành kiểm toán chương trình Chính phủ điện tử ở các bang (hệ thống đảm bảo quyền công dân, dịch vụ công) với tên gọi là “cây cầu”, nghĩa là cây cầu giữa nhân dân và Chính phủ bằng CNTT. Tính trong ba năm gần đây, CAG đã thực hiện trên 100 cuộc kiểm toán trong môi trường CNTT. Kết quả đó có sự đóng góp đáng kể về đào tạo kiểm toán trong môi trường CNTT của ICISA.

Chương 3

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM

3.1. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM

3.1.1 Sự cần thiết hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán ...

Tiến bộ mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật trong thời gian qua đã thúc đẩy sự phát triển đối với nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội. Trong hoạt động quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của phần lớn các doanh nghiệp, công nghệ thông tin đã và đang đóng vai trò quan trọng như là một phương tiện hữu ích hỗ trợ và phục vụ đắc lực cho quản lý, điều hành.

Công nghệ thông tin đã làm thay đổi từ nhận thức, tầm nhìn đến việc sử dụng công nghệ thông tin vào các công việc của quá trình quản trị doanh nghiệp. Trong công việc kế toán của doanh nghiệp, các chương trình phần mềm kế toán đem đến một phương thức hạch toán và xử lý phân loại, tổng hợp thông tin tài chính một cách nhanh chóng, chính xác vừa đảm bảo tính kịp thời trong cung cấp thông tin vừa tiết kiệm chi phí cho công tác kế toán. Trong các khâu công việc quản lý khác, như tính toán xác lập các dự toán, xây dựng các kế hoạch công tác, theo dõi quản lý nhân sự,... đều được sự hỗ trợ rất lớn của công nghệ thông tin – các phần mềm quản lý - giúp cho công việc được gọn nhẹ, nhanh chóng, kịp thời và chuẩn xác hơn.

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nói chung và kế toán nói riêng tại các doanh nghiệp, đòi hỏi công tác kiểm toán cũng cần phải được cải tiến, hoàn thiện trong thiết kế các phương thức, thủ tục kiểm toán phù hợp, bao gồm cả việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kiểm toán BCTC cho phù hợp, đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán.

Bản thân công nghệ thông tin cũng trong xu thế ngày càng được cải tiến nâng cấp và hoàn thiện, thúc đẩy sự phát triển của công tác quản lý và cũng lại

đòi hỏi công tác kiểm toán phải hoàn thiện mới có thể đáp ứng yêu cầu kiểm toán trong môi trường công nghệ thông tin phát triển đó.

3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán ...

Hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin là một nhu cầu khách quan; tuy nhiên cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản dưới đây.

- Phải đảm bảo tính phù hợp của công tác kiểm toán BCTC nói chung và các phương thức, thủ tục kiểm toán nói riêng với đặc điểm công tác quản lý và hạch toán tại doanh nghiệp trong môi trường áp dụng công nghệ thông tin.

Công tác quản lý nói chung và kế toán nói riêng trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin sẽ có sự biến động rất nhiều trong yêu cầu và phương thức quản lý, trong phân công nhân sự, trong các quy trình và kỹ thuật xử lý, tổng hợp thông tin tài chính, Tuy nhiên, sự biến động này cũng có thể có sự khác nhau ở từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị được kiểm toán. Đó còn chưa kể đến ảnh hưởng do các đơn vị có thể lựa chọn áp dụng phần mềm quản lý, phần mềm kế toán có thể không giống nhau.

- Phải đảm bảo tính khả thi của các phương pháp, các kỹ thuật, các thủ tục kiểm toán và tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị trong môi trường áp dụng công nghệ thông tin ở các mức độ khác nhau và có tính đến xu hướng phát triển.

Trong điều kiện các đơn vị được kiểm toán đã áp dụng công nghệ thông tin, phương thức quản lý và xử lý, tổng hợp thông tin tài chính cũng biến đổi, đặc biệt với sự trợ giúp của các chương trình phần mềm và hệ thống thiết bị kỹ thuật tiên tiến. Các phương pháp, các kỹ thuật và thủ tục thu thập bằng chứng, tính toán phân tích cũng cần được thay đổi cho thích hợp; hơn nữa, cũng cần thiết kế và áp dụng các phần mềm để truy cập thông tin, kiểm tra dữ liệu, xử lý tính toán, phân tích,... để vừa thích hợp môi trường dữ liệu của kế toán, vừa có thể xử lý được nhiều bước công việc kiểm toán và đảm bảo tính hiệu quả và tính chính xác cao. Việc thiết kế các thủ tục kiểm toán này cũng phải chú ý đến sự phù hợp với mức độ áp dụng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý, phần mềm kế toán mà đơn vị được kiểm toán áp dụng.

- Phải đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả của công tác kiểm toán BCTC.

Trong môi trường áp dụng công nghệ thông tin, quy trình kiểm toán vẫn phải đảm bảo các bước kiểm toán cơ bản; các phương pháp kỹ thuật được thiết kế phải đảm bảo dễ áp dụng và đạt được các mục tiêu kiểm toán cụ thể nhưng phải tiết kiệm được chi phí kiểm toán.

3.1.3 Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin là cần thiết, tuy nhiên phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau đây.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và những quy định chuyên môn có liên quan.

Luật pháp của một quốc gia luôn là nền tảng pháp lý của mọi hoạt động, bởi vậy công tác kiểm toán BCTC cũng phải tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động cũng như trong quá trình phát triển, cải tiến và hoàn thiện. Ngoài ra, các quy định có tính pháp lý khác có liên quan, như quy định về tiêu chuẩn, yêu cầu của kiểm toán viên, về điều kiện hoạt động kiểm toán, về doanh nghiệp kiểm toán,... cũng chi phối trực tiếp hay gián tiếp đến công tác kiểm toán BCTC. Điều đó cũng đòi hỏi việc hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC nói chung và trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin nói riêng cũng cần phải được chú ý tôn trọng và tuân thủ.

- Quán triệt đúng đắn và tôn trọng các chuẩn mực chuyên môn trong hoạt động kiểm toán.

Các chuẩn mực chuyên môn của kiểm toán BCTC là hệ thống các chuẩn mực kiểm toán của quốc tế và của quốc gia. Các chuẩn mực chuyên môn này quy định nội dung và các phương pháp chủ yếu thực hiện công việc kiểm toán và trực tiếp điều chỉnh hoạt động nghề nghiệp của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán. Dù trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, nhưng mục tiêu, quy trình và các phương pháp kiểm toán chủ yếu vẫn không thay đổi. Chỉ những phương thức, những kỹ thuật cụ thể có thể phải thay đổi cho phù hợp mà thôi. Vì vậy, việc hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán

BCTC vẫn phải cần thiết quán triệt và tôn trọng các chuẩn mực chuyên môn.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm toán, tính khả thi của các phương pháp kiểm toán; đảm bảo chất lượng kiểm toán và tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán BCTC.

Hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin vẫn phải đảm bảo nội dung công việc kiểm toán BCTC được đầy đủ, các phương pháp kỹ thuật và thủ tục kiểm toán phải có tính khả thi; đồng thời việc hoàn thiện phải đảm bảo chất lượng kiểm toán cao hơn với chi phí cho kiểm toán hợp lý, hiệu quả công tác kiểm toán cao hơn. Nguyên tắc này đặc biệt đòi hỏi việc thiết kế, vận dụng các kỹ thuật, các thủ tục kiểm toán và phương thức kiểm toán phù hợp với đặc điểm ứng dụng công nghệ thông tin trong từng đơn vị được kiểm toán.

3.2 NHỮNG NỘI DUNG HOÀN THIỆN

3.2.1. Hoàn thiện đối với văn bản pháp quy:

- Bộ tài chính cần kết hợp với Hội kiểm toán viên hành nghề tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về kiểm toán, trong đó có chuẩn mực kiểm toán trong môi trường tin học, đồng thời nên có biện pháp triển khai hướng dẫn đầy đủ. Mặt khác, cần đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm tra chất lượng kiểm toán cả về quy mô các công ty được kiểm tra, cả về nội dung, quy trình và phương pháp kiểm toán, kết hợp giữa việc nêu gương những công ty kiểm toán tuân thủ đầy đủ đúng đắn hệ thống nguyên tắc và chuẩn mực kiểm toán với việc xử lý (tạm dừng hoạt động, thu hồi giấy phép kinh doanh...) đối với những công ty và KTV quá chú trọng đến mục tiêu cắt giảm giá phí, tăng lợi nhuận nên không thực hiện đầy đủ yêu cầu của các quy định pháp lý làm giảm sút chất lượng kiểm toán.

- Hội nghề nghiệp nên nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện quy trình kiểm toán mẫu về kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin sao cho đảm bảo những nguyên tắc và thủ tục kiểm toán cơ bản về kiểm toán BCTC đối với đơn vị khách hàng xử lý thông tin trên máy tính và sử dụng các phần mềm kế toán, phần mềm quản lý đều được đưa vào một quy trình chuẩn nhằm

định hướng và hỗ trợ cho các công ty, đặc biệt là những công ty kiểm toán có quy mô vừa và nhỏ trong việc xây dựng quy trình kiểm toán, đảm bảo giảm thiểu rủi ro kiểm toán, đảm bảo quyền lợi của người sử dụng thông tin.

3.2.2. Hoàn thiện phương pháp kiểm toán

3.2.2.1 Hoàn thiện phương pháp kiểm toán tuân thủ đối với kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Phương pháp kiểm toán tuân thủ được sử dụng để thu thập bằng chứng về tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán và hệ thống KSNB. Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV cần thu thập những thông tin để đánh giá tính thích hợp và hiệu quả của môi trường và hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng. Tùy theo mức độ phức tạp hay đơn giản của hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng, tùy theo mức độ tin học hoá trong quản lý và kế toán và tùy thuộc vào trình độ năng lực của nhóm KTV thực hiện cuộc kiểm toán BCTC mà có thể áp dụng một trong các cách:

+ *Thứ nhất:* KTV dựa vào kết quả đánh giá của bộ phận IT trong công ty : Trong trường hợp hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng được tổ chức phức tạp với hệ thống máy tính hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các mảng hoạt động quản lý và kiểm soát của đơn vị, mức độ tin học hoá trong quản lý và kế toán cao (hệ thống ERP), nhóm KTV thực hiện cuộc kiểm toán BCTC không đủ khả năng đánh giá môi trường và hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng, KTV cần dựa vào kết quả đánh giá của bộ phận IT trong công ty. Trường hợp này, nhân viên của bộ phận IT thực hiện kiểm tra hệ thống máy tính và các phần mềm xử lý thông tin, đặc biệt phần mềm kế toán của đơn vị khách hàng. Cần lưu ý rằng, KTV không nên chỉ dựa vào kết quả đánh giá của bộ phận IT trong công ty mà cần tự tìm hiểu thêm về môi trường kiểm soát, các quy chế và thủ tục kiểm soát để có đủ bằng chứng thích hợp để đưa ra kết luận phù hợp về RRKS.

+ *Thứ hai:* KTV tự nghiên cứu, đánh giá về tính thích hợp và hiệu quả của môi trường và hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng. Trong trường hợp này, KTV sử dụng kết hợp các kỹ thuật kiểm toán như:

- Kiểm tra tài liệu về thiết kế KSNB nói chung, đặc biệt nghiên cứu kỹ qui định về quản lý và sử dụng máy tính của đơn vị. Cần lưu ý đến những thủ tục kiểm soát chung là yếu tố quan trọng trước hết đảm bảo độ tin cậy của thông tin do máy tính cung cấp.

- Sử dụng bảng câu hỏi để phỏng vấn: Khi thiết kế Bảng câu hỏi, KTV cần chú ý đến một số khía cạnh như cấu trúc hoạt động của máy tính, mức độ tập trung hay phân tán của thông tin, khả năng sẵn có của dữ liệu, quy trình xử lý thống nhất các giao dịch...KTV cần bổ sung, chỉnh sửa những bảng câu hỏi để đảm bảo thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết về thiết kế và vận hành của các quy chế và thủ tục KSNB quan trọng trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo nhận biết được sự có mặt hay thiếu vắng của các hoạt động kiểm soát chủ yếu đối với hệ thống thông tin, hệ thống máy tính và nhân sự vận hành máy vi tính của đơn vị.

- Thực hiện kỹ thuật quan sát, yêu cầu làm lại: Bên cạnh việc kiểm tra, xem xét về việc tồn tại các tài liệu qui định về thủ tục KSNB nói trên, KTV cần kiểm tra xem liệu chúng có được tuân thủ đúng trong thực tế hay không bằng cách thông qua một “kiểm tra thử” để thu thập và xác minh về sự tồn tại của các bước kiểm soát đã được thiết kế. Trong trường hợp đơn vị sử dụng máy tính, phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác trong đơn vị, các thủ tục kiểm soát chủ yếu mà các kiểm toán viên phải đánh giá tính hợp lý, đúng đắn của các qui định về quản lý đối với tất cả các đầu vào chính, bao gồm cả thay đổi dữ liệu là tồn tại và được phê chuẩn, được cho phép và đã được thông báo cho toàn hệ thống.

Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV có thể dựa vào máy tính và phần mềm kiểm toán để tập trung kiểm tra về hoạt động kiểm soát chung và kiểm soát cụ thể của đơn vị được thực hiện qua hệ thống máy tính. Thông thường, KTV có thể áp dụng “phép thử” hệ thống, bao gồm việc kiểm tra thử nghiệm có thể thực hiện trên dữ liệu đầu vào của đơn vị khách hàng (dữ liệu thực) hoặc dữ liệu giả định của KTV.

Tìm hiểu hệ thống kế toán và hệ thống KSNB là một quá trình tích lũy và dựa trên những thông tin thu nhận được trong năm hiện tại và những năm trước đó. Do vậy, khi đánh giá về tính hiệu lực của hệ thống này, KTV cần phải xem xét tới các bằng chứng kiểm toán thu thập được cả năm nay và những năm trước đó (nếu có).

Sau khi thu thập được các bằng chứng về tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống KSNB trong đơn vị, KTV phải đánh giá các bằng chứng này và so sánh với những đánh giá ban đầu của KTV về hệ thống KSNB. Dựa trên kết quả đó, KTV đưa ra cách thức xử lý cho phù hợp.

KTV có thể thu thập bằng chứng về tính hiện hữu và hiệu quả của các thủ tục kiểm soát kết hợp với quá trình thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư, thường gọi là “thử nghiệm kép”. Nếu thông qua kiểm tra chi tiết nghiệp vụ, số dư tài khoản, KTV nhận thấy những hạn chế của hệ thống KSNB đã không làm nảy sinh những sai sót trọng yếu và vì thế, KTV có thể vẫn có kết luận thống nhất với đánh giá RRKS ban đầu thì KTV vẫn giữ nguyên mức độ kiểm tra cơ bản như dự kiến ban đầu. Trong trường hợp ngược lại, KTV phải thay đổi đánh giá lại về hiệu lực của hệ thống KSNB và đánh giá lại tính chất, thời điểm và quy mô của những thủ tục kiểm toán cơ bản đối với những mục tiêu kiểm toán bị ảnh hưởng.

3.2.1.2 Hoàn thiện phương pháp kiểm toán cơ bản

KTV sử dụng phương pháp cơ bản trong mọi cuộc kiểm toán BCTC, tuy nhiên có sự khác biệt giữa cuộc kiểm toán trong môi trường thủ công và cuộc kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Cụ thể: Trường hợp đơn vị khách hàng thực hiện kế toán máy với các phần mềm kế toán thì KTV cần nghiên cứu xem liệu phần mềm kế toán mà đơn vị được kiểm toán đang sử dụng có thích hợp cho việc xử lý các giao dịch, nghiệp vụ của đơn vị hay không và tiếp cận các ghi chép kế toán của đơn vị thông qua việc sao chép dữ liệu bằng các phương pháp thích hợp. Trên cơ sở nguồn dữ liệu này, thông qua việc sử dụng các phần mềm kiểm toán, các KTV có thể tiến hành các kỹ thuật phân tích đánh giá tổng quát và kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư của phương pháp kiểm toán cơ bản. Theo đó, các kỹ thuật cụ thể như: kỹ thuật phân tích, quan sát, kiểm tra, đối chiếu... cần phải hoàn thiện cho phù hợp. Mặt khác, KTV và công ty kiểm toán cũng cần sử dụng các phần mềm kiểm toán tương thích để nâng cao chất lượng và hiệu quả của cuộc kiểm toán. Nội dung hoàn thiện các kỹ thuật kiểm toán cơ bản như sau:

****Hoàn thiện kỹ thuật phân tích***

Những năm gần đây, kỹ thuật phân tích không chỉ trở nên mạnh mẽ hơn mà còn được KTV sử dụng rộng rãi hơn. Việc sử dụng sự trợ giúp của công cụ máy tính và kỹ thuật kiểm toán mới đã trở thành chuẩn mực trong thực tế hoạt động kiểm toán BCTC của các công ty kiểm toán độc lập. Phần mềm kiểm toán cho phép KTV thu thập nhanh chóng và đầy đủ thông tin của đơn vị để có một cái nhìn lướt về hoạt động của doanh nghiệp và định hướng đến những khu vực cần quan tâm. Chương trình kiểm toán cũng có thể được mở rộng để thực hiện 100% các giao dịch và tính toán lại các chỉ số và các số liệu quan trọng

KTV cần ứng dụng rộng rãi thủ tục phân tích trong cả 3 giai đoạn của cuộc kiểm toán BCTC, với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm kiểm toán, cụ thể:

+ *Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:* KTV nên tiến hành các bước thu thập thông tin, so sánh và phân tích xu hướng biến động của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh bằng cách so sánh số liệu năm kiểm toán hiện tại với số liệu năm trước, các năm trước, so sánh số liệu giữa các tháng, quý trong năm và các năm trước... Sự phân tích này sẽ hợp lý hơn đối với các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh do số liệu trên báo cáo này là số liệu lũy kế các nghiệp vụ phát sinh trong năm. Từ những số liệu phân tích đó, KTV sẽ có những hiểu biết sơ bộ ban đầu về sự biến động của các chỉ tiêu trên BCTC. Việc phân tích sự biến động của các chỉ tiêu qua từng quý, từng tháng trong năm giúp KTV xác định được thời điểm nào có khả năng xảy ra rủi ro và sai sót trọng yếu đối với từng khoản mục để xác định thời gian, phạm vi và các thủ tục kiểm toán cần thiết áp dụng trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.

KTV nên kết hợp giữa phân tích xu hướng (so sánh ngang từng chỉ tiêu giữa các kỳ) và phân tích các tỷ suất tài chính. Điều này sẽ giúp cho các KTV thấy rõ nét hơn tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của đơn vị khách hàng có sự biến động hay biểu hiện bất thường hay không, xem xét khả năng sai sót tiềm tàng có thể xảy ra đối với các bộ phận khoản mục thông tin cần tập trung kiểm tra, từ đó xây dựng một kế hoạch kiểm toán phù hợp và hiệu quả cho cuộc kiểm toán, hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.

+ *Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán:* KTV cần thu thập thêm thông tin liên quan đến từng mặt hoạt động kinh doanh, từng loại nghiệp vụ và số dư tài khoản của khách hàng. Khi thu thập những thông tin liên quan đến từng khoản mục trên BCTC, KTV cần tiến hành đánh giá độ tin cậy của các dữ liệu, thông tin được cung cấp. Nếu có thể tin cậy, KTV dựa vào đó để tính ra số liệu ước tính phù hợp với các khoản mục, thông tin và so sánh với số liệu của đơn vị để thấy rõ hơn sự hợp lý hay khả năng sai phạm đối với từng chỉ tiêu.

Kết quả của kỹ thuật phân tích cùng với việc nghiên cứu, đánh giá hệ thống KSNB là căn cứ để KTV xác định rõ những nội dung, khối lượng công việc cần đi sâu kiểm toán. Bằng chứng thu được thông qua kỹ thuật phân tích có thể cho phép KTV định hướng kiểm toán hoặc có thể đưa ra kết luận về tính hợp lý của của những bộ phận thông tin không trọng yếu, rủi ro thấp trên BCTC của đơn vị. Đôi khi, kỹ thuật phân tích giúp KTV phát hiện được sai phạm mà có thể sai phạm đó không phát hiện được trong quá trình kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản.

Khi sử dụng kỹ thuật phân tích, KTV nên kết hợp giữa phân tích so sánh về số liệu với việc sử dụng các dạng đồ thị, biểu đồ để có sự đánh giá nhanh và toàn diện về xu hướng biến đổi của đối tượng phân tích chung, đồng thời nắm được xu hướng biến đổi riêng của từng đối tượng chia nhỏ, giúp KTV đưa ra các kết luận và dự đoán chính xác hơn cho đối tượng phân tích, đồng thời giúp người soát xét hồ sơ kiểm toán theo dõi và nắm bắt thông tin nhanh chóng, dễ dàng hơn. *(Phụ lục 3.1. Ví dụ về sử dụng Excel để vẽ biểu đồ trong phân tích tổng quát)*

Ngoài ra để thuận tiện cho KTV trong quá trình sử dụng và từng bước chuẩn hoá công việc kiểm toán, các công ty kiểm toán độc lập nên xây dựng và đưa vào chương trình kiểm toán các chỉ tiêu phân tích chủ yếu tương ứng với mỗi ngành nghề kinh doanh cụ thể.

+ *Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán:* KTV sử dụng kỹ thuật phân tích để kiểm tra lại lần cuối tính hợp lý của từng chỉ tiêu và toàn bộ BCTC. Trong giai đoạn này KTV thường lập bảng tổng hợp hay Bảng phân tích sau kiểm toán để

xem xét lại kết quả kiểm toán quá từng bộ phận thông tin và toàn cảnh thông tin trên BCTC đã phù hợp chưa để hỗ trợ cho việc đưa ra ý kiến kết luận.

Kỹ thuật phân tích trong giai đoạn này còn giúp KTV xem xét đánh giá khả năng hoạt động liên tục của đơn vị dựa trên BCTC đã điều chỉnh.

****Hoàn thiện kỹ thuật kiểm tra chi tiết***

Trong cuộc kiểm toán BCTC, KTV có thể chọn cách tiếp cận dựa vào hệ thống KSNB hay tập trung kiểm tra chi tiết. Tùy theo cách tiếp cận mà kỹ thuật kiểm tra chi tiết có thể được thực hiện ở mức độ khác nhau cả về phạm vi và thủ tục kiểm toán. Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV có thể lựa chọn cách tiếp cận cụ thể như sau:

1. *Cách tiếp cận dựa vào hệ thống dựa vào hệ thống máy tính:* Qua khảo sát hệ thống KSNB, trong đó có hệ thống máy tính và phần mềm ứng dụng, KTV tin cậy vào hệ thống KSNB và đã thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để kết luận rằng quá trình xử lý mọi dữ kiện và nghiệp vụ đều đúng đắn và chính xác, KTV có thể quyết định dựa vào hệ thống KSNB đối với những nghiệp vụ thường xuyên (với sự trợ giúp của chuyên gia máy tính ở phòng IT). Nếu sau khi nhân viên phòng IT đã làm nhiệm vụ khảo sát và đánh giá về môi trường hệ thống thông tin và phần mềm kế toán của đơn vị khách hàng và đánh giá rằng hệ thống này hiệu quả, phù hợp, an toàn thì KTV có thể tin vào tính khách quan cũng như hiệu quả của hệ thống phần mềm để giảm bớt công việc kiểm tra chi tiết đối với các nghiệp vụ mà được coi là thực hiện đúng đắn một cách tự động bởi phần mềm kế toán. KTV sẽ yêu cầu thực hiện lại một số nghiệp vụ khác nhau theo chương trình máy tính của đơn vị khách hàng trên thiết bị xử lý dữ liệu điện tử (EDP) của khách hàng dưới sự kiểm soát của chính KTV bao gồm các nghiệp vụ có đủ căn cứ hợp lý và cả nghiệp vụ thiếu dữ liệu cơ sở nhằm để xác định lại xem liệu các chương trình máy tính của khách hàng có nhận biết được dữ liệu giả hay thật, đầy đủ thông tin hay còn sai sót để xử lý một cách đúng đắn với các loại dữ kiện khác nhau hay không (có khả năng xử lý chính xác đối với dữ liệu thực và loại bỏ dữ liệu giả hay không?). Đồng thời, KTV cũng thực hiện kiểm tra chi tiết chọn mẫu thêm một số nghiệp vụ để kiểm

tra các cơ sở dẫn liệu của một số nghiệp vụ với sự trợ giúp của máy tính của KTV.

2. *Cách tiếp cận kiểm tra tập trung (phương pháp không dựa vào hệ thống máy tính của đơn vị):* Qua khảo sát hệ thống KSNB, trong đó có hệ thống máy tính và phần mềm ứng dụng, KTV không tin cậy vào hệ thống KSNB. Trường hợp này, KTV cần tăng cường kiểm tra chi tiết nghiệp vụ chủ yếu trên máy tính của KTV và phần mềm kiểm toán. Trên cơ sở số liệu khách hàng cung cấp (bản mềm), KTV thực hiện chương trình máy tính của mình để kiểm tra dữ liệu ghi trên sổ của khách hàng theo ngôn ngữ máy tính. Hồ sơ gốc của khách hàng được xử lý trên máy tính của KTV hoặc của khách hàng, với chương trình máy tính của KTV. Sau khi tính toán, tổng hợp được số liệu bằng cách tính riêng của mình (ví dụ tính lại các khoản khấu hao, lãi vay, quỹ tiền lương...trên cơ sở phần mềm kiểm toán hoặc Excel), KTV có thể so sánh số tổng cộng mà KTV tính theo chương trình máy tính của mình với số tổng cộng trên sổ cái tổng hợp của khách hàng. Theo phương pháp kiểm tra không dựa trên chương trình máy tính, KTV thực hiện kiểm tra tính chính xác giữa đầu vào và đầu ra của hệ thống máy tính của đơn vị khách hàng đối với từng loại nghiệp vụ, số dư tài khoản. KTV có thể thực hiện nhiều hình thức kiểm tra khác nhau và các chức năng khác với một chương trình máy tính của doanh nghiệp nếu các dữ kiện của khách hàng được trình bày theo ngôn ngữ máy tính. Chẳng hạn như:

- Kiểm tra tính chính xác của các phép tính: Chương trình máy tính của KTV có thể được dùng để kiểm tra tính chính xác trong các quá trình tính toán của khách hàng bằng cách tính các thông tin một cách riêng rẽ. Ví dụ như tính lại chiết khấu thanh toán được hưởng, tính lại bảng phân bổ nguyên vật liệu, tiền lương, cộng số dư chi tiết và tổng hợp trên bảng cân đối thử các khoản phải thu của khách hàng, phải trả cho người bán...

- Kiểm tra chất lượng, tính đầy đủ, nhất quán và chính xác của sổ sách: khi kiểm toán một hệ thống thủ công, KTV kiểm tra lại đều đặn tính đúng đắn và nhất quán của sổ sách kế toán bằng cách quan sát. Nhưng khi kiểm toán sổ sách kế toán đã đưa vào máy tính, KTV cần kiểm tra nội dung này bằng một chương trình máy tính đọc lướt sổ sách kế toán để xem tính đúng đắn, nhất quán theo từng loại nghiệp vụ theo qui định, chuẩn mực cụ thể với việc sử dụng

một cách thông minh ứng dụng Excel của máy tính KTV sẽ thực hiện lọc số liệu (Filter) một cách nhanh chóng. Chương trình này giúp KTV phát hiện được ngoại lệ (đối tượng bất thường) để tập trung kiểm tra.

- So sánh dữ liệu trên các hồ sơ khác nhau để xem xét tính hợp lý, đúng đắn: Bảng chương trình máy tính phù hợp, KTV tiến hành so sánh số liệu, thông tin có tính so sánh được giữa các hồ sơ khác nhau (ví dụ so sánh số lượng sản phẩm tiêu thụ dùng xác định doanh thu với số lượng sản phẩm đó đã tiêu thụ được ghi chép ở bộ phận bán hàng, so sánh giữa tiền lương nạp vào tài khoản của từng cán bộ công nhân viên với số liệu tương ứng trên bảng thanh toán lương...). Qua chương trình máy tính này, KTV dễ dàng xác định liệu thông tin có nhất quán với nhau hay không, qua đó nhanh chóng phát hiện sai phạm để tập trung kiểm tra hoặc yêu cầu đơn vị giải trình.

- So sánh các dữ liệu thu thập được thông qua thể thức kiểm toán khác với các sổ sách của công ty: KTV có thể thu thập bằng chứng kiểm toán đã thu thập bằng hệ thống thủ công, sau đó chuyển qua ngôn ngữ máy (dữ kiện nhập) để xử lý theo chương trình máy tính của KTV, rồi so sánh với kết quả đã xử lý trên máy của khách hàng để phát hiện sai lệch nếu có.

- Chọn lựa mẫu kiểm toán: Máy tính có thể được lập trình để chọn lựa mẫu từ bất kỳ dữ liệu theo ngôn ngữ máy bằng nhiều cách khác nhau, kể cả chọn lựa ngẫu nhiên. Cũng có khả năng sử dụng nhiều tiêu thức khác nhau để chọn mẫu, ví dụ chọn mẫu kết hợp xét đoán và ngẫu nhiên (chẳng hạn mẫu chọn bao gồm 100% các phần tử có giá trị tiền lớn hơn một mức nào đó và chọn ngẫu nhiên đối với các khoản còn lại).

Sử dụng phần mềm kiểm toán trong thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản

Khi thực hiện cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV có thể thiết kế các chương trình đặc thù để thực hiện các thủ tục kiểm toán hoặc để kiểm tra lại chương trình hiện có của khách hàng. Việc thiết kế chương trình đặc thù có thể thực hiện được nếu như trình độ chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của KTV đủ để thực hiện mục đích đó. Tuy nhiên, công việc thiết kế chương trình đặc thù đó có thể không

thực hiện được trong trường hợp do trình độ năng lực của KTV không đồng đều nên trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của KTV còn hạn chế, hoặc sẽ gây tốn kém thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của cuộc kiểm toán. Do vậy, để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán BCTC, KTV và công ty kiểm toán nên sử dụng phần mềm kiểm toán đã khái quát (GAS). Phần mềm kiểm toán đã khái quát có thể được triển khai xây dựng bởi một công ty kiểm toán hoặc bởi tổ chức khác (do công ty kiểm toán thuê thiết kế hoặc đặt mua). Phần mềm kiểm toán đã khái quát có thể sử dụng ở nhiều cuộc kiểm toán khác nhau cho hầu hết các loại ứng dụng. Phần mềm này bao gồm một chuỗi các chương trình kiểm toán bằng máy tính, thực hiện các chức năng xử lý dữ kiện khác nhau. Những chương trình này, phần lớn được thiết kế thành những quá trình điều khiển dữ kiện. Các chương trình kiểm toán đã khái quát có tác dụng làm tăng rất nhiều công dụng tiềm tàng của máy tính trong quá trình thực hiện thử nghiệm tuân thủ và thử nghiệm cơ bản, trong đó phải kể đến 2 điểm quan trọng của chương trình kiểm toán đã khái quát, đó là:

- Thứ nhất, chúng được xây dựng và phát triển theo cách mà hầu hết nhân viên kiểm toán đều có thể sử dụng một cách nhanh chóng và thuận lợi sau khi đã được hướng dẫn sử dụng, cho dù họ có thể có rất ít kiến thức về công nghệ thông tin (EDP).

- Thứ hai, thông thường với các chương trình kiểm toán đã khái quát, công ty chỉ tốn kém chi phí thiết kế ban đầu. Sau đó, mỗi một chương trình đơn có thể được áp dụng cho một phạm vi rộng các đối tượng kiểm toán mà không phải chịu thêm chi phí.

Có thể khái quát các bước thiết kế và sử dụng phần mềm kiểm toán đã khái quát như sau:

- 1. Xây dựng mục tiêu:** Xác định rõ mục đích của cuộc khảo sát một cách tỉ mỉ để có thể đạt được các kết quả mong muốn. Mục đích có thể là khảo sát hệ thống KSNB hay khảo sát cơ bản (như phân tích, chọn mẫu ngẫu nhiên, tính lại doanh thu...) hoặc các mục tiêu khác.

- 2. Thiết kế quá trình ứng dụng:** Trên cơ sở nhận diện và mô tả các hồ sơ dữ liệu của khách hàng và các thông tin muốn kiểm tra để thiết kế thể thức và

nội dung cụ thể cho các phần mềm kiểm toán đã khái quát của KTV, phát triển một phương pháp logic với việc sử dụng ngôn ngữ lập trình đơn giản để trích và vận dụng các dữ liệu thu được từ sổ sách của khách hàng.

3. Viết mã: các kết quả của quá trình thiết kế ứng dụng sau đó được viết bằng mã trên các tài liệu theo ngôn ngữ phần mềm kiểm toán khái quát dạng đơn giản để thỏa mãn những mục tiêu kiểm toán đặc thù.

4. Khóa nhập: các tài liệu đã mã hóa là những khóa nhập, được kiểm tra bởi người lập trình, và được đưa vào máy tính cùng với phần mềm kiểm toán khái quát và các hồ sơ dữ kiện của khách hàng.

5. Xử lý: Sau khi được nạp dữ kiện đầu vào, máy tính đọc hồ sơ dữ kiện và trích các thông tin thích hợp trong hồ sơ dữ kiện của khách hàng. Với các chức năng quy định, máy tính sẽ hoàn thành quá trình xử lý các hồ sơ dữ kiện của khách hàng và đưa ra các báo cáo theo mục đích kiểm toán đã định. Phần mềm kiểm toán và máy tính có thể hỗ trợ cho KTV không chỉ trong việc thực hiện các thủ tục kiểm tra cơ bản như: kiểm tra tính đầy đủ hay bỏ sót, ghi trùng của mỗi loại nghiệp vụ, phân tích chi tiết, tính toán lại (tính lại trị giá vật tư, hàng hoá; giá thành sản phẩm; giá vốn hàng bán; doanh thu bán hàng; lợi nhuận, quy đổi ngoại tệ ...); chọn mẫu khách hàng để gửi thư xác nhận và in mẫu thư xác nhận và xử lý kết quả thư xác nhận đã được phúc đáp; lọc những hoá đơn bán hàng trước và sau ngày khoá sổ để kiểm tra tính đúng kỳ... mà còn hỗ trợ KTV trong quá trình thực hiện các thủ tục kiểm soát như việc vẽ sơ đồ, lưu đồ mô tả hệ thống KSNB, thực hiện lại một thủ tục nào đó trên hệ thống máy tính và phần mềm kế toán của khách hàng. Với tốc độ xử lý thông tin của máy tính cao hơn nhiều nhiều lần so với tính toán thủ công, đặc biệt trong trường hợp đã thiết kế, cài đặt trong các phần mềm kiểm toán đã khái quát, công việc kiểm toán BCTC đã được thực hiện nhanh chóng và chính xác, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công việc kiểm toán. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các công ty kiểm toán độc lập như hiện nay, KTV và công ty kiểm toán cần nghiên cứu để phát triển khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán nói chung, trong kiểm toán BCTC nói riêng để có thể ổn định và phát triển bền vững.

3.2.3. Hoàn thiện quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

3.2.3.1 Hoàn thiện việc xây dựng quy trình kiểm toán

Trước hết, các công ty cần nghiên cứu để xây dựng cho mình một quy trình kiểm toán phù hợp, thỏa mãn yêu cầu của các chuẩn mực đã ban hành (trong đó có chuẩn mực thực hiện kiểm toán trong môi trường tin học) và các thông lệ kiểm toán được chấp nhận chung. Tuy nhiên, mức độ hoàn thiện ở các công ty có thể có sự khác biệt, cụ thể:

+ Đối với các công ty kiểm toán là thành viên của các hãng kiểm toán lớn trên thế giới như PWC, KPMG, Deloitte, Nexia ACPA...: Các công ty này đã xây dựng và áp dụng quy trình kiểm toán thống nhất, hiện đại, trong đó đã chú ý đến thủ tục kiểm toán tìm hiểu môi trường máy tính và tìm hiểu cơ cấu kiểm soát máy tính. Quy trình kiểm toán BCTC của các công ty này được xây dựng trong điều kiện sử dụng các phần mềm kiểm toán và luôn được nghiên cứu phát triển thêm nhiều "gói" mới phù hợp với các loại hình đơn vị khách hàng. Tuy nhiên, do trình độ tin học của KTV trong các công ty này đôi khi còn hạn chế nên việc phát triển các phần mềm kiểm toán thường phải kết hợp với sử dụng chuyên gia tin học, thậm chí hoàn toàn phụ thuộc vào các chuyên gia này, trong khi các chuyên gia này lại hạn chế về kiến thức và kỹ năng chuyên môn về kế toán, kiểm toán. Điều đó đòi hỏi các công ty này cần có biện pháp đào tạo nâng cao trình độ tin học của KTV, mặt khác cũng cần yêu cầu các chuyên gia tin học nghiên cứu sâu hơn về kế toán và kiểm toán để bổ sung và hoàn thiện phần mềm kiểm toán theo hướng tiện dụng và khả thi hơn cả về phương diện kỹ thuật và chuyên môn. Hơn nữa, các công ty cũng cần chú trọng đến việc bảo trì, nâng cấp hệ thống máy tính và phần mềm kiểm toán khi mà các biến đổi trong môi trường sử dụng đã khiến cho hệ thống có thể trở nên lỗi thời cần sửa đổi, hoặc cần nâng cấp để sử dụng có hiệu quả hơn. Hoạt động bảo trì hệ thống có thể ở mức độ khác nhau tùy theo mức độ sửa đổi và nâng cấp cần thiết cũng như khả năng tài chính và qui mô hoạt động của công ty, mức độ hiểu biết của KTV hoặc chuyên gia tin học về quy trình, thủ tục kiểm toán. Ngoài ra, phần mềm kế toán cần được nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện để phù hợp với các phần mềm kế toán chủ yếu được đa số khách hàng sử dụng và việc phát triển phần mềm

kiểm toán cũng cần phù hợp với qui mô, loại hình hoạt động và hệ thống thông tin của đơn vị được kiểm toán.

+ Đối với những công ty kiểm toán Việt Nam đã xây dựng được quy trình kiểm toán và bộ chương trình kiểm toán mẫu nhưng chưa được áp dụng phần mềm kiểm toán: Nếu trong chương trình kiểm toán chưa chú trọng đúng mức đến việc thiết kế các thủ tục kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin thì cần bổ sung và hoàn thiện quy trình và chương trình kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước xây dựng và áp dụng phần mềm kiểm toán. Do chi phí ban đầu cho việc nghiên cứu phát triển phần mềm kiểm toán khá cao nên công ty cần xây dựng một lộ trình áp dụng phần mềm kiểm toán cho phù hợp trong trường hợp chưa đủ nguồn kinh phí, số lượng hợp đồng và khách hàng không nhiều. Trong giai đoạn đầu có thể triển khai ứng dụng rộng rãi phần mềm hỗ trợ EXCEL trong quá trình thực hiện thủ tục phân tích, kiểm tra cơ sở tính toán...Đồng thời trong chương trình kiểm toán cần thiết kế thủ tục tìm hiểu môi trường máy tính và tìm hiểu cơ cấu kiểm soát máy tính của đơn vị khách hàng nhằm đánh giá đúng đắn về RRKS, làm cơ sở để lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán một cách hợp lý, giảm thiểu rủi ro kiểm toán. Theo đó, KTV và công ty kiểm toán cần thiết kế bảng câu hỏi về KSNB nói chung, trong đó có những câu hỏi liên quan đến tính thích hợp và hiệu quả của môi trường máy tính và tìm hiểu cơ cấu kiểm soát máy tính của đơn vị khách hàng (*Phụ lục 3.1. bảng câu hỏi về KSNB để khảo sát đối với đơn vị khách hàng ứng dụng công nghệ thông tin*)

+ Đối với các công ty kiểm toán chưa xây dựng quy trình kiểm toán đầy đủ (thường là các công ty có quy mô nhỏ): Cần nghiên cứu xây dựng quy trình kiểm toán và bộ chương trình kiểm toán mẫu đầy đủ trên cơ sở tham khảo quy trình kiểm toán mẫu do VACPA vừa ban hành, trong đó lưu ý đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán cũng như việc đánh giá môi trường hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng.

3.2.3.2 Hoàn thiện việc triển khai thực hiện qui trình kiểm toán

(1) Hoàn thiện việc chuẩn bị và lập kế hoạch kiểm toán

+ Đối với các công ty lớn đã xây dựng quy trình kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, cần thực đầy đủ các bước công việc trong giai đoạn lập kế hoạch. KTV và công ty kiểm toán có sử dụng phần mềm kiểm toán thì nên triển khai ứng dụng đầy đủ hơn các tiện ích của phần mềm kiểm toán trong các công việc của giai đoạn lập kế hoạch như mô tả hệ thống KSNB, phân tích sơ bộ BCTC ... Đồng thời, KTV cần chú ý đến việc nghiên cứu, đánh giá hệ thống thông tin của đơn vị khách hàng như một phần khảo sát về hệ thống KSNB, khảo sát hệ thống máy tính, hệ thống thông tin và phần mềm kế toán của đơn vị trên các khía cạnh như: cấu trúc hệ thống, phần cứng máy tính, bản mô tả quy trình xử lý, sự phân chia chức năng... của hệ thống máy tính và phần mềm kế toán này theo như hướng dẫn chi tiết trong chương trình kiểm toán trong phần mềm kế toán đã khái quát.

+ Đối với những công ty kiểm toán áp dụng quy trình kiểm toán mẫu do VACPA ban hành thì nên triển khai thực hiện đầy đủ các bước công việc, các thủ tục kiểm toán trong giai đoạn lập kế hoạch theo chương trình mẫu. Mặt khác, cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi chương trình cho phù hợp với từng đối tượng khách hàng và từng bối cảnh cụ thể.

Trong khảo sát hệ thống cần chú ý trên các góc độ như: Kiểm soát và xử lý phần cứng, kiểm soát phần logic, kiểm soát hệ thống quản lý nhân sự, kiểm soát mật mã, kiểm soát quy trình kinh doanh trong điều kiện mà hệ thống máy tính hỗ trợ chủ yếu; Các nghiệp vụ chủ yếu và số lượng nghiệp vụ cần xử lý... KTV phải đánh giá rủi ro kiểm toán và xác định các thủ tục kiểm toán nhằm giảm thiểu các rủi ro kiểm toán ở mức có thể chấp nhận được. Khi xác định rủi ro kiểm toán kế hoạch, KTV cần chú ý xem xét những vấn đề chung và cụ thể của hệ thống thông tin để đánh giá rủi ro. Đối với những vấn đề chung, cần xem xét kiến thức và kinh nghiệm của bộ phận quản lý công nghệ thông tin, hệ thống tổ chức kinh doanh, sự thay đổi nhân sự quản lý công nghệ thông tin... Đối với những vấn đề cụ thể, cần xem xét sự phức tạp của hệ thống, mức độ can thiệp bằng thủ công nếu có yêu cầu đối với phần hành quản lý các thông tin trọng yếu và các loại tài sản có tính nhạy cảm. Đối với các thủ tục kiểm soát, cần xem xét các thủ tục kiểm soát đối với những thay đổi chương trình, quyền sử dụng bản quyền phần mềm... Các loại bằng chứng kiểm toán cần thu thập khi kiểm toán

hệ thống bao gồm: bằng chứng quan sát sự bảo mật của hệ thống máy tính, bằng chứng tài liệu, các thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chính sách, thủ tục kiểm soát, các lưu đồ hệ thống, bằng chứng từ việc phân tích, so sánh các tỷ lệ lỗi của phần mềm đã được xem xét từ các kỳ kiểm toán trước (nếu có). KTV cần đặc biệt chú ý xem xét phương pháp tổ chức xử lý dữ liệu kế toán (vì những phương pháp này có thể ảnh hưởng đến hình thức hệ thống kế toán) và phải hiểu biết chi tiết về hệ thống kế toán và các hoạt động kiểm soát liên quan. Những hiểu biết về đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý của khách hàng nói chung, về hệ thống thông tin nói riêng giúp KTV xác định các sự kiện, nghiệp vụ quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến thông tin tài chính, làm cơ sở đánh giá sơ bộ về rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát của đơn vị. Từ đó, KTV sẽ xác định được điểm trọng tâm cần chú ý khi kiểm toán hay tính hợp lý của các thông tin tài chính và các giải trình của nhà quản lý.

Để lập kế hoạch cho từng bộ phận, khoản mục thông tin, KTV cần thu thập thêm những thông tin, tài liệu chủ yếu sau:

- Hiểu rõ tầm quan trọng và tính phức tạp của quá trình xử lý thông tin bằng máy tính trong mỗi phần hành kế toán quan trọng, tính đúng đắn của các cơ sở dẫn liệu của BCTC chịu tác động bởi quy trình xử lý thông tin bằng máy tính, khả năng dẫn đến sai phạm bởi người sử dụng khó có thể xác định và sửa chữa các lỗi trong quá trình xử lý thông tin đã được máy tính tự động xử lý mà không được phép hoặc không thể tiến hành kiểm tra lại;
- Hiểu rõ cấu trúc hoạt động của hệ thống máy tính của đơn vị được kiểm toán và mức độ tập trung hoặc phân tán của việc xử lý thông tin bằng máy tính.
- Xem xét khả năng sẵn có của dữ liệu: Trong điều kiện đơn vị khách hàng xử lý thông tin trên máy tính và phần mềm kế toán, các tài liệu kế toán và bằng chứng khác mà KTV yêu cầu có thể chỉ tồn tại trong thời gian ngắn hoặc dưới dạng chỉ đọc được trên máy. Trường hợp này KTV cần xem xét khả năng thu thập các báo cáo nội bộ của đơn vị khách hàng để thay thế, bổ sung các tài liệu đó trong việc thực hiện các thử nghiệm cơ bản và khả năng sử dụng kỹ thuật kiểm toán bằng máy tính trợ giúp có thể làm tăng tính hiệu quả trong việc thực

hiện các thủ tục kiểm toán hoặc có thể cho phép KTV áp dụng một số thủ tục trên toàn bộ các tài khoản hoặc các nghiệp vụ cần khảo sát hay không.

- Đối với những đơn vị sử dụng hệ thống máy tính phức tạp, có công suất lớn, KTV cần có những hiểu biết về môi trường thông tin của đơn vị và xác định xem môi trường này có ảnh hưởng đến việc đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát hay không. Một số khả năng xảy ra rủi ro như: Thiếu dấu vết của các giao dịch; Sự thống nhất trong quy trình xử lý các giao dịch có thể dẫn đến việc các nghiệp vụ đều sẽ bị xử lý sai như nhau, dẫn đến rủi ro cao; Sự phân chia các chức năng bị hạn chế có thể dẫn đến rủi ro tập trung lớn nếu xử lý thông tin không chính xác; Khả năng sai sót trong việc xử lý, thiết kế, vận hành và bảo dưỡng hệ thống thông tin và khả năng người không có trách nhiệm truy cập và sửa đổi dữ liệu mà không để lại dấu vết; Sự phụ thuộc của các bước kiểm soát khác đối với quá trình xử lý thông tin bằng máy tính vào hiệu quả kiểm soát chung cả môi trường tin học của đơn vị. Đồng thời KTV cũng cần xem xét trình độ tin học của Ban giám đốc và các nhà quản lý bộ phận trong đơn vị để đánh giá khả năng kiểm tra giám sát của họ đối với các mặt hoạt động và hệ thống thông tin của đơn vị thông qua hệ thống máy tính...

Trên cơ sở những thông tin chủ yếu trên, KTV tiến hành phân tích, đánh giá về các khía cạnh chủ yếu để lập kế hoạch cho cuộc kiểm toán cho từng bộ phận được kiểm toán. Cụ thể thực hiện các nội dung sau:

- Đánh giá mức độ rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát liên quan đến từng loại thông tin tài chính, từng bộ phận của BCTC để xác định trọng tâm đi sâu kiểm toán. Cần chú ý rằng: Rủi ro có thể tăng do khả năng phát sinh sai sót trong những chương trình ứng dụng cụ thể, trong những cơ sở dữ liệu hoặc trong những hoạt động xử lý thông tin cụ thể, trong trường hợp đơn vị ứng dụng những công nghệ thông tin mới vào hệ thống máy tính bao gồm các kết nối mạng nội bộ, cơ sở dữ liệu phân tán, sự lưu chuyển thông tin từ hệ thống quản trị sang hệ thống kế toán...

- Xác định mức trọng yếu cho từng mục tiêu kiểm toán, xét đoán các khả năng có những sai phạm trọng yếu, xác định các nghiệp vụ kế toán phức tạp.

- Xác định những nội dung, khoản mục, bộ phận cần tập trung kiểm toán; các thông tin liên quan trực tiếp đến các khoản mục và nội dung kiểm toán;
- Các phương pháp kiểm toán cần thực hiện đối với từng khoản mục, bộ phận hay phần hành công việc;
- Phạm vi thực hiện các phương pháp kiểm toán (quy mô mẫu, nội dung...);
- Danh sách kiểm toán viên tham gia thực hiện kiểm toán;
- Thời gian tiến hành, thời gian kết thúc.

Trên cơ sở kế hoạch từng bộ phận được kiểm toán, KTV soạn thảo chương trình kiểm toán cụ thể cho từng tài khoản, từng thông tin tài chính. Khi soạn thảo chương trình kiểm toán, KTV cần phải xác định các vấn đề sau:

- Mục tiêu kiểm toán: Xác định rõ mục tiêu khảo sát về kiểm soát nội bộ và thông tin kế toán;
- Thủ tục khảo sát về kiểm soát và thủ tục khảo sát cơ bản và trình tự thực hiện các thủ tục đó;
- Các KTV tham gia và những người có liên quan phải đảm bảo có đủ khả năng nhận biết, đánh giá về môi trường hệ thống máy tính và phần mềm kế toán của đơn vị;
- Xác định các kết luận cần phải được đưa ra và thủ tục kiểm toán bổ sung;
- Các tài liệu mà khách hàng cần cung cấp và KTV tự khai thác, tìm kiếm.

Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, khi soạn thảo chương trình kiểm toán, KTV cần chú ý xây dựng các thủ tục kiểm toán để thu thập thông tin về sự vận hành hệ thống máy tính và khả năng trong việc cung cấp thông tin cần thiết cho cuộc kiểm toán; Các bước kiểm soát của đơn vị đối với môi trường tin học; Khả năng sử dụng kỹ thuật kiểm toán với sự trợ giúp của máy tính...

Kế hoạch kiểm toán sau khi lập xong phải được kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, phù hợp của các công việc cần thực hiện bởi người phụ trách kiểm toán hoặc các thành viên Ban giám đốc.

(2) Hoàn thiện giai đoạn thực hiện kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV triển khai thực hiện các bước công việc đã dự kiến trong kế hoạch và chương trình kiểm toán đối với các bộ phận, khoản mục trên BCTC. Cũng như mọi cuộc kiểm toán BCTC, nội dung công việc KTV cần làm trong giai đoạn này thường gồm 2 loại khảo sát là khảo sát hệ thống và khảo sát cơ bản. Tuy nhiên, trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, nội dung công việc ở giai đoạn thực hiện kiểm toán cần lưu ý những vấn đề sau:

+ *Thứ nhất:* KTV yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu liên quan và đánh giá tài liệu khách hàng cung cấp theo danh mục KTV chuẩn bị sẵn và gửi email cho khách hàng hoặc có thể trao đổi trực tiếp với khách hàng. Khi xuống đơn vị có thể KTV sẽ đề nghị khách hàng cung cấp tài liệu bổ sung. Khi nhận tài liệu, KTV cần xác nhận và đánh giá về tài liệu. KTV cần lưu ý đến những tài liệu về hệ thống thông tin của đơn vị, tài liệu về những phần mềm mà đơn vị được kiểm toán áp dụng như: Hướng dẫn cài đặt, vận hành...

+ *Thứ hai:* Thực hiện các thủ tục kiểm toán để kiểm tra, đánh giá Hệ thống KSNB và RRKS nói chung. Riêng phần đánh giá RRKS trong môi trường xử lý thông tin bằng máy tính cần thực hiện qua các bước sau:

- Kiểm tra, xem xét về việc tồn tại các tài liệu qui định về các thủ tục kiểm soát của đơn vị đối với hệ thống thông tin máy tính. KTV cần lưu ý khảo sát trên 2 khía cạnh: Các thủ tục kiểm soát chung và các thủ tục kiểm soát ứng dụng. Do các thủ tục kiểm soát chung có ảnh hưởng lớn đến độ tin cậy của các thủ tục kiểm soát ứng dụng, nên KTV cần tập trung tìm hiểu, đánh giá các thủ tục kiểm soát chung. Nếu thủ tục kiểm soát chung có những hạn chế đáng kể thì toàn bộ hệ thống thông tin máy tính sẽ không đáng tin cậy. KTV cũng cần đánh giá mức độ sử dụng máy tính của đơn vị trong việc xử lý thông tin kế toán, mức độ sử dụng này càng cao thì khả năng rủi ro do những hạn chế của các thủ tục kiểm soát chung sẽ càng lớn. Kiểm toán viên cần chú trọng đến những thủ tục kiểm soát chung cần thiết để đảm bảo hệ thống máy tính hoạt động chính xác và sự duy trì hoạt động này, ví dụ như việc vận hành và bảo dưỡng các phương tiện máy tính, phát triển ứng dụng, qui định về sự tách biệt các chức năng một cách đúng đắn, giới hạn phạm vi thẩm quyền của bất kỳ một cá nhân nào để làm giảm

rủi ro do nhân viên gian lận hay phá hoại , quy định thẩm quyền sử dụng các thiết bị đầu cuối máy tính một cách rõ ràng... Mọi quy định về kiểm soát nội bộ nói chung, về kiểm soát hệ thống máy tính nói riêng đều phải được văn bản hoá rõ ràng và thông báo cho tất cả các bộ phận và các nhân có liên quan trong đơn vị. Mục tiêu kiểm toán tổng thể trong việc rà soát các kiểm soát chung là để đảm bảo rằng sự kiểm soát và các thủ tục đủ để cung cấp sự bảo mật, hiệu quả và hiệu lực của hoạt động hằng ngày của các phương tiện máy tính.

- Khảo sát trong khâu tổ chức xử lý thông tin kế toán trong hệ thống của đơn vị để xác định mức độ phân tách trách nhiệm của những người sử dụng cũng như liên quan đến hệ thống như: người phân tích hệ thống, người lập trình, người nhập dữ liệu, nhân viên kiểm soát, người lưu trữ...

- Khảo sát đối với chương trình phần mềm kế toán của đơn vị: kiểm soát chung cho toàn chương trình, kiểm soát ứng dụng liên quan đến từng phần hành cụ thể, kiểm soát dữ liệu đầu vào, kiểm soát file lưu dữ liệu, kiểm soát quá trình tìm ra sai sót có thể xảy ra trong khi phần mềm kế toán xử lý dữ liệu...

- Khảo sát quá trình kiểm soát phần cứng để xem sự hỏng hóc của hệ thống máy tính có được phát hiện hay không.

- Khảo sát quá trình kiểm soát quyền sử dụng chương trình, hồ sơ, dữ liệu.

Khi đánh giá các thủ tục kiểm soát, KTV cần chú ý kiểm tra, xem xét trên những vấn đề cơ bản sau: Kiểm tra xem đơn vị khách hàng có bảng kê theo dõi các phần cứng (bao gồm máy tính, phụ trợ và thiết bị đầu cuối được sử dụng để thực hiện các công việc và kiểm tra sự tồn tại của thiết bị này) ; Đơn vị có lập sơ đồ tổ chức hệ thống máy tính để cập nhật về sự thay đổi của hệ thống máy tính phù hợp với đặc điểm quản lý và hoạt động của đơn vị hay không; Đơn vị có lập bảng theo dõi cập nhật sự thay đổi các bộ phận máy tính hay không, có qui định rõ trách nhiệm và sự phân quyền xem xét quyết định việc thay đổi các bộ phận của từng máy tính hay toàn bộ hệ thống máy tính hay không; đơn vị có xây dựng và ban hành các tài liệu tiêu chuẩn về kiểm soát được duy trì bởi các nhà khai thác hệ thống không; Việc hướng dẫn sử dụng hệ thống máy tính có được duy trì và cập nhật đặc biệt cho các thủ tục kiểm soát hay không; Xem xét việc bảo vệ đối với các thiết bị đầu cuối để bảo vệ dữ liệu và hệ thống, việc kiểm soát

phần mềm thông qua bảo vệ mật khẩu và thư mục người sử dụng; Xem xét sự đầy đủ của các thiết bị bảo vệ phần cứng và phần mềm chống lại các nguy cơ cháy (phòng cháy và chữa cháy) và các hành động nguy hiểm được thực hiện bởi các lập trình, những người sử dụng, các nhân viên đầu vào - đầu ra; Xem xét việc đào tạo về bảo mật cho tất cả nhân viên; Các thủ tục khẩn cấp trong trường hợp mất điện; Sự an toàn của việc lưu giữ phần mềm và các tập tin dữ liệu và các loại thư viện; Sự đầy đủ của các tập tin sao lưu (ngoại vi lưu trữ); Thủ tục xây dựng lại các tập tin trong trường hợp mất mát hoặc đĩa lỗi hoặc băng lỗi (kế hoạch dự phòng)...

- Sử dụng bảng câu hỏi để phỏng vấn: Khi thiết kế Bảng câu hỏi, KTV cần chú ý đến một số khía cạnh như cấu trúc hoạt động của máy tính, mức độ tập trung hay phân tán của thông tin tên của các ứng dụng? Nguồn của các ứng dụng? Tên của máy chủ cài các phần mềm ứng dụng? Vị trí cài đặt máy chủ? Tên của máy chủ cài đặt các phần mềm quản trị? Vị trí đặt máy chủ cài các phần mềm quản trị và khả năng sẵn có của dữ liệu, quy trình xử lý thống nhất các giao dịch...KTV cần bổ sung, chỉnh sửa những bảng câu hỏi để đảm bảo thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết về thiết kế và vận hành của các quy chế và thủ tục KSNB quan trọng trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo nhận biết được sự có mặt hay thiếu vắng của các hoạt động kiểm soát chủ yếu đối với hệ thống thông tin, hệ thống máy tính và nhân sự vận hành máy vi tính của đơn vị.

(Phụ lục 3.2. Bảng câu hỏi đánh giá hệ thống KSNB trong môi trường tin học)

- Thực hiện kỹ thuật quan sát, yêu cầu làm lại: Bên cạnh việc kiểm tra, xem xét về việc tồn tại các tài liệu qui định về thủ tục KSNB nói trên, KTV cần kiểm tra xem liệu chúng có được tuân thủ đúng trong thực tế hay không bằng cách thực hiện việc “kiểm tra thử” để thu thập và xác minh về sự tồn tại của các bước kiểm soát đã được thiết kế. Trong trường hợp đơn vị sử dụng máy tính, phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác trong đơn vị, các thủ tục kiểm soát chủ yếu mà các kiểm toán viên phải đánh giá là:

- + Qui định về quản lý đối với tất cả các đầu vào chính, bao gồm cả thay đổi dữ liệu là tồn tại và được phê chuẩn, được cho phép và đã được thông báo cho toàn hệ thống;
- + Khả năng nhập dữ liệu từ thiết bị đầu cuối được giới hạn và kiểm soát với hệ thống on-line;
- + Phương pháp để ngăn chặn và phát hiện trùng lặp trong xử lý một nguồn tài liệu;
- + Thủ tục để đảm bảo ngăn chặn sự chỉnh sửa ...

Dựa trên sự hiểu biết về hệ thống kế toán và HTKSNB, KTV xác định được các loại sai sót đáng kể có thể xảy ra và các yếu tố ảnh hưởng đến các sai sót này để quyết định về mức độ RRKS, làm cơ sở để xác định tính chất, thời điểm, mức độ của những thủ tục kiểm tra cơ bản.

Khi thực hiện nghiên cứu đánh giá về KSNB, KTV có thể dựa vào máy tính và phần mềm kiểm toán để tập trung kiểm tra về hoạt động kiểm soát chung và kiểm soát cụ thể mà đơn vị đã thực hiện qua hệ thống máy tính. Một số điểm chủ yếu cần kiểm tra như sau:

- Đối với hoạt động kiểm soát chung, KTV cần tiến hành phỏng vấn, xem xét tài liệu và sử dụng bảng câu hỏi để điều tra, thu thập bằng chứng về các vấn đề: Việc thiết lập, phát triển chương trình và hệ thống; Những thay đổi của chương trình (nếu có); Các hoạt động vận hành máy tính...
- Đối với hoạt động kiểm soát cụ thể, KTV sử dụng kỹ thuật kiểm toán máy tính (Computer Assisted Audit techniques – CAAT) để kiểm tra đánh giá, cần trọng tâm vào các báo cáo lỗi, thông qua việc rà soát chúng và xem cách xử lý các lỗi này ra sao, những ưu nhược điểm của chương trình phần mềm cũng như các định dạng về kiểm soát ban đầu để cảnh giác với trường hợp bị điều chỉnh trong quá trình vận hành...

Việc lựa chọn các kỹ thuật kiểm toán bị tác động bởi loại hình hoạt động mà KTV kiểm tra. Tuy nhiên, để tránh những hạn chế nhất định của từng thủ tục kiểm toán và cung cấp thêm bằng chứng có tính chất thuyết phục, KTV nên tiến hành kết hợp các thủ tục kiểm toán cho một hoạt động cụ thể tại đơn vị.

Tìm hiểu hệ thống kế toán và hệ thống KSNB là một quá trình tích lũy sự hiểu biết của KTV trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ cho đơn vị khách hàng. Do vậy, khi đánh giá về tính hiệu lực của hệ thống này, KTV cần phải xem xét tới các bằng chứng kiểm toán thu thập được cả năm nay và những năm trước đó (nếu có). KTV cần tập trung chú ý đến rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị khách hàng. Hai loại rủi ro này có thể có tác động đến khả năng có sai sót trọng yếu trên số dư một tài khoản hoặc giao dịch trong các tình huống sau:

- + Rủi ro có thể cao do sự yếu kém trong các hoạt động của hệ thống máy tính, (ví dụ: triển khai và duy trì chương trình; hỗ trợ phần mềm hệ thống; quá trình hoạt động; bảo vệ các thiết bị tin học; kiểm tra việc truy cập vào các chương trình đặc biệt). Sự yếu kém của những hoạt động này có thể ảnh hưởng đến tất cả các ứng dụng được xử lý trên máy tính;

- + Rủi ro có thể tăng do khả năng phát sinh sai sót và gian lận trong những chương trình ứng dụng cụ thể, trong những cơ sở dữ liệu, hoặc trong những hoạt động xử lý thông tin cụ thể. Ví dụ, sai sót thường thấy trong hệ thống phần mềm phải thực hiện các nghiệp vụ đồng thời, các tính toán phức tạp hoặc khi phải xử lý trường hợp bất thường;

- + Rủi ro có thể tăng do đơn vị được kiểm toán thường ứng dụng những công nghệ thông tin mới vào hệ thống máy tính bao gồm các kết nối mạng nội bộ, cơ sở dữ liệu phân tán; sự lưu chuyển thông tin từ hệ thống quản trị sang hệ thống kế toán. Các hệ thống này làm tăng độ tinh xảo của hệ thống thông tin máy tính và tính phức tạp của các ứng dụng cụ thể nhưng cũng có thể làm tăng rủi ro.

Sau khi thu thập được các bằng chứng về tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống KSNB trong đơn vị, KTV cần sử dụng những công cụ để mô tả và lưu giữ kết quả kiểm tra như bản mô tả, lưu đồ và bảng câu hỏi về KSNB. Trong trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin, KTV có thể sử dụng các phần mềm hỗ trợ trên máy tính để mô tả và vẽ sơ đồ về KSNB một cách nhanh chóng, thuận tiện và rõ ràng. KTV cần kiểm tra để đảm bảo rằng các thủ tục kiểm soát diễn ra tại đơn vị khách hàng đã diễn ra đúng như tài liệu đã lập.

Nếu không diễn ra đúng như vậy, KTV cần chỉnh sửa những bản mô tả, lưu đồ và bảng câu hỏi cho đúng với thực tế. Tiếp theo, KTV phải đánh giá các bằng chứng này và so sánh với những đánh giá ban đầu của KTV về hệ thống KSNB. Dựa trên kết quả đó, KTV đưa ra cách thức xử lý cho phù hợp. Có thể xảy ra các tình huống sau:

- Nếu các bằng chứng thu thập được chứng minh các đánh giá ban đầu của KTV về hệ thống KSNB là đúng đắn thì KTV tiếp tục thực hiện các thủ tục kiểm toán chi tiết các nghiệp vụ và số dư theo kế hoạch.
- Nếu các bằng chứng thu thập được cho thấy việc thiết kế và hoạt động của hệ thống KSNB tại đơn vị có hiệu lực không được như đánh giá ban đầu (RRKS cao hơn mức đánh giá ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán), KTV phải tiến hành thảo luận với các nhà quản lý đơn vị và tăng cường thực hiện các thủ tục kiểm toán cơ bản cho phù hợp.

KTV có thể thu thập bằng chứng về tính hiện hữu và hiệu quả của các thủ tục kiểm soát kết hợp với quá trình thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tức là thực hiện “thử nghiệm kép” trên mẫu chọn. Nếu thông qua kiểm tra chi tiết nghiệp vụ, số dư tài khoản, KTV nhận thấy những hạn chế của hệ thống KSNB đã không làm nảy sinh những sai sót trọng yếu thì KTV có thể vẫn có kết luận thống nhất với đánh giá RRKS ban đầu và vẫn giữ nguyên mức độ kiểm tra cơ bản như dự kiến ban đầu. Trong trường hợp ngược lại, KTV phải thay đổi đánh giá lại về hiệu lực của hệ thống KSNB và đánh giá lại tính chất, thời điểm và quy mô của những thủ tục kiểm toán cơ bản đối với những mục tiêu kiểm toán bị ảnh hưởng.

Sau khi kiểm tra chi tiết về kiểm soát, KTV đã có thể xác định được khả năng xảy ra sai phạm và trọng điểm kiểm toán đối với từng bộ phận, khoản mục. Đây là căn cứ rất quan trọng để KTV xác định mục tiêu và thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản.

+ *Thứ ba:* Thực hiện các thủ tục phân tích

Dựa trên BCTC của đơn vị khách hàng và nguồn thông tin bổ sung khác, KTV tính toán các chỉ tiêu và lập bảng phân tích. Trong điều kiện áp dụng phần mềm kiểm toán hoặc công cụ Excel của máy vi tính, KTV có thể tính toán, lập

bảng phân tích rất nhanh chóng và chính xác. Thông thường KTV sử dụng kỹ thuật so sánh với nội dung cụ thể:

+ So sánh ngang (phân tích xu hướng): KTV thực hiện so sánh từng thông tin trên BCTC với: các thông tin tương ứng trong niên độ trước; các kết quả dự kiến của đơn vị (kế hoạch, dự toán, hợp đồng); các kết quả tương ứng của đơn vị khác cùng điều kiện; số bình quân tương ứng của ngành...

Bảng chứng thu thập được là những bảng phân tích so sánh biểu hiện dưới dạng số liệu hay biểu đồ, có nhận xét sơ bộ của KTV về tính hợp lý của sự biến động của từng chỉ tiêu trên BCTC.

+ So sánh dọc (phân tích tỷ suất): KTV dựa trên mối quan hệ giữa thông tin tài chính với nhau; giữa thông tin tài chính với thông tin phi tài chính để tính toán các tỷ suất cần thiết và thực hiện so sánh kết quả của từng tỷ suất giữa niên độ này với niên độ trước, giữa thực tế với kế hoạch (dự toán, hợp đồng...); với doanh nghiệp khác cùng điều kiện; với số bình quân ngành...

+ Phân tích theo chiều dọc (tỷ suất): KTV lựa chọn những tỷ suất phù hợp với từng loại nghiệp vụ, số dư tài khoản để so sánh, đánh giá, chẳng hạn KTV có thể sử dụng các tỷ suất sau:

- Tỷ suất giữa tiểu số dư của từng loại nghiệp vụ với số dư của tài khoản.
- Tỷ suất giữa kết quả của loại nghiệp vụ này với loại nghiệp vụ khác.
- Tỷ suất giữa số dư tài khoản đang kiểm toán với số dư tài khoản khác.
- Tỷ suất giữa số liệu thông tin tài chính với thông tin phi tài chính.

Nhằm tìm kiếm những chứng cứ về tính chính xác, tính hợp thức của các số liệu do hệ thống kế toán tạo ra đối với từng loại nghiệp vụ và số dư tài khoản.

Bảng chứng thu thập được là những bảng tính toán các tỷ suất và kết quả so sánh các tỷ suất mà KTV đã thực hiện, kèm theo những nhận xét đánh giá tổng quát của KTV về những biến động và biểu hiện bất thường nếu có.

Những bằng chứng thu thập được qua phân tích ngang, phân tích dọc sẽ giúp cho KTV hiểu rõ hơn về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị khách hàng, xác định rủi ro cho từng bộ phận và toàn bộ BCTC, đặc biệt những bộ phận, khoản mục dễ sai phạm trọng yếu làm trọng tâm cho cuộc kiểm toán. Đây là những bằng chứng ban đầu làm cơ sở cho KTV đánh giá về mức độ trung thực, hợp lý của BCTC được kiểm toán, được lưu vào hồ sơ kiểm toán.

Trong giai đoạn này, KTV thực hiện các thủ tục phân tích đối với từng thông tin để trợ giúp hoặc thay thế cho kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản, cụ thể:

- + Đối với những bộ phận, khoản mục không quan trọng, RRTT và RRKS đã được đánh giá là thấp, KTV dễ dàng sử dụng thủ tục phân tích đánh giá tổng quát để thu thập bằng chứng về mức độ tin cậy của số liệu kế toán. nếu qua phân tích đánh giá, KTV cho rằng số liệu có thể tin cậy được thì KTV không thực hiện kiểm tra chi tiết số liệu kế toán mà có thể kết luận ngay.

- + Đối với những bộ phận, khoản mục quan trọng, RRTT và RRKS được đánh giá là cao, KTV sử dụng thủ tục phân tích đánh giá tổng quát để phân tích sự biến động hay biểu hiện bất thường của khoản mục, số dư tài khoản cần kiểm tra, trên cơ sở đó xác định phạm vi, nội dung áp dụng các thủ tục kiểm tra chi tiết cho phù hợp.

Kỹ thuật phân tích sử dụng trong giai đoạn này rất phong phú, KTV có thể sử dụng số liệu trên BCTC của đơn vị khách hàng để phân tích ngang, phân tích dọc. Trong trường hợp có đủ thông tin bổ sung KTV có thể thực hiện việc

- + Phân tích ước tính: KTV dựa trên những dữ liệu về nguồn thông tin độc lập với thông tin tài chính đang được kiểm toán ở trong và ngoài doanh nghiệp để tính toán ra một giá trị ước tính cho thông tin được kiểm toán rồi so sánh số liệu tính được để với giá trị của nó trên BCTC để đánh giá mức độ tin cậy của thông tin được kiểm toán. Nếu qua so sánh có chênh lệch, KTV cần phải tìm kiếm lời giải thích bằng cách:

- Yêu cầu ban giám đốc hoặc nhân viên có liên quan của khách hàng (hay người có liên quan khác) giải thích rõ nguyên nhân chênh lệch.

- Nếu lời giải thích không hợp lí, KTV phải xem xét lại dữ liệu và giả định mà KTV dùng để tính toán ra giá trị ước tính có phù hợp không, đã điều chỉnh theo những nhân tố khách quan tác động làm thay đổi chỉ tiêu chưa? KTV có thể điều chỉnh số liệu đã ước tính (nếu cần thiết) dựa trên những tài liệu thông tin thu thập bổ sung.

- Nếu vẫn còn những chênh lệch đáng kể giữa số ước tính và số liệu cần được kiểm toán thì KTV cần thực hiện kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ, số dư tài khoản để thu thập bằng chứng để tìm kiếm sai phạm (nếu có).

Bảng chứng thu thập được là những bảng tính toán phân tích ước tính của từng số dư tài khoản, loại nghiệp vụ mà KTV đã thực hiện. đây là cơ sở để KTV phán đoán những thông tin nghiệp vụ có khả năng chứa đựng sai phạm trọng yếu để tập trung kiểm tra chi tiết. Đối với một số bộ phận, khoản mục trên BCTC, nếu qua bước phân tích, ước tính mà không có biểu hiện chứa sai phạm trọng yếu thì bằng chứng thu thập được qua phân tích, đánh giá tổng quát sẽ là căn cứ cho ý kiến nhận xét của KTV về bộ phận, khoản mục để, KTV không thực hiện kiểm tra chi tiết thêm nữa.

Tùy từng mỗi khoản mục kiểm toán và nguồn tài liệu thông tin có được mà KTV có thể sử dụng kỹ thuật phân xu hướng, phân tích tỷ suất hay phân tích ước tính. Trong trường hợp kiểm toán bằng máy vi tính, KTV nên sử dụng ứng dụng Excel trong việc thiết lập các phép so sánh và tạo lập các hàm phép toán nhân, chia, cộng, trừ trong việc phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng hoặc tính ra số ước tính của các chỉ tiêu. Đối với các công ty kiểm toán đã sử dụng phần mềm kiểm toán thì các chỉ tiêu có thể được tính tự động theo các chương trình cài sẵn, KTV cần khai thác triệt để ứng dụng của các phần mềm kiểm toán để hỗ trợ khâu tính toán, so sánh các chỉ tiêu. KTV nên kết hợp việc phân tích sự biến động của các chỉ tiêu qua từng tháng, quý trong năm hoặc so sánh số liệu cùng kỳ giữa năm nay với các năm trước để xác định rõ hơn về khoản mục có thể xảy ra rủi ro và sai sót trọng yếu và khoảng thời gian có thể xảy ra sai sót đối với từng khoản mục. Nếu KTV phân tích các tỷ suất tài chính một cách hợp lý sẽ giúp cho các KTV đánh giá toàn diện hơn về xu thế biến đổi của đối tượng phân tích. Với sự hỗ trợ của máy tính, KTV có thể sử dụng các đồ thị, biểu đồ để mô tả về sự biến động của các chỉ tiêu, từ đó nhanh chóng nhận

biết được xu hướng biến đổi riêng của từng đối tượng, giúp KTV đưa ra các kết luận và dự đoán chính xác hơn cho đối tượng phân tích.

+ *Thứ 4:* Thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết và số dư tài khoản

KTV thực hiện 1 hay nhiều kỹ thuật kiểm toán đối với từng khoản mục hoặc các nghiệp vụ tạo nên số dư tài khoản cụ thể nhằm thu thập các bằng chứng về các cơ sở dẫn liệu của từng bộ phận khoản mục để xác định số liệu của chúng trên BCTC có chứa sai phạm trọng yếu hay không?

KTV có thể thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết theo các bước sau:

- *Xác định hướng kiểm tra:* đối với kiểm tra chi tiết từng nghiệp vụ, số dư tài khoản, KTV thường định hướng kiểm tra xem nghiệp vụ, số dư tài khoản đó có thể bị báo cáo tăng (overstatement) hay báo cáo giảm (understatement) để quyết định tổng thể chọn mẫu kiểm tra từ số (ngghi là báo cáo tăng) hay từ chứng từ gốc (ngghi là báo cáo giảm).

- *Chọn mẫu kiểm tra:*

Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản thường tốn nhiều thời gian và chi phí kiểm toán nên thông thường KTV thực hiện kiểm tra chọn mẫu, ít có loại nghiệp vụ thực hiện kiểm tra toàn bộ.

KTV thực hiện chọn mẫu trước khi kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản KTV có thể sử dụng phần mềm kiểm toán hoặc các phần mềm ứng dụng để chọn mẫu kiểm toán.

KTV thường áp dụng một trong 2 cách chọn mẫu chọn mẫu theo mục chính (nghiệp vụ chủ yếu) hay chọn mẫu đại diện hoặc kết hợp cả hai cách chọn mẫu, cũng có thể KTV thực hiện kiểm tra toàn bộ đối với một khoản mục nào đó.

- *Chọn mục chính:* KTV thường chọn mục chính để kiểm tra đối với những bộ phận, số dư tài khoản mà KTV cho là có khả năng chứa ít sai phạm (đã có đủ bằng chứng thích hợp để kết luận về hiệu lực của hệ thống KSNB là cao, RRKS là thấp hay đối với một tổng thể có ít mục lớn, hoặc đối với một tổng thể bao gồm những nghiệp vụ không thường xuyên hoặc các ước tính kế toán. Những mục chính được KTV chọn là những mục mà KTV cho là có vẻ không bình thường, không dự đoán được hay dễ có sai sót.

Thông qua việc đọc lướt những chứng từ, tài liệu có liên quan đến mục tiêu kiểm toán cụ thể nào đó (trên cơ sở đã hiểu biết về tình hình kinh doanh của khách hàng, dựa trên kinh nghiệm và đánh giá của KTV), KTV sẽ lựa chọn được những mục chính để kiểm tra.

- Chọn mẫu đại diện: KTV thường chọn mẫu đại diện để kiểm tra chi tiết đối với những bộ phận, khoản mục có khả năng chứa sai phạm nghiêm trọng (có ít hoặc không có bằng chứng kiểm toán từ điều tra hệ thống và kiểm tra chi tiết về kiểm soát, KTV kết luận về hiệu lực của hệ thống KSNB là thấp, RRKS là cao) hay đối với những tổng thể bao gồm một số lượng lớn các mục giá trị tương đối lớn, hoặc đối với tổng thể chủ yếu bao gồm các nghiệp vụ thường xuyên (tương tự nhau). những mẫu được chọn để kiểm tra mang tính ngẫu nhiên đại diện cho cả tổng thể cần kiểm tra.

- KTV có thể chọn mẫu kiểm tra bằng cách kết hợp cả hai cách lựa chọn mục chính và chọn mẫu đại diện đối với tổng thể có rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát không cao, gồm cả những mục lớn và tương đối lớn, những nghiệp vụ thường xuyên và không thường xuyên.

Khi chọn mẫu bằng cách kết hợp, KTV thường chọn những mục chính để kiểm tra trước, phần còn lại trong tổng thể sẽ chọn mẫu đại diện.

Đối với một số khoản mục quan trọng, có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh, RRTT và RRKS được đánh giá là cao, KTV có thể phải kiểm tra toàn bộ các nghiệp vụ.

- *Thực hiện kiểm tra chi tiết:*

Sau khi xác định được phạm vi kiểm tra, KTV tiến hành áp dụng các kỹ thuật kiểm toán để kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ, số dư tài khoản nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các cơ sở dẫn liệu cho từng bộ phận, khoản mục trên BCTC. trong từng trường hợp cụ thể, tùy theo sự xét đoán nghề nghiệp của mình, KTV sẽ chọn lựa áp dụng các kỹ thuật một cách phù hợp để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp. KTV cần áp dụng linh hoạt các kỹ thuật kiểm toán như kiểm tra vật chất, kiểm tra tài liệu, quan sát, tính toán, đánh giá, phỏng vấn, thảo luận, xác nhận. Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, KTV cần khai thác tối đa sự trợ giúp của công

nghe và phần mềm, tiếp cận các ghi chép kế toán theo quy trình xử lý của phần mềm kế toán, nhằm làm giảm bớt công việc kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ và số dư tài khoản, tiết kiệm chi phí và thời gian của cuộc kiểm toán.

Việc áp dụng các thủ tục kiểm tra chi tiết có thể khác nhau giữa các đơn vị khách hàng có mức độ và phạm vi ứng dụng công nghệ khác nhau, cụ thể:

+ Trong trường hợp đơn vị khách hàng ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, sử dụng máy tính và các phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thì KTV có thể dựa vào hệ thống thông tin của đơn vị để giảm bớt công việc kiểm tra chi tiết. Nếu qua khảo sát hệ thống, KTV cho rằng hệ thống thông tin của đơn vị được tổ chức khoa học, chặt chẽ thì KTV tin cậy vào số liệu kế toán trên các sổ kế toán đã được tính toán, tổng hợp và phân loại bằng phần mềm kế toán được sử dụng tại đơn vị. Sau khi KTV chạy thử lại phần mềm đối với một số nghiệp vụ hoặc KTV lấy mẫu rồi tự tính toán sau đó so sánh với kết quả trên phần mềm kế toán của đơn vị để đưa ra kết luận. Để có thêm bằng chứng xác đáng, KTV có thể thực hiện kiểm tra từ sổ xuống chứng từ một số nghiệp vụ xem có thỏa mãn các CSDL hay không (trên một mẫu nhất định.). Trong một số trường hợp, KTV có thể tin cậy vào phần mềm kế toán của đơn vị mà không thực hiện kiểm tra chi tiết.

+ Trường hợp đơn vị chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, KTV cũng nên triển khai các công việc kiểm tra chi tiết trên cơ sở khai thác tối đa các ứng dụng của máy tính như Word, Excel... KTV sử dụng ứng dụng Word để lập các giấy tờ làm việc. Còn Excel được sử dụng như một công cụ rất hữu ích để thực hiện các phép tính toán số học, sử dụng các hàm tin học để xây dựng các chương trình đối chiếu với các phần hành của khách hàng như lập lại bảng tính khấu hao tài sản cố định, tính lương và các khoản trích theo lương... để so sánh lại với số liệu của đơn vị khách hàng.

Trong quá trình kiểm tra chi tiết, nếu phát hiện ra những chênh lệch, KTV phải tìm hiểu nguyên nhân cụ thể và soạn thảo những bút toán điều chỉnh để yêu cầu khách hàng sửa chữa (nếu cần thiết) và tổng hợp lại những chênh

lệch không được sửa đổi để đánh giá xem có sai phạm trọng yếu không để có giải pháp phù hợp (có thể tiếp tục kiểm tra chi tiết...)

+ *Thứ 5*: Đánh giá bằng chứng thu thập được, đưa ra các kết luận về bộ phận thông tin được kiểm toán và những điểm cần lưu ý cho kiểm toán lần sau.

Trên cơ sở toàn bộ các bằng chứng đã thu thập được, KTV thực hiện việc đánh giá bằng chứng thường được KTV dựa trên hai tiêu chuẩn: Sự đầy đủ và sự thích hợp của bằng chứng kiểm toán qua việc xem xét các yếu tố liên quan như: phương pháp chọn mẫu, quy mô mẫu, tính đại diện của mẫu, mức độ rủi ro, mức độ trọng yếu, nguồn gốc của bằng chứng, loại bằng chứng, hiệu lực của các quy chế kiểm soát...

Sau khi đánh giá bằng chứng kiểm toán đã thu thập được và mức độ hiểu biết cũng như kinh nghiệm của mình, KTV sẽ đưa ra các kết luận cụ thể dựa trên các mục tiêu kiểm toán. Điều đó có nghĩa là xác định mức độ thỏa mãn trong kiểm toán để đưa ra kết luận cho toàn bộ khoản mục, bộ phận kiểm toán.

(3) Hoàn thiện giai đoạn kết thúc kiểm toán

Giai đoạn này KTV thường sử dụng một vài kỹ thuật của phương pháp kiểm toán cơ bản và những thủ tục kiểm toán chuyên dùng cho giai đoạn kết thúc kiểm toán. đối với mỗi loại công việc cụ thể, KTV sẽ áp dụng những thủ tục và kỹ thuật kiểm toán khác nhau, cụ thể có các bước công việc sau:

** Xem xét các sự kiện phát sinh cho đến ngày lập báo cáo kiểm toán*

KTV cần thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để chứng minh rằng mọi sự kiện tính đến ngày lập báo cáo kiểm toán, có thể dẫn đến điều chỉnh hoặc cần thuyết minh trong BCTC đã được KTV xác định. những thủ tục kiểm toán đó là:

- Xem xét lại các biện pháp mà những nhà quản lý đơn vị đã áp dụng nhằm đảm bảo rằng mọi sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đều đã được KTV xác định.
- Đọc các biên bản họp đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban giám đốc, các biên bản kiểm toán nội bộ sau ngày lập bảng cân đối kế toán và thẩm tra các vấn đề đã được thảo luận tại các cuộc họp đó mà chưa ghi trong các biên bản.

- Đọc các bản BCTC sơ bộ gần nhất và các văn bản liên quan khác.
- Thẩm tra bộ phận tư vấn pháp lý về các vấn đề còn đang tranh chấp.
- Phỏng vấn các nhà quản lý đơn vị về các sự việc tiếp theo (mới phát sinh, dự kiến) có thể có ảnh hưởng quan trọng đến BCTC.
- Yêu cầu ban giám đốc cung cấp các bản giải trình xác định rằng đã công bố đầy đủ các sự kiện trọng yếu.

Qua xem xét lại, KTV sẽ quyết định dừng lại hay áp dụng bổ sung những biện pháp kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trước và sau thời điểm khoá sổ và thu thập xác nhận của luật sư, tư vấn pháp lý.v.v để xác định về tính đúng đắn, đầy đủ của các ghi chú trong BCTC, làm căn cứ cho ý kiến nhận xét phù hợp về BCTC.

** Xem xét khả năng đảm bảo hoạt động liên tục của đơn vị khách hàng.*

KTV thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu thập các yếu tố chứng thực đầy đủ và thích hợp để kết luận về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị, bao gồm:

- Phân tích các biểu hiện về tài chính, hoạt động và những biểu hiện khác có liên quan đến việc đảm bảo hoạt động liên tục.
- Trao đổi với ban giám đốc về một số vấn đề cơ bản như cầu tiền, khả năng thanh toán, đơn đặt hàng và nguồn cung cấp chủ yếu ...
- Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ
- Yêu cầu các luật sư của đơn vị cung cấp thông tin về các vụ kiện hay tranh chấp...
- Trao đổi với ban giám đốc về kế hoạch bán tài sản, đi vay, biện pháp tăng thêm nguồn vốn, thu thập các giải trình của ban giám đốc và thu thập các bằng chứng chứng minh rằng các kế hoạch này là khả thi và hiệu quả...

Qua kiểm tra, xem xét, KTV hiểu biết rõ hơn về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và điều kiện hoạt động của đơn vị, từ đó kết luận đơn vị có

đảm bảo hoạt động liên tục hay không để đưa ra ý kiến nhận xét phù hợp về BCTC được kiểm toán.

** Xem xét các giải trình của ban giám đốc:*

Để đáp ứng những yêu cầu cụ thể, KTV thường yêu cầu và thu nhận nhiều bản giải trình từ ban giám đốc. những giải trình có liên quan đến các vấn đề có tính trọng yếu đối với BCTC thì KTV cần phải thu thập thêm các bằng chứng kiểm toán trong và ngoài đơn vị để xác minh các giải trình của ban giám đốc như tham khảo các biên bản của những kỳ họp hội đồng quản trị, các bộ phận có liên quan ...

Những bản giải trình được lưu vào hồ sơ kiểm toán và giúp KTV chứng minh được sự thừa nhận trách nhiệm trong việc lập và trình bày trung thực hợp lý các BCTC của ban giám đốc.

** Tổng hợp và đánh giá kết quả*

Sau khi thực hiện kiểm toán từng bộ phận, khoản mục BCTC như kế hoạch đã vạch ra, KTV cần tổng hợp các thông tin đã thu thập được để đi đến một kết luận chung về toàn bộ BCTC. KTV phụ trách cuộc kiểm toán tổng hợp toàn bộ kết quả của các bước công việc đó tiến hành, tìm hiểu, trao đổi với những KTV khác về những sai phạm, điều chỉnh, tổng hợp các bút toán và làm sáng tỏ những thông tin chưa rõ ràng; xem xét lại việc đánh giá của KTV về rủi ro kiểm soát của hệ thống thông tin máy tính, xem xét những hạn chế có thể có của hệ thống thông tin...

Trước khi lập báo cáo kiểm toán, KTV phải đánh giá tổng quát về các kết quả thu thập được. Đó chính là việc soát xét lại toàn bộ quá trình kiểm toán và cân nhắc các cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về BCTC.

Để thực hiện công việc này, KTV thường áp dụng các thủ tục kiểm toán sau:

+ Áp dụng thủ tục phân tích: trên cơ sở các kết quả phân tích, tính toán đã thu thập được, KTV thực hiện phân tích một cách sâu sắc thêm một lần nữa để củng cố cho các kết luận đã hình thành trong khi kiểm tra từng yếu tố riêng biệt của BCTC, từ đó hỗ trợ cho KTV trong việc đưa ra kết luận tổng quát về tính trung thực, hợp lý của toàn bộ BCTC.

Qua phân tích, KTV xác định được những bộ phận cần phải thu thập thêm bằng chứng để khẳng định chắc chắn ý kiến của mình mà trong quá trình kiểm tra từng bộ phận riêng lẻ chưa nhận ra.

+ Đánh giá sự đầy đủ, thích hợp của bằng chứng kiểm toán để quyết định tiến hành thủ tục kiểm toán bổ sung nếu cần.

+ Lập bảng tổng hợp những sai phạm của toàn bộ BCTC và so sánh với sai phạm trọng yếu để quyết định xem có chấp nhận BCTC hay kiểm tra bổ sung khoản mục nào đó.

+ Rà soát lại hồ sơ kiểm toán.

+ Lập bảng tổng hợp kết quả kiểm toán.

+ Thu thập các bằng chứng kiểm toán của các bên liên quan (kiểm toán viên khác, chuyên gia, kiểm toán viên nội bộ) bằng các kỹ thuật xác nhận, điều tra, phỏng vấn, đọc báo cáo và tài liệu.

Sau khi thực hiện xong các thủ tục kiểm toán cần thiết và KTV cho rằng đã thu thập đầy đủ những bằng chứng kiểm toán thích hợp, KTV đưa ra ý kiến nhận xét cho toàn bộ BCTC và lập báo cáo kiểm toán.

Đi kèm với việc đánh giá và kết luận kiểm toán, KTV cần đưa ra những vấn đề cần phải được điều chỉnh hoặc các vấn đề giúp cho người phụ trách kiểm toán xem xét điều chỉnh cho phù hợp hoặc lưu ý cho kiểm toán lần sau.

Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, KTV cần chú ý kiểm tra một số vấn đề sau:

- Việc doanh nghiệp thực hiện kế toán trong điều kiện áp dụng máy tính và phần mềm kế toán có tuân thủ pháp luật, chuẩn mực, chế độ kế toán và thoả mãn các yêu cầu pháp lý có liên quan về việc trình bày thông tin trên BCTC hay không;

- Chương trình phần mềm kế toán có phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của đơn vị cũng như phù hợp với biên chế, trình độ của cán bộ kế toán không;

- Chương trình phần mềm kế toán có đảm bảo thu nhận, xử lý, cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời, khoa học, hợp lý về hoạt động của doanh nghiệp và quán triệt nguyên tắc tiết kiệm không;

- Chương trình phần mềm kế toán tại doanh nghiệp có đáp ứng yêu cầu tự động hoá cao, chính xác, tương thích với các phần mềm có liên quan, có cấu trúc phân hệ, thuận tiện cho việc sửa chữa các biểu mẫu chứng từ, sổ sách, báo cáo theo yêu cầu quản lý, đảm bảo độ tin cậy và an toàn thông tin hay không;

- Chương trình phần mềm kế toán có hệ thống quản lý mật khẩu, chống việc thâm nhập, khai thác, sử dụng số liệu, tài liệu trên máy của những người không có trách nhiệm, tránh việc đánh cắp hoặc lạm dụng thông tin hay không;

- Chương trình phần mềm kế toán có đảm bảo lưu trữ chứng từ, dữ liệu, số liệu kế toán, báo cáo kế toán theo đúng nguyên tắc, chế độ và quy định hiện hành hay không.

Kết quả xem xét các khía cạnh này giúp KTV thấy được việc đánh giá mức RRKS đã được sử dụng trong quá trình kiểm toán có hợp lý hay không, đã đủ bằng chứng để kết luận về các mục tiêu kiểm toán chưa hay cần thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán..., đồng thời là căn cứ để đưa ra các khuyến cáo trong thư quản lý về việc củng cố và hoàn thiện hệ thống KSNB cũng như hệ thống thông tin, trong đó có các phần mềm kế toán mà đơn vị áp dụng.

** Hợp và thống nhất những vấn đề liên quan đến khách hàng:*

KTV tổ chức cuộc họp với lãnh đạo đơn vị được kiểm toán để trao đổi, thống nhất những vấn đề liên quan. Nội dung cuộc họp thường bao gồm thảo luận về các bút toán điều chỉnh, các vấn đề liên quan đến phạm vi kiểm toán, các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý của đơn vị, khả năng đưa ra loại ý kiến nhận xét và dạng báo cáo kiểm toán của KTV. Mục đích của cuộc họp với khách hàng là để làm rõ và đi đến thống nhất một số vấn đề còn tồn tại để làm cơ sở cho việc lập báo cáo kiểm toán. Nội dung công việc họp tại khách hàng thường bao gồm: Tìm kiếm các thông tin để bổ sung cho hồ sơ cũng như kết quả kiểm toán; Tìm hiểu và xác định về khả năng hoạt động liên tục và các sự kiện phát sinh có liên quan; Đưa ra các vấn đề liên quan đến phạm vi kiểm toán và kiểm soát nội bộ ở khách hàng; Đưa ra các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý

và kế toán để xác định nguyên nhân và giải quyết trong phạm vi kiểm toán; Đưa ra bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và yêu cầu doanh nghiệp xem xét và thực hiện việc điều chỉnh; Thông báo cho khách hàng về khả năng đưa ra loại ý kiến nhận xét.

** Giải quyết sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán*

Trong giai đoạn đã lập báo cáo kiểm toán nhưng chưa phát hành BCTC, nếu KTV được ban giám đốc đơn vị thông báo về các sự kiện phát sinh có thể ảnh hưởng đến BCTC, KTV phải thực hiện các kỹ thuật kiểm toán cần thiết như:

- Thẩm tra những sự kiện đó xem có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC không.
- Nếu sự kiện gây ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, KTV cần yêu cầu đơn vị sửa lại BCTC.

Nếu đơn vị khách hàng đã sửa theo yêu cầu của mình, KTV cần áp dụng các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra lại và lập báo cáo kiểm toán mới cho phù hợp.

** Soát xét hồ sơ kiểm toán và hoàn tất cuộc kiểm toán:*

Sau khi soát xét đánh giá về Báo cáo kiểm toán, BCTC và hồ sơ liên quan, KTV sẽ tiến hành hoàn chỉnh dự thảo báo cáo kiểm toán gửi cho các cấp quản lý, soát xét theo quy định của công ty kiểm toán. Báo cáo kiểm toán cùng với hồ sơ kiểm toán sẽ được các cấp lãnh đạo soát xét lần cuối để đánh giá lần cuối về cuộc kiểm toán và hoàn tất hồ sơ kiểm toán. Việc soát xét này thường được thực hiện bởi lãnh đạo công ty kiểm toán hoặc chủ phần hùn. Công việc soát xét này được thực hiện hoàn toàn dựa trên hồ sơ tài liệu mà nhóm kiểm toán cung cấp hoặc thông qua trao đổi với người phụ trách kiểm toán. Mục đích là để đảm bảo rằng các công việc trong quá trình kiểm toán đều đã được thực hiện tốt, phù hợp với chuẩn mực kiểm toán và quy định có liên quan, các ý kiến kết luận đưa ra là phù hợp và có đầy đủ bằng chứng chứng minh và đảm bảo khách quan rằng chất lượng kiểm toán là tốt.

** Gửi báo cáo kiểm toán cho khách hàng:*

Sau khi soát xét đánh giá về báo cáo kiểm toán, BCTC và hồ sơ liên quan, KTV tiến hành hoàn chỉnh dự thảo báo cáo kiểm toán gửi cho khách hàng. Khi khách hàng chính thức chấp nhận báo cáo kiểm toán, KTV cần hoàn tất file hồ sơ kiểm toán để lưu trữ theo quy định của chuẩn mực kiểm toán hiện hành.

Đối với cuộc kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, trong giai đoạn này KTV cũng cần sử dụng sự trợ giúp của công nghệ thông tin và phần mềm nhằm làm tiết kiệm thời gian và chi phí cho cuộc kiểm toán, tuy nhiên mức độ và phạm vi ứng dụng công nghệ khác nhau, cụ thể:

+ Trong trường hợp đơn vị khách hàng ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, sử dụng máy tính và các phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thì KTV có thể sử dụng bản mềm BCTC của đơn vị khách hàng kết hợp với sử dụng phần mềm kiểm toán để lập bảng tổng hợp kết quả kiểm toán, Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh, lập các BCTC sau kiểm toán (hỗ trợ khách hàng), lập BCKT, thư quản lý, Báo cáo soát xét kết quả kiểm toán...

+ Trường hợp đơn vị chưa sử dụng phần mềm kiểm toán, KTV cũng nên triển khai các công việc kiểm tra chi tiết trên cơ sở khai thác tối đa các ứng dụng của máy tính như Word, Excel...Excel được sử dụng như một công cụ rất hữu ích để thực hiện các phép tính toán số học, sử dụng các hàm tin học để phân tích soát xét tính hợp lý của kết quả kiểm toán trước khi đưa ra ý kiến kết luận cuối cùng về BCTC được kiểm toán và sử dụng ứng dụng Word để lập Bảng tổng hợp kết quả kiểm toán, Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh, lập các BCTC sau kiểm toán (hỗ trợ khách hàng), lập BCKT, thư quản lý, Báo cáo soát xét kết quả kiểm toán....

3.3. NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUI TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN BCTC TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM

Hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC nói chung, hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin nói riêng nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán và chất lượng công tác quản lý điều hành trong các đơn vị được kiểm toán,

qua đó nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp là việc thực sự cấp thiết hiện nay. Tuy nhiên để thực hiện được các giải pháp nêu trên, cần có sự quan tâm từ nhiều phía, cụ thể là:

3.3.1 Về phía Nhà nước

❖ *Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực kiểm toán độc lập và hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên.*

Hoạt động kiểm toán được xây dựng và thực hiện phải dựa trên các văn bản luật, quy định, chuẩn mực, chế độ và các quy định pháp lý đầy đủ và phù hợp. Hệ thống pháp lý về kiểm toán có đầy đủ, phù hợp với thông lệ kiểm toán quốc tế cũng như đặc điểm của hoạt động kiểm toán ở Việt Nam sẽ đảm bảo cho công tác kiểm toán được xây dựng và thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm toán.

Tháng 3 năm 2011, Quốc hội đã thông qua luật kiểm toán độc lập, chính thức có hiệu lực từ 1/1/2012 làm cơ sở pháp lý cao nhất cho hoạt động kiểm toán độc lập đồng thời góp phần nâng cao vị thế của kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

Nhà nước cần đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán làm cơ sở cho hoạt động nghiệp vụ và nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ của kiểm toán độc lập. Đồng thời cũng cần thiết có sự hướng dẫn áp dụng chuẩn mực thống nhất và có hiệu quả.

Bộ Tài chính cần sớm xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chất lượng hoạt động kiểm toán cho phù hợp với thông lệ quốc tế, hướng đến mục tiêu được quốc tế thừa nhận về dịch vụ kiểm toán Việt Nam, hạn chế tính chủ quan của các KTV và tổ chức kiểm toán độc lập đối với kết quả kiểm toán, đảm bảo uy tín ngành nghề kiểm toán.

Chính phủ, Bộ Tài chính cần tiếp tục ban hành văn bản pháp luật để chuyển giao trực tiếp và mạnh hơn nữa công việc quản lý hành nghề kiểm toán từ cơ quan Nhà nước sang cho các tổ chức nghề nghiệp. Hội KTV hành nghề Việt Nam (VACPA) cần duy trì và phát triển mạnh mẽ hơn, phải thực sự là tổ chức độc lập mang tính nghề nghiệp cao nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo, phải có uy tín và danh tiếng để thu hút hội viên đẳng cấp nghề nghiệp cao hướng đến mục tiêu ngang tầm khu vực và quốc tế.

Việc ban hành luật kiểm toán độc lập và hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động của Kiểm toán độc lập sẽ là yếu tố quan trọng để phát triển hoạt động kiểm toán ở Việt nam, góp phần sớm tiến tới hội nhập với kiểm toán trên thế giới và theo đó việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán chắc chắn được các công ty kiểm toán quan tâm hơn.

❖ ***Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin***

Nhà nước cần sớm đưa ra những văn bản pháp lý tạo cơ sở định hướng cho việc thực hiện cũng như kiểm soát chất lượng đối với kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Các văn bản quy định về kiểm toán đối với doanh nghiệp kiểm toán: hiện nay Bộ tài chính mới chỉ đưa ra Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 401 - Thực hiện kiểm toán trong môi trường tin học - là những định hướng chung cho kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin nhưng chưa có các quy định về kiểm soát chất lượng khi thực hiện kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Các văn bản quy định về công tác kế toán đối với các đơn vị được kiểm toán: Các văn bản pháp lý cũng mới chỉ dừng lại ở mức quy định chung như Luật kế toán, nghị định về chứng từ điện tử, thông tư hướng dẫn về phần mềm kế toán... chứ chưa tạo ra hành lang pháp lý chung cho việc kế toán cũng như kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho kế toán cũng như kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin sẽ là các yếu tố vô cùng quan trọng góp phần tăng cường chất lượng kiểm toán BCTC hiện nay. Vì vậy việc khẩn trương nghiên cứu để hoàn thiện hệ thống các quy định pháp quy liên quan đến công tác kế toán và kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin để giúp cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên có đầy đủ cơ sở mang tính pháp lý để đưa ra ý kiến khi kiểm toán BCTC.

3.3.2 Về phía Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)

❖ ***Về công tác quản lý hoạt động kiểm toán***

Hiệp hội KTV hành nghề Việt nam (VACPA) cần nâng cao vai trò của mình đối với công tác quản lý hoạt động kiểm toán như quản lý và kiểm soát chặt chẽ danh sách KTV cũng như tổ chức KTĐL có đủ điều kiện hành nghề; thực hiện kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về kế toán, kiểm toán và các chuẩn mực kiểm toán; kiểm soát việc thực hiện và tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của KTV. VACPA phải trở thành hạt nhân liên kết, hợp tác của các tổ chức KTĐL với nhau tạo nên sức mạnh của ngành kiểm toán độc lập Việt Nam.

VACPA cần tăng cường kiểm tra và giám sát chất lượng thực hiện dịch vụ của các công ty KTĐL. Đồng thời, kết hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và ban hành cơ chế xử lý đối với các công ty KTĐL không tuân thủ nguyên tắc kiểm toán, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp ảnh hưởng đến uy tín của nghề kiểm toán và niềm tin của công chúng sử dụng thông tin.

❖ *Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán*

VACPA cần xây dựng chương trình đào tạo KTV; chương trình cập nhật kiến thức hàng năm cho phù hợp với từng loại cấp độ KTV; chương trình đào tạo chuyên môn kiểm toán chuyên sâu với từng đối tượng kiểm toán, từng loại hình đơn vị kiểm toán; trong chương trình đào tạo KTV cần chú ý trang bị kiến thức về các phần mềm kiểm toán, kế toán phổ biến để KTV có thể hiểu biết rõ và vận dụng tốt trong quá trình kiểm toán. Qua đó là động lực thúc đẩy ý thức nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp của mỗi KTV và những người tham gia kiểm toán.

VACPA cần xây dựng chương trình thi KTV, KTV quốc gia cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc làm này giúp cho mỗi KTV cần trang bị cho mình những kiến thức kiểm toán trên các phương diện lý luận và thực tế kiểm toán, đảm bảo việc hành nghề kiểm toán được thực hiện tốt. Góp phần đưa KTV và nghề kiểm toán của Việt nam hội nhập với thế giới và chất lượng dịch vụ kiểm toán được quốc tế công nhận.

VACPA cần thể hiện được vai trò là cầu nối giữa kiểm toán của Việt nam và kiểm toán quốc tế, góp phần phát triển lĩnh vực kiểm toán ở Việt nam cả về bề rộng lẫn chiều sâu.

❖ *Về công tác chuyên môn*

VACPA cần nghiên cứu và đưa ra các quy định hướng dẫn việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán để KTV dễ dàng thực hiện công việc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán. Ngoài ra VACPA cần nghiên cứu và ban hành thống nhất việc áp dụng những quy trình, phương pháp kiểm toán cho những đơn vị hay đối tượng kiểm toán đặc thù. Việc làm này tránh các hiện tượng làm thiếu, làm sai công việc kiểm toán; đảm bảo sự ổn định của giá phí kiểm toán; đảm bảo kết quả kiểm toán đạt được mục tiêu của TCKTĐL cũng như khách hàng được kiểm toán.

VACPA trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm quốc tế, cần phối hợp với các công ty kiểm toán độc lập Việt Nam để xây dựng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC mẫu nói chung và trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin nói riêng, làm định hướng để các công ty kiểm toán xây dựng quy trình và phương pháp kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của mình, đồng thời làm căn cứ để kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

VACPA cần tiếp tục góp sức cùng Nhà nước để xây dựng hệ thống chuẩn mực kiểm toán. Để có cơ sở khoa học và hợp lý cho hoạt động kiểm toán BCTC, việc hoàn thiện và đồng bộ về hệ thống chuẩn mực, chế độ kế toán trước mắt cũng như lâu dài là không thể thiếu được. Điều đó đòi hỏi sự chỉ đạo của Nhà nước và sự góp sức rất lớn của VACPA.

3.3.3 Về phía các công ty kiểm toán độc lập

Các tổ chức KTĐL nói chung và ban lãnh đạo cũng như KTV nói riêng phải ý thức được vai trò và uy tín của nghề nghiệp kiểm toán. Do đó, để củng cố và nâng cao năng lực cũng như uy tín nghề nghiệp kiểm toán thì các doanh nghiệp kiểm toán cũng như KTV cần thiết phải:

- Tuân thủ tốt các quy định và chuẩn mực được ban hành để hướng dẫn các hoạt động kiểm toán;
- Tuân thủ các quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp sẽ tạo nên uy tín nghề nghiệp cho bản thân KTV, công ty KTĐL và lĩnh vực kiểm toán;

- Trau dồi kiến thức công nghệ thông tin nói chung, sự hiểu biết về phần mềm kế toán, kiểm toán cơ bản nói riêng để có khả năng vận dụng tốt trong thực tiễn hoạt động kiểm toán
- Kết hợp với các bên có liên quan hoàn thiện và xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy về kiểm toán đặc biệt là các quy định về kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo phù hợp với thực tế kiểm toán ở Việt Nam và thông lệ quốc tế;
- Xây dựng chính sách nhân sự phù hợp trên các mặt: tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật đề bạt và phương pháp quản lý;
- Cần nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các quy trình kiểm toán chuyên ngành đối với từng loại đối tượng kiểm toán hay từng loại khách hàng. Cùng với việc ban hành các quy trình kiểm toán chuyên biệt là xây dựng hệ thống hồ sơ tài liệu liên quan cũng như cơ cấu tổ chức hay nhân sự tham gia;
- Từ quy trình kiểm toán chung áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp hay từng loại kiểm toán, công ty KTĐL thiết lập những cuốn cẩm nang để phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu và hướng dẫn KTV trong suốt quá trình thực hiện kiểm toán, trong đó có chú ý đến quy trình, phương pháp kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.
- Cần trang bị đầy đủ các điều kiện, phương tiện làm việc hiện đại trợ giúp cho công việc kiểm toán đạt chất lượng và hiệu quả.
- Cần tăng cường công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán. Kiểm soát chất lượng là một biện pháp hữu hiệu để xử lý các rủi ro phát sinh từ việc tranh chấp trách nhiệm nghề nghiệp kiểm toán là dịch vụ kinh doanh có điều kiện và mang tính chất tư vấn pháp lý cao.

3.3.4 Về phía các đơn vị được kiểm toán

- Tổ chức hệ thống kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin một cách khoa học và chặt chẽ, sử dụng phần mềm kế toán phù hợp và luôn chú ý bổ sung, nâng cấp phần mềm kịp thời nhằm đảm bảo độ tin cậy của BCTC và an toàn thông tin trong đơn vị;

- Các công ty cần chú ý nâng cao kỹ năng về công nghệ thông tin của cán bộ nhân viên trong đơn vị nói chung, cán bộ phòng IT và phòng kế toán nói riêng

- Có tinh thần hợp tác làm việc với các KTV đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời cho các KTV trong quá trình kiểm toán tại đơn vị.

Trên đây một số điều kiện cần thiết để hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam cần phải tự xây dựng và hoàn thiện quy trình, phương pháp kiểm toán BCTC nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán. Trong đó, việc nghiên cứu hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin là vấn đề mang tính thời sự cấp thiết của các công ty kiểm toán độc lập hiện nay, xét trên cả 2 góc độ về khách thể và chủ thể của cuộc kiểm toán.

Trong điều kiện hầu hết các đơn vị được kiểm toán đã thực hiện tin học hoá công tác kế toán như hiện nay, việc KTV và công ty kiểm toán độc lập áp dụng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp cho việc thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp một cách nhanh chóng hơn nhiều so với cuộc kiểm toán thủ công, từ đó tạo điều kiện cho việc đưa ra ý kiến đúng đắn về các thông tin trên BCTC và tiết kiệm thời gian, chi phí cho cuộc kiểm toán, đảm bảo sự cân đối, hài hoà giữa rủi ro và chi phí kiểm toán, vừa đảm bảo sự thận trọng nghề nghiệp, vừa đảm bảo sự cạnh tranh trên thương trường.

Đề tài nghiên cứu đã hệ thống hóa và phân tích làm sáng tỏ lý luận cơ bản về kiểm toán BCTC, quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện

ứng dụng công nghệ thông tin trong các công ty kiểm toán độc lập; Trình bày và phân tích khá rõ nét về thực trạng quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra những kết quả đã đạt được và những hạn chế, vướng mắc cần hoàn thiện trong quá trình thực hiện và nguyên nhân của những tồn tại đó. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, kết hợp nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đề tài đã trình bày rõ sự cần thiết, yêu cầu, nguyên tắc và những giải pháp hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam hiện nay và các điều kiện thực hiện giải pháp.

Đề tài đã được thực hiện với sự cố gắng, nỗ lực và tâm huyết của nhóm tác giả và sự giúp đỡ chu đáo, tận tình của KTV trong các công ty kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Với phương châm tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để chia sẻ, chúng tôi tin rằng kết quả nghiên cứu đề tài sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo chuyên ngành kiểm toán của Học viện Tài chính nói riêng, sự nghiệp đào tạo KTV của Việt Nam nói chung, đồng thời cũng nâng cao nhận thức và cải tiến thực tế hoạt động kiểm toán BCTC trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam hiện nay.

Do điều kiện thời gian, tài liệu và kinh nghiệm còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm nghiên cứu đề tài mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và các bạn đồng nghiệp để vấn đề đặt ra nghiên cứu sẽ được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp, trao đổi kinh nghiệm hết sức quý báu của các Quý vị!

Hà Nội, tháng 5 năm 2011

Nhóm tác giả